|  |  |
| --- | --- |
| **NGỮ VĂN THPT**  **ĐỢT 2** | **15 CHUYÊN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC**  **Năm học 2023-2024 - Môn: Ngữ văn – khối 11**  *@nhomgiaoviennguvanthpt@gmail.com*  *( Tài liệu gồm có: 70 trang )* |
| ***Họ tên giáo viên:***  ***Đơn vị:*** | |

***Nội dung 1:***

***VĂN HỌC LÀ NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ***

***1. Ngôn từ là chất liệu xây dựng hình tượng của văn học***

*Nghệ thuật nói chung đều phản ánh cuộc sống con người nhưng mỗi ngành nghệ thuật có một chất liệu riêng. Hội họa dùng màu sắc, đường nét… âm nhạc diễn tả bằng âm thanh, tiết tấu… điêu khắc dùng chất liệu (kim loại, đá, gỗ…) tạo nên hình khối, đường nét v.v… Còn văn học phải diễn tả bằng ngôn từ. Mỗi tác phẩm văn học phải được gắn liền với một thứ ngôn ngữ và văn tự (gốc) nhất định. Ngôn ngữ, văn tự là công cụ của nhà văn. Nhà văn Nguyễn Tuân được ca ngợi là bậc thầy về ngôn ngữ. Văn của ông là tờ hoa, là trang văn. Hồ Chí Minh viết văn làm thơ bằng tiếng mẹ đẻ, bằng tiếng Pháp, bằng chữ Hán.*

***2. Những đặc điểm của ngôn từ văn học***

*- Nhà văn nhà thơ phải sử dụng ngôn từ và trau chuốt nó, tạo thành một thứ ngôn ngữ văn chương giàu có, sang trọng, đẹp đẽ. Ngôn ngữ văn học có những đặc điểm sau:*

*– Tính hệ thống*

*– Tính chính xác*

*– Tính truyền cảm*

*– Tính hình tượng*

*– Tính hàm súc, đa nghĩa*

*– Tính cá thể hoá*

*Trong đó, tính chính xác, tính truyền cảm, tính hình tượng là cực kỳ quan trọng. Nói rằng “Văn hoa dã chất chi đối”, “Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu” là như vậy. Kim Trọng khen Kiều khi nàng làm một bài thơ viết lên bức tranh Kim Trọng mới vẽ:*

*“Khen tài nhả ngọc phun châu,*

*Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này!”*

*Nhà văn sử dụng ngôn từ để xây dựng hình tượng văn học. Vì thế đọc sách hoặc phân tích thơ văn không được thoát li văn bản và ngôn từ.*

*Ngoài ra, ngôn từ còn phải có tính trong sáng, phù hợp chuẩn mực toàn dân và có tính mới lạ, hấp dẫn.*

***3. Tính chất “phi vật thể” của chất liệu ngôn từ và khả năng diễn tả đặc biệt phong phú của nghệ thuật ngôn từ***

*- Xem tranh xem ti vi… đã thấy được cụ thể cảnh vật, sự việc biểu hiện. Đọc văn, ta phải tưởng tượng, liên tưởng, suy luận, cảm xúc với tất cả mọi giác quan và tâm hồn, mới hình dung được cảnh vật, sự việc. Điều đó nói lên rằng, ngôn từ mang tính chất “phi vật thể”. Con chứ đấy, câu thơ đấy nhưng không phải ai cũng hiểu và cảm như nhau.*

*- Ngôn từ có sức mạnh vạn năng, có thể diễn tả sự việc theo dòng chảy lịch sử qua hàng trăm năm, hàng vạn năm trên một không gian hữu hạn hoặc rộng lớn vô hạn.*

*- Ngôn từ còn có khả năng diễn tả những rung động biến thái của tâm hồn con người. Thật là kỳ diệu khi Nguyễn Trãi viết:*

*“Ngư ca tam xướng yên hồ khoát,*

*Mục đích nhất thanh thiên nguyệt cao!”*

*(Ức Trai thi tập)*

*Văn học là sự thể hiện tinh tế tư tưởng và tình cảm, ước mơ và khát vọng, quan điểm và lý tưởng thẩm mĩ của nhà văn đối với con người và cuộc sống. Mỗi trang văn, mỗi bài thơ (đích thực) dù nói về gì, đề tài gì rộng lớn hay bé nhỏ đều thể hiện lòng yêu, sự ghét của tác giả, thể hiện một quan điểm nhân sinh hoặc lên án cái ác, hoặc ca ngợi tình yêu, đưa tới sự hướng thiện, cái cao cả, cái đẹp của thiên nhiên và con người. Văn học mang tính khuynh hướng rõ rệt.*

*“Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,*

*Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi*

*Lẽ nào trời đất dung tha*

*Ai bảo thần dân chịu được*

*(Nguyễn Trãi)*

*“Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh*

*Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần.*

*Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,*

*Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân…*

*(Nguyệt Cầm – Xuân Diệu)*

*“Yêu biết mấy, những con người đi tới*

*Hai cánh tay như hai cánh bay lên*

*Ngực dám đón những phong ba dữ dội*

*Chân đạp bùn không sợ các loài sên”*

*(“Mùa thu tới” – Tố Hữu)*

*Nếu không hiểu được ngôn từ sao có thể cảm được cái hay của hai câu thơ trên?*

***4. Văn học (nghệ thuật ngôn từ) là một lĩnh vực độc đáo***

- Văn học nghệ thuật bao gồm: tác phẩm, nhà văn và quá trình sáng tác, hiện thực đời sống, bạn đọc và quá trình tiếp nhận.

- Sự độc đáo của tác phẩm văn chương được thể hiện qua các yếu tố:

+ Về tác phẩm: Tác phẩm độc đáo phải là “một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung”

+ Về nhà văn: Để có một tác phẩm văn học độc đáo, nhà văn phải có phong cách riêng. Nghĩa là phải có những nét riêng độc đáo trong trong nhận thức, trong phản ánh cuộc sống, trong sáng tạo hình thức nghệ thuật và để lại dấu ấn riêng trên từng trang sách.

+ Về hiện thực đời sống: Hiện thực trong tác phẩm văn học vừa giống như ngoài đời vừa không giống và phải là một hiện thực độc đáo được phản ánh qua cái nhìn độc đáo của nhà văn.

(Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng vật liệu mượn ở thực tại nhưng nghệ sĩ không ghi lại những cái đã có rồi mà muốn nói một điều gì mới mẻ).

+ Về người đọc và quá trình tiếp nhận: Người đọc luôn đòi hỏi văn học nghệ thuật phải độc đáo, mới lạ. Họ sẽ nhàm chán nếu cứ gặp lại cái cũ lỗi thời. Người đọc cũng phải có cái nhìn độc đáo mới có thể khám phá hết cái độc đáo của nhà văn và tác phẩm. Càng có năng lực thẩm mỹ thì người đọc càng có cơ hội tìm thấy tiếng nói độc đáo của nhà văn.

* Nghệ thuật là lĩnh vực độc đáo là nói đến bản chất thẩm mỹ của nghệ thuật.

***Nội dung 2:***

**VĂN HỌC LÀ TẤM GƯƠNG PHẢN ÁNH ĐỜI SỐNG**

**1. Thực tại đời sống là cội nguồn sáng tạo nghệ thuật**

- Không có cuộc sống sẽ không có sáng tạo nghệ thuật. Đối tượng phản ánh của văn học là con người trong không gian, thời gian, thiên nhiên, vũ trụ và trong các mối quan hệ xã hội. Văn học phản ánh đời sống của con người và nhận thức về con người với ước mơ tâm tư nguyện vọng.

- Thực tại đời sống là đề tài vô tận cho văn chương khai thác và phản ánh, là chất liệu vô cùng phong phú sinh động cho nhà văn lựa chọn và sử dụng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật. Hiện thực chính là cái nôi nuôi dưỡng nhà văn, là mảnh đất nhà văn sống hình thành cảm xúc. "Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học", "Nhà văn là người thư kí trung thành của thời đại". Bởi vậy văn học là cuốn “ bách khoa toàn thư” về đời sống và con người. Nhà văn lấy chất liệu là [cuộc sống](https://vietvanhoctro.com/tag/cuoc-song) hiện thực, từ đó cung cấp cho con người nhưng tri thức về xã hội, làm giàu vốn tri thức của con người.

- Văn học là tấm gương phản ánh đời sống, không bám sát đời sống nhà văn sẽ không thể cho ra đời những tác phẩm văn học giàu chất sống, có giá trị. Nếu thoát li thực tại, văn chương sẽ rơi vào siêu hình, thần bí.

**2. Không thể đánh đồng thực tại với văn chương**

- Văn học phản ánh đời sống nhưng không bê nguyên xi hiện thực vào trong tác phẩm. Nếu đánh đồng thực tại với văn chương thì lúc đó văn chương không phải là sáng tạo nghệ thuật. Nếu văn chương chỉ và ghi chép lại những điều đã có trong hiện thực thì người đọc cũng chỉ nhìn thấy trong tác phẩm những gì họ nhìn thấy ngoài đời và như vậy văn chương không còn cần thiết và không có giá trị gì, tác phẩm sẽ trở nên nhạt nhẽo, vô hồn.

- Thực tại trong văn học không phải là sự phản ánh máy móc, rập khuôn mà được thể hiện qua chủ quan của người nghệ sĩ. Nó được phản chiếu qua tâm hồn, trí tuệ, cảm xúc mãnh liệt của nhà văn trước hiện thực. Nếu nhà văn chỉ chụp ảnh cuộc sống thì không cần đến vai trò của nhà văn. Sứ mệnh của nghệ sĩ là phản ánh hiện thực theo cái mới, qua tác phẩm kí thác những thông điệp tinh thần muốn gửi đến bạn đọc, hướng con người đến vẻ đẹp chân- thiện- mĩ. Để đạt được hiệu quả nghệ thuật, trong tác phẩm hiện thực đôi khi được hư cấu, tô đậm hơn.

- Thực tại trong tác phẩm văn chương bao gồm cả những điều mà mọi người đều đã thấy và cả vấn đề người khác chưa thấy, những điều sâu sắc mới mẻ mà chỉ nhà văn mới thấy.

- Hiện thực đời sống được người nghệ sĩ sắp xếp, tái hiện một cách sáng tạo thành chỉnh thể nghệ thuật. Tuy nhiên sự lựa chọn, sắp xếp hiện thực trong tác phẩm văn chương cần phải tạo cho nhà văn, nhà thơ một tiếng nói riêng, một phong cách riêng, tạo nên sự hấp dẫn với bạn đọc.

*Có thể nói, tác phẩm văn học đích thực phải là sự phản ánh, sáng tạo, kiến giải hay về con người và đời sống.*

**3. Thực tại trong tác phẩm văn chương là cơ sở tạo nên giá trị hiện thực của tác phẩm**

***3.1. Biểu hiện của tính hiện thực của tác phẩm văn học là:***

+ Phản ánh đúng thực tại, bản chất của đời sống và chức năng của văn học là giúp con người nhận thực đời sống xã hội.

+ Sự chân thực của cảm xúc, đánh giá, bày tỏ thái độ của người nghệ sĩ trước hiện thực, sự thể hiện bản lĩnh, nhân cách, cá tính độc đáo, tài năng của họ.

***3.2. Bản chất của tính hiện thực trong tác phẩm văn học***

+ Đối tượng phản ánh của văn học là toàn bộ thế giới khách quan, có nghĩa là phạm vi phản ánh của văn học bao gồm tất cả những gì có trong thực tế khách quan. Hiện thực là cội nguồn sản sinh ra các sáng tác văn học và đồng thời là chìa khóa giải thích những hiện tượng phức tạp trong văn học. Cho nên có thể nói tính hiện thực là thuộc tính tất yếu của văn học.

+ Giá trị hiện thực của tác phẩm văn học là toàn bộ hiện thực được nhà văn phản ánh trong tác phẩm văn học, tùy vào ý đồ sáng tạo mà hiện thực đó có thể đồng nhất với thực tại cuộc sống hoặc có sự khúc xạ ở những mức độ khác nhau. Hiện thực trong các tác phẩm văn chương có thể là hiện thực được hư cấu.

- Văn học không tách rời tư tưởng nhưng chính tư tưởng cũng bắt nguồn từ hiện thực, bởi ý thức con người chính là sự phản ánh đời sống xã hội. Vì thế có thể khẳng định, bất kì nền văn học nào cũng được hình thành trên một cơ sở hiện thực nhất định. Cho dù là một tác phẩm lãng mạn hay một tác phẩm viễn tưởng thì văn học vẫn bắt nguồn từ một hiện thực đời sống nhất định, mang dấu ấn của một thời đại nhất định.

- Tuy nhiên, tính hiện thực trong các tác phẩm văn học được thể hiện đậm nhạt khác nhau. Chỉ khi nào nhà văn phản ánh đúng bản chất hay một vài khía cạnh của bản chất đời sống thì hiện thực của tác phẩm ấy mới đạt đến tính chân thật.

- Tác phẩm có tính hiện thực cao là tác phẩm phản ánh được quy luật phổ biến, những tất yếu khách quan, những chân lí đời sống, những kiểu người và những quan hệ hiện thực cơ bản của đời sống thể hiện qua những điển hình văn học.

***Nội dung 3:***

**MỐI QUAN HỆ GIỮA NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC**

**TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**1. Các khái niệm**

***- Tác phẩm văn học:***

Tác phẩm văn học là công trình nghệ thuật ngôn từ được tác giả sáng tác nhằm khái quát bằng hình tượng về cuộc sống con người, thể hiện tư tưởng, tình cảm, thái độ của tác giả trước thực tại. Nó trở thành đối tượng thưởng thức, tiếp nhận của bạn đọc. Bản chất, thuộc tính của văn học đều biểu hiện ở tác phẩm văn học. Tác phẩm văn học được biểu hiện ở hai mặt nội dung và hình thức. Tác phẩm văn học độc đáo phải là "một phát minh về hình thức và khám phá về nội dung" (Leonit Leonop).

***- Nội dung trong tác phẩm văn học:***

+ Nội dung của tác phẩm bất nguồn từ mối quan hệ giữa văn học và hiện thực. Tác phẩm văn học mô phỏng, tái hiện đời sống sống động với hoạt động của con người, con vật, đồ vật… Thông qua đó nhà văn bày tỏ tư tưởng, tình cảm, tâm tư của mình với cuộc đời, thể hiện cái nhìn cá nhân về hiện thực đời sống. Vì vậy, nội dung của tác phẩm văn học bao gồm: đề tài, chủ đề, cảm hứng, tư tưởng.

+ Nhà văn chân chính luôn suy nghĩ, trăn trở sao cho nội dung tác phẩm của mình thấm nhuần tinh thần nhân văn cao đẹp, có ý nghĩa tư tưởng sâu sắc, có tác dụng nâng cao phẩm chất, hoàn thiện con người.

***- Hình thức trong tác phẩm văn học:***

***+*** Hình thức trong tác phẩm văn học là chất liệu, thủ pháp tổ chức nên tác phẩm văn học, cụ thể là một văn bản ngôn từ. Nó là kênh duy nhất truyền đạt nội dung của tác phẩm, là phương tiện cấu tạo nội dung và làm cho nó có bộ mặt độc đáo. Hình thức tác phẩm văn học bao gồm các yếu tố như thể loại, ngôn ngữ, kết cấu, hình ảnh, nhịp điệu, biện pháp tu từ…

+ Hình thức cũng là yếu tố quan trọng góp phần tạo nên giá trị tác phẩm. Không đạt đến trình độ nghệ thuật nhất định, một văn bản ngôn từ không được xem là tác phẩm văn học đích thực. Hình thức tác phẩm văn học hướng đến sự hoàn mĩ.

**2. Mối quan hệ giữa nội dung và hình thức trong tác phẩm văn học**

- Trong tác phẩm văn học không thể tách rời hai yếu tố nội dung và hình thức. Nội dung và hình thức của tác phẩm văn học có quan hệ mật thiết như tâm hồn và thể xác, tồn tại thống nhất, hữu cơ với nhau . Nội dung chỉ có thể được biểu hiện qua hình thức và hình thức phải là của một nội dung nào đó. Tác phẩm văn học phải có sự thống nhất, hài hòa giữa nội dung và hình thức, thống nhất giữa nội dung, tư tưởng cao đẹp và hình thức nghệ thuật hoàn mĩ.

- Sự thống nhất giữa nội dung và hình thức được biểu hiện ở hai mặt: nội dung quyết định hình thức và hình thức phù hợp nội dung.

+ Trong quan hệ nội dung – hình thức ở tác phẩm văn học thì nội dung bao giờ cũng quyết định hình thức, quyết định sự lựa chọn phương tiện, phương thức sáng tạo tác phẩm. Tất cả những yếu tố hình thức như ngôn ngữ kết cấu, thể loại,… đều nhằm phục vụ tốt nhất cho chức năng bộc lộ sinh động và sâu sắc của nội dung tác phẩm.

+ Cái hay của tác phẩm văn học phải được thể hiện qua nội dung mới mẻ, có ý nghĩa sâu sắc và nội dung đó phải được đặt trong một hình thức phù hợp thì người đọc mới cảm nhận được.

+ Tuy nhiên, hình thức cũng có tính độc lập nhất định. Nó tác động trở lại với nội dung. Nó đòi hỏi nhà văn phải có sự tìm tòi, trăn trở để sáng tạo nên những gì có giá trị nghệ thuật cao nhất. Và một khi tìm được phương tiện và phương thức phù hợp nhất thì những phương tiện, phương thức này phát huy tối đa giá trị của chúng và mang lại giá trị vô giá cho tác phẩm.

- Những tác phẩm văn học có giá trị lớn thì càng chứng tỏ sự thống nhất cao độ giữa nội dung và hình thức. Nhà văn Nga, Lê-ô-nôp khẳng định: “Tác phẩm nghệ thuật đích thực bao giờ cũng là một phát minh về hình thức và là một khám phá về nội dung”.

**Mở rộng:**

Một tác phẩm văn học có đứng vững được trong lòng người hay không chính là nhờ tài năng và phẩm chất của người nghệ sĩ. Phải qua bàn tay nhào nặn tài hoa của nhà văn, mỗi tác phẩm mới thực sự là một công trình sáng tạo nghệ thuật. Sáng tạo nghệ thuật là một thứ sáng tạo tinh thần. Nó không sản xuất theo dây chuyền công nghệ mà phụ thuộc vào ý kiến chủ quan của người nghệ sĩ. Người nghệ sĩ là người quyết định sự ra đời của tác phẩm. Và tác phẩm văn học là một công trình sáng tạo nghệ thuật chỉ khi lao động của người nghệ sĩ đúng là lao động sáng tạo. Nhà văn có vai trò quan trọng trong quy trình sáng tạo. Mỗi nhà văn là một thế giới khác nhau, tạo nên sự phong phú cho nền văn học, cho sự đa dạng của các cá tính nghệ thuật.

Quá trình lao động nghệ thuật của nhà văn là quá trình công phu bởi nó đòi hỏi nhiều trí lực, tâm huyết của người nghệ sĩ. Đó là công việc không chỉ đổ mồ hôi mà thậm chí còn đổ cả máu và nước mắt. Có người nghệ sĩ cả đời chung đúc để viết một tác phẩm nhưng cũng có người chỉ trong một khoảnh khắc một tác phẩm ra đời.

Sự sáng tạo trong văn chương không cho phép người nghê sĩ chân chính dẫm lên đường mòn hay đi theo con đường của người khác. Nam Cao đã từng nói khẳng định một tác phẩm văn học phải vượt lên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi; ca tụng tình yêu, bác ái, công bằng và “Văn chương không cần đến sự khéo tay, làm theo một cái khuôn mẫu. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo ra cái gì chưa có. “Văn học nằm ngoài những định luật của sự băng hoại. Chỉ mình nó không thừa nhận cái chết” (Sê-đrin). Tác phẩm văn học đã ghi nhận những sáng tạo của người nghệ sĩ và khẳng định nó bằng những giá trị bất tử của mình.

***Nội dung 4:***

***CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC***

Chức năng văn học là gì? Chức năng văn học là vai trò vị trí của văn học trong đời sống xã hội, là tác dụng, giá trị xã hội của văn học đối với đời sống tinh thần của con người. Văn học là hiện tượng đa chức năng, các chức năng gắn bó hữu cơ không tách rời nhau. Sự gắn bó giữa các chức năng làm cho văn học có sức tác động sâu xa, bền bỉ, có sức sống mãnh liệt, lâu dài trong đời sống tinh thần của con người. Nói đến chức năng của văn học là nói đến mục đích sáng tác tác phẩm văn học, đến vấn đề viết để làm gì?

***1. Chức năng nhận thức***

* Văn học có chức năng khám phá những quy luật khách quan của đời sống xã hội và  
  đời sống tâm hồn của con người. Tác phẩm văn học là quá trình nhà văn khám phá và lí giải hiện thực rồi phản ánh vào tác phẩm. Mỗi nhà văn đều ở một thời đại nhất định bởi vậy văn chương là tiếng nói của các thời đại phản ánh hiện thực đời sống, đạo đức xã hội, thậm chí phơi bày những mặt trái của xã hội ấy để góp phần cải tạo xã hội. Không phải ngẫu nhiên đã có người cho rằng văn học có khả năng cung cấp tri thức bách khoa về đời sống “Văn học là cuốn sách giáo khoa của đời sống”
* Văn học có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người muốn hiểu biết về thế giới xung quanh và chính bản thân mình. Chính cuốn sách ấy đã thể hiện một cách tinh tế và sắc sảo từng đổi thay, từng bước vận động của xã hội. Nó tựa như “chiếc chìa khoá vàng mở ra muôn cánh cửa bí ẩn, đưa con người tới ngưỡng cửa mới của sự hiểu biết thế giới xung quanh”.
* Văn học có thể đem đến những nhận thức, hiểu biết sâu rộng cho con người về nhiều mặt của cuộc sống ở:

+ Không gian khác nhau: tri thức về các quốc gia, vùng miền, xứ sở… khác nhau.

+ Thời gian khác nhau: quá khứ, hiện tại, tương lai

+ Hiểu biết phong phú ở nhiều lĩnh vực: văn học, lịch sử, địa lí, văn hóa…

+ Hiểu được bản chất của con người nói chung về tư tưởng, tình cảm, khát vọng, sức mạnh, mục đích tồn tại giúp con người mài sắc cảm giác, biết phân biệt thật giả, biết cảm nhận tinh tế sự phong phú của thế giới cảm tính, phát hiện cái chung, cái bản chất, cái mới lạ, sâu xa qua cái ngẫu nhiên cá biệt, cái quen thuộc, cái bình thường.

* Tác phẩm văn học đem tới cho người đọc những kiến thức xã hội phong phú. Nhưng đấy không phải là mục đích cuối cùng của nhà văn. Mục đích của văn học chính là giúp người đọc từ chỗ nhận thức về con người, về cuộc sống rồi tự nhận thức được chính mình, khám phá được giá trị và năng lực vô tận của mình để phấn đấu, sáng tạo.

***2. Chức năng giáo dục***

- Giá trị giáo dục của văn học xuất phát từ nhu cầu hướng thiện của con người. Chức năng giáo dục thường được xem là giáo dục đạo đức, phẩm chất cho con người. Ngay từ thời cổ đại Hi Lạp Arixtot đưa ra phạm trù thanh lọc khi người ta xem kịch nếu có khóc thì sẽ làm người ta trong sạch và cao thượng hơn. Nhà mĩ học Letsxing của Đức cho rằng “Nghệ thuật là hình thái đặc trưng, hình thành từ những tìm tòi, khám phá của người nghệ sĩ về hiện thực đời sống. Nghệ thuật mang đến cái nhìn toàn diện và đầy đủ hơn về xã hội, thể hiện những quan điểm của người nghệ sĩ, từ đó tác động mạnh mẽ đến nhận thức, tình cảm, cảm xúc của người tiếp nhận. Chính vì vậy, nghệ thuật luôn ẩn chứa sử mệnh cao cả và thiêng liêng, góp phần làm đẹp cho cuộc đời. Tố Hữu đã từng phát biểu: “Nghệ thuật là câu trả lời đầy thẩm mĩ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên”. Còn Nguyên Ngọc thì khẳng định: “Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”.

- Văn học bồi đắp, định hướng tư tưởng, tình cảm cho con người và thanh lọc tâm hồn còn người. Văn học giáo dục con người về:

+ Giáo dục tư tưởng: giúp con người lựa chọn những giá trị sống tích cực, đẹp đẽ như bài học về lòng yêu nước, lòng nhân ái, có lí tưởng sống cao đẹp…

+ Giáo dục tình cảm: giúp con người biết yêu, ghét, vui, buồn đúng đắn, có tâm hồn trong sáng, cao thượng

+ Giáo dục đạo đức: nâng đỡ nhân cách con người khi giúp họ biết phân biệt đúng sai, phải trái, tốt xấu từ đó hình thành mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người.

=> Mỗi tác phẩm văn học chân chính đều là một lời đề nghị về lẽ sống để con người tự rèn luyện bản thân ngày càng tốt đẹp hơn.

- Giáo dục về đạo đức, phẩm chất cho con người trong văn học diễn ra qua cuộc đối thoại giữa tác giả và người đọc, được gợi mở qua hệ thống hình tượng nghệ thuật độc đáo và cảm xúc mãnh liệt của nhà văn. Vì thế chức năng giáo dục của văn học không khô khan, giáo điều mà sinh động, đầy sức thuyết phục, không phải ngay lập tức mà ngấm dần, thấm sâu có giá trị lâu bền, gợi được những suy nghĩ sâu xa của con người với cuộc đời.

=> Văn học có khả năng giáo dục và nhân đạo hóa con người, giúp con người hoàn thiện bản thân và có những hành động thiết thực để xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

***3. Chức năng thẩm mĩ***

* Nghệ thuật sáng tạo trên nguyên tắc cái đẹp, vì thế không thể thoát khỏi quy luật của cái đẹp. Giá trị thẩm mĩ xuất phát từ nhu cầu cảm thụ và thưởng thức cái đẹp của con người. “Cái đẹp là điều kiện không thể thiếu được của nghệ thuật, nếu thiếu cái đẹp thì không và không thể có nghệ thuật”.
* Chức năng thẩm mĩ của văn học được thể hiện rõ trên hai bình diện:

+ *Nhà văn khám phá và thể hiện cái đẹp để thỏa mãn nhu cầu thẫm mĩ, khơi dậy những khoái cảm nghệ thuật ở bạn đọc:* Cái đẹp mà văn học mang tới là cái đẹp của cuộc đời như: cảnh thiên nhiên, tạo vật; vẻ đẹp của cảnh đời cụ thể; vẻ đẹp hào hùng của chiến trận; vẻ đẹp của tình đời, tình người; vẻ đẹp của một con người, dân tộc... Đặc biệt văn học có thể khám phá và thể hiện những vẻ đẹp ấy từ hình thức bên ngoài đến bản chất bên trong của đời sống, con người. Ngoài ra, cái đẹp trong tác phẩm văn học còn có thể được thể hiện qua hình thức nghệ thuật của tác phẩm như nghệ thuật xây dựng hình tượng, nghệ thuật sử dụng ngôn từ, hình ảnh, kết cấu…

+ Văn học giúp hình thành thị hiếu, lí tưởng thẩm mĩ, đánh thức bản chất nghệ sĩ và cảm hứng sáng tạo của con người. Thị hiếu là năng lực định giá thẩm mĩ (năng lực nhận biết, đánh giá cái đẹp). Nó giúp con người có khả năng phân biệt cái đẹp, cái xấu; cái thẩm mĩ với cái phi thẩm mĩ, nhận ra nét bi và hài trong các sự vật và hiện tượng, làm giàu kho kinh nghiệm thẩm mĩ, mài sắc các giác quan thẩm mĩ. Thường xuyên tiếp xúc với văn học nghệ thuật ta sẽ thành người sành sỏi, tinh tế, nhạy bén có chuẩn mực đánh giá riêng của mình để phân biệt cái đẹp và không đẹp trong văn học và trong cuộc sống quanh ta. Từ đó, đánh thức bản chất nghệ sĩ và niềm say mê sáng tạo trong mỗi cá nhân.

**\* Chức năng giao tiếp:**

Nói đến giao tiếp là nói đến sự giao lưu, thông báo, trao đổi. Nghĩa là ở đây có vấn đềngười nói, người nghe, người gửi, người nhận và phương tiện để để liên hệ. Ở khâu sáng tác người viết mỗi khi cầm bút là muốn giãy bày, chia sẻ, cần nói ra,không nói ra không được. Sống cần phải giao tiếp nếu không giáo tiếp có nghĩa là không sống. Vì thế con người sử dụng nghệ thuật như là một con đường quan trọng để giao lưu với nhau chẳng khác nào như cây cối cần giao lưu với không khí và ánh sáng mặt trời. Sáng tác đầu tiên là muốn giãi bày, mang những tâm tư trăn trở của nhà văn tác động vào người khác. Ở mức độ thấp nó gợi sự chia sẻ, đồng cảm, ở mức độ cao hơn nótrở thành “tiếng nói đồng ý, đồng tình “ (Tố Hữu ), thành sợi dây liên két, tiếng kèn tập hợp. Lúc đó nó không chỉ là hoạt động của một người hướng đến một người mà trở thành hoạt động giao tiếp rộng rãi của mọi người. Trong hoạt động giao tiếp này nhà văn không phải là người đưa tin truyền tinmột cách bình thường chỉ đơn giản là truyền tải thông tin. Vì tác phẩm văn học chứa đựng tư tưởng tình cảm và mang khuynh hướng xã hội rõ nét. TPVH không đơn thuần là thông báo sự kiện, tri thức mà thể hiện thái độ của con người trước cuộc sống, những suy nghĩ của con người trước cuộc sống. Tác phẩm văn học đưa con người xích lại gần nhau không phải bằng không gian, thời gian mà bằng tình cảm, tinh thần. Tác phẩm nghệ thuật nối liền tác giả - người đọc – người đọc xích lại gần nhau hơn: họ quen nhau, hiểu nhau qua giao tiếp bằng tác phẩm nghệ thuật. Đặc biệt nhờ nghệ thuật con người có thể giao lưu cả quá khứ - hiện tại – tương lai, mang tiếng nói của dân tộc này đến dân tộc khác, thế hệ trước đến thế hệ sau; nó khắc phục khoảng cách về không gian và thời gian đem lại sự giao tiếp nhiều chiều, đem con người trở nên gần nhau hơn.

Vì vậy “Chừng nào tâm hồn một con người cần đến với một tâm hồn khác, chừng đó tác phẩm nghệ thuật còn cần thiết cho con người (Dêgơcx ).

**\* Chức năng giải trí:**

Bên cạnh thức năng giao tiếp, văn học còn là nơi để chúng ta giải trí, nhưng đây không phải là giải trí thông thường mà là sự giải trí có tính nghệ thuật. Một sự giải trí nhẹ nhàng, thanh cao và trong sáng. Có nghĩa là sự giải trí trong văn học không những giúp chúng ta giải tỏa bớt sự căng thẳng mệt nhọc đem lại phút giây thư giãn mà khi đắm mình trong không gian nghệ thuật ấy, văn học thanh lọc tâm hồn thúng ta thêm trong và cung cấp thêm những hiểu biết về cuộc sống, xã hội, học tập,… có lẽ văn học đã đem đến cho nhân loại chúng ta một cách nghỉ ngơi khá lí thú, như Ranh Gamzatop đã từng nói nó *vừa là nơi nghỉ ngơi vừa là cuộc hành trình khiến ta hứng thú*. Chính vì vậy, giải trí bằng văn học vừa mang lại niềm vui phấn khích.như các hình thức vui khác, vừa làm cho con người trở nên có văn hóa hơn, hiểu và sáng yêu hơn.

Những chức năng của văn học không tồn tại tách rời mà gắn bó chặt thẽ với nhau, làm tốt chức năng này thì đồng thời cũng tạo điều kiện để các chức năng khác phát huy tác dụng. Toàn bộ các chức năng của văn học luôn tác động qua lại với nhau, luôn tồn tại trong mối quan hệ chuyển hóa nhân quả, và tùy theo điều kiện lịch sử cụ thể của sự phát thẩn văn học ở các thời đại khác nhau, các dân tộc khác nhau, mối tương quan và trọng tâm của các chức năng cũng thay đổi. Điều đó đòi hỏi khi xem xét chức năng của văn học phải có quan điểm lịch sử đúng đắn.

***Nội dung 5:***

**NHÀ VĂN VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC**

**I. NHÀ VĂN**

**1. Thiên chức nhà văn**

*- Thiên chức của vị sứ giả văn hóa:* Nhà văn sáng tạo ra tác phẩm mang tính cầu nối để con người đến với con người, thời đại này đến với thời đại khác, nền văn hóa này đến với nền văn hóa khác...

- *Thiên chức sáng tạo:* Nhà văn Nam Cao từng nói rằng: “Nghệ thuật không phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối”. Đúng vậy nghệ thuật phải nên là ánh trăng tỏa sáng đẹp nhất lung linh nhất, nhưng cũng phải chân thật, dịu dàng nhất. Dấn thân vào con đường nghệ thuật, người nghệ sĩ phải luôn là những người lao động sáng tạo.

Quá trình lao động sáng tạo ấy là để tạo ra:

+ Những tác phẩm mới mẻ về nội dung (thể hiện những khám phá phát hiện về đời sống, phát hiện ra cái đẹp cả ở những nơi không ngờ tới).

+ Tạo ra sự mới mẻ về hình thức nghệ thuật (sáng tạo ra những hình thức nghệ thuật mới lạ, hướng đến sự hoàn mĩ).

+ Tạo ra cái độc đáo (phong cách riêng): Nhà văn Nguyễn Tuân đừng bày tỏ quan điểm của mình: “ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo”. Trong lĩnh vực nghệ thuật cũng vậy văn trương luôn cần sự đổi mới và cách tân của người nghệ sĩ. Mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình. Mỗi chúng ta sinh ra đều có rất nhiều cách chọn cuộc sống cho riêng mình, cũng như đối với nghệ sĩ đều có quan điểm đến với nghệ thuật cá nhân. Nguyễn Đình Thi từng nói: “ bắt rễ từ cuộc đời, hàng ngày văn nghệ lai tạo sự sống cho con người”, “ Nghệ thuật là sự mô phỏng tự nhiên” (Ruskin) và “ cuộc đời là nơi xuất bản, cũng là nơi đi tới của văn học” ( Tố Hữu). Nghệ sĩ là người luôn bày tỏ suy nghĩ quan điểm, cảm nhận của mình trước mọi biến thái của cuộc đời theo những cách khác nhau và từ đó mang đến cho người đọc những rung cảm khác nhau. “ nghệ thuật là lĩnh vực của cái độc đáo” ( Nguyễn Tuân), vì vậy mỗi nhà văn cần phải không ngừng sáng tạo biến tấu và theo dõi theo tác phẩm văn học của mình những điều mới mẻ, mỗi tác phẩm nghệ thuật phải là “ phát minh mới về hình thức và khám phá về nội dung”. Văn học không quá đòi hỏi sự cầu kỳ, văn học đòi hỏi sự sáng tạo. Mỗi nhà văn đến với nghệ thuật muốn ghi dấu ấn trong nền văn chương thì cần phải có phong cách, quan điểm sáng tác riêng không lẫn với bất kỳ người nào khác, “Không có tiếng nói riêng không mang lại những điều mới mẻ cho văn chương mà chỉ biết dẫn theo đường mòn thì tác phẩm nghệ thuật sẽ chết” (Lêônit lêônốp).

Người nghệ sĩ không được dẫm theo dấu chân của người khác, phải là người biết “khơi những nguồn chưa ai khơi”, hoặc đổi mới những điều mà “ ai cũng biết cả rồi”. Nghệ thuật chân chính đòi hỏi những tiêu chí cao như vậy. Bởi lẽ nếu tác phẩm nghệ thuật không có sức sáng tạo, nhà văn không tạo ra phong cách con đường riêng của mình thì văn chương sẽ chẳng có ý nghĩa gì với cuộc đời. Tạo ra phong cách riêng, con đường riêng, sáng tác riêng của mình người nghệ sĩ sẽ tạo ra sự sáng tạo trong tác phẩm thể hiện được khả năng cá nhân và gây được ấn tượng trong lòng người đọc

*- Hướng con người đến cái đẹp, cái thiện, cái cao cả (chân-thiện-mĩ):* Nhà văn phải là “ những nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. Bàn về thiên chức của nhà văn và nhiệm vụ của văn chương Lã Nguyên đã có ý kiến: “ mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình. Nhưng tư duy nghệ thuật dù có đổi mới đến đâu thì cũng không thể vượt ra ngoài các quy luật của chân, thiện, mỹ quy luật nhân bản. Nhà văn chân chính có sứ mệnh khởi nguồn cho dòng sông, phân lọc đổ ra đại dương nhân bản mênh mông. Kể cả khi phản ánh cái xấu xa, đê tiện thì vẫn là để hướng con người đến cái đẹp, cái thiện.

=> Nhà văn phải là người có ý thức trách nhiệm với cuộc đời, có cái nhìn đúng về cuộc sống con người và sứ mệnh nghệ thuật để từ đó bằng tài năng và tâm huyết sang tạo được những tác phẩm có ích cho đời và bền vững với thời gian.

2. Tư chất nghệ sĩ:

**-** *Giàu tình cảm:*

Tình cảm ở người nghệ sĩ ấy chính là trái tim mãnh liệt và nồng cháy của mình trước cuộc sống và cả trong sáng tác. Bởi tình cảm trong nhà văn như yêu, ghét, vui, thương mến hay căm giận, hờn dỗi đều đến độ mãnh liệt. “Gặp cái gì hay và đáng yêu thì họ ôm choàng lấy, nếu gặp điều đáng giận thì họ sẽ bác bỏ…Phải kịch liệt công kích cái sai như đã từng nhiệt liệt ủng hộ cái đúng, ôm chặt người yêu như thế nào thì nghiến chặt kẻ thù như thế" (Lỗ Tấn). Và nhà văn là người sáng tạo ra cái đẹp nghệ thuật cho con người và cuộc đời nên người nghệ sĩ ấy không thể thiếu được một trái tim mãnh liệt, phong phú và sâu sắc.

***- Sự mẫn cảm đặc biệt:***

**+** Con người ai cũng có yêu, ghét, vui buồn… nhưng nhà văn phải là người nhạy cảm, dễ xúc động. Vì trái tim người nghệ sĩ không rung động thì sẽ không thể thăng hoa cảm xúc để cho ra đời những tác phẩm hấp dẫn và ý nghĩa "Người làm thơ phải có tình cảm mãnh liệt để thể hiện sự nồng cháy trong lòng" (Sóng Hồng)

+ Tâm hồn nhạy cảm, sự mẫn cảm đặc biệt với đời như vui buồn hay trăn trở với những điều người khác cho là bình thường có thể gạt bỏ đi một cách dễ dàng, đó cũng là một trong những cách thể hiện tình cảm ở người nghệ sĩ.

- ***Tâm hồn phong phú:***

Người nghệ sĩ là người tạo ra cái đẹp cho cuộc đời, vì thế chắc chắn sẽ không thể thiếu đi một tâm hồn phong phú. Người nghệ sĩ có một tâm phong phú sẽ là người luôn biết tự tìm hiểu, khám phá, suy tưởng.... Với một tâm hồn phong phú, người nghệ sĩ có thể hóa thân thành người trong cuộc, có thể nói lên kể cả những tiếng nói sâu kín nhất, “sản phẩm mà họ tạo ra sẽ mãi là những kiệt tác văn chương, đi sâu vào lòng độc giả.

***- Nhân cách đẹp:***

Bản chất của văn học là hướng con người tới vẻ đẹp chân thiện mĩ,  
những đạo lí đẹp, bồi dưỡng cho tâm hồn con người những ánh sáng thiện tâm lấp lánh  
vẻ đẹp của trí tuệ và ấm áp tình người. Vì thế nhà văn mỗi khi cầm bút, tâm thế cũng  
phải vằng vặc sao khuê mới có thể nhả chữ châu ngọc cho đời. Nói rõ hơn chính là muốn trở thành nhà văn phải là những người có nhân cách.

Người nghệ sĩ khi viết một tác phẩm phải trung thành với sự thật. Cuộc sống có như thế nào thì nói như thế ấy, phải trung thực với cuộc sống chứ không phải trung thành với một cá nhân nào khác. Nguyễn Khuyến trong di thúc từng viết: “không chỉ trung thực khi thể hiện niềm vui, tinh thần lạc quan mà trung thực cả khi bộc lộ sự mất mát, đớn đau”.

Không phải bất cứ nhà văn nào cũng đầy đủ những tư chất nghệ sĩ nói trên, mặc dù những mặt đó chưa phải là tất cả và những tư chất ấy công cô lập mà hoà nhập vào -  
nhau, xuyên thấu vào nhau và dựa vào nhau mà phát huy tác dụng. Ta cũng biết những  
tư chất của một nghệ sĩ như trên thì luôn ẩn chứa bên trong mỗi con người, như M.Gorki  
đã viết: “Tôi tin chắc rằng mỗi người đều mang trong mình những năng khiếu của người  
nghệ sĩ”. Vì có những tư chất ấy mà người nghệ sĩ đã truyền tải vào trong tác phẩm của  
mình và tạo được sự đồng cảm, tạo nên nhiều tài năng cho văn học nghệ thuật hay .ở  
đây chính là những nhà văn xuất chứng.

**-** Các tiền đề của tài năng

***+ Tưởng tượng, liên tưởng phong phú, độc đáo:*** Là dấu hiệu quan trọng nhất của tài năng nghệ thuật, là sức mạnh chủ yếu của quá trình sang tạo, là biện pháp quan trọng của kĩ thuật xây dựng hình tượng giúp nhà văn tạo ra thế giới nhân vật phong phú và tổ chức tác phẩm với sự toàn vẹn của nó

* ***Tài quan sát tinh tế rộng rãi:*** Nhà văn là người có thói quen và năng khiếu quan sát tinh tế đến tận ngóc ngách của đời sống. Nhiều khi những chi tiết nhỏ nhặt, vụn vặt trong con mắt người bình thường nhưng nhà văn lại phát hiện được ý nghĩa sâu xa, lí thú có ý nghĩa khái quát trong từng chi tiết.
* Giàu trải nghiệm đời sống:
* Tích lũy vốn sống:

**II. QUÁ TRÌNH SÁNG TÁC**

* + - Văn học là một loại hình nghệ thuật đặc biệt mà điểm xuất phát cũng như đích đến  
      đểu là những vẻ dẹp của cuộc sống. Văn học luôn hướng con người ta vươn đến chân  
      trời chân thiện mĩ giúp gìn giữ và bồi dưỡng tâm hồn, tinh thần nhân văn, nhân đạo trong  
      mỗi con người. Vì thế mà văn học phản ánh khá toàn diện và sâu sắc mọi mặt đời sống  
      bằng ngôn ngữ và hình tượng nghệ thuật thông qua tác phẩm văn học. Nhưng để có được  
      một tác phẩm đặc sắc thì mỗi nhà văn phải trải qua cả một quá trình sáng tác hết sức  
      công phu, tì mi và lâu dài. Con đường sáng tác một tác phẩm tâm đắc đối với mỗi nhà  
      văn thì không giống nhau nhưng trong quá trình ấy, cái chung cơ bản như sau.

*1. Quan sát, trải nghiệm*

***- Sáng tác văn chương là hành trình âm thầm, lặng lẽ không ngừng dấn thân để khám phá và miêu tả đời sống. Từ muối mặn, phù sa, hương sắc cuộc đời nhà văn phải sống hết mình với cuộc đời để cho ra đời những tác phẩm có giá trị. Người nghệ sĩ phải ngụp lặn trong bề đời để tìm ra chất vàng mười gửi vào trang sách, thậm chí chắt lọc từ nỗi đau của mình để tạo nên những viên ngọc văn chương quý giá.***

***- Có thể ví quá trình sáng tạo của nhà văn như hành trình của bầy ong tạo ra mật ngọt. Từ cuộc đời muối mặn nhà văn chắt lọc các vấn đề từ hiện thực đời sống để đưa vào trang sách bằng tất cả sự mẫn cảm đặc biệt của mình***

*2. Cảm hứng sáng tác*

* Có thể ví cảm hứng như là chất men của sự sáng tạo. Trước cuộc sống với những vận động phức tạp nhà văn luôn có những cảm nhận, suy nghĩ, tình cảm, rung động. Bằng sự mẫn cảm đặc biệt đến một lúc nào đó tâm hồn nhà văn chứa đầy cảm xúc mãnh liệt và có nhu cầu giải phóng nội tâm. Nhà văn tìm đến tác phẩm văn chương, kí gửi những tâm tư, tình cảm đến người đời để tìm sự đồng điệu.

=> Cảm hứng sáng tác chỉ thực sự xuất hiện khi tình cảm, cảm xúc đạt đến mãnh liệt, cao độ, tràn đầy đòi hỏi phải được biểu hiện qua nội dung và hình thức nghệ thuật. Cảm hứng sáng tạo là một sự thôi thúc, tạo đà cho nhà văn cầm bút viết. Cảm hứng chính là nguồn gốc trực tiếp của sang tạo nghệ thuật.

**3**. Hình thành ý đồ sáng tác và viết thành tác phẩm

a. Đây là quá trình:

- Tìm đến nội dung: Chủ đề, đề tài, tư tưởng

- Tìm đến hình thức nghệ thuật: Thể loại, ngôn từ, kết cấu, hình ảnh…

=> Trải qua quá trình sáng tạo, nhào nặn của người nghệ sĩ, hiện thực đời sống không còn là hiện thực đơn thuần nữa mà nó là hiện thực được phản ánh qua cách nhìn, lăng kính và tài năng của nhà văn. Qua sự sáng tạo của nhà văn, tác phẩm văn học trở thành chất men say, trở thành cái đẹp khiến trải qua thăng trầm vẫn lôi cuốn bạn đọc, hướng con người đến chân- thiện-mĩ (Cái đẹp ở đây được hiểu bao gồm cả nội dung và hình thức nghệ thuật).

- Với tác phẩm văn học, nhà văn đã bất tử hóa hiện thực để giữ hộ cho con người "Những mùa hoa đã tàn phai tháng ngày". Đó chính là hiện thực cuộc sống, lẽ sống, tư tưởng, thông điệp thẩm mĩ mà nhà văn muốn lưu lại cho đời và chuyển tải cho người đọc. Như vậy, quá trình sáng tạo tác phẩm văn học không chỉ tuân thủ quy luật phản ánh hiện thực mà còn phù hợp với chức năng của văn học.

**b. Các giai đoạn sáng tác:**

Đối với một nhà văn chuyên nghiệp thì có thể nói suốt cuộc đời là một quá trình  
chuẩn bị sáng tạo và sáng tác không ngừng. Trong quá trình sáng tác của các nhà văn cô  
thể chia thành các khâu: hình thành ý đồ, thiết lập sơ đồ, viết và sửa chữa. Các khâu này  
không hoàn toàn phấn biệt một cách rạch ròi, mà có thể xen kẽ, gối đầu nhau và trong  
quá trình sáng tác có thể thêm hoặc bớt, tuỳ theo thể loại văn học khác nhau.

**- Giai đoạn hình thành đồ sáng tác:**

+ Trước hết, ý đồ được khơi nguồn từ những niềm xúc động trực tiếp trước một con  
người hay sự kiện mang ý nghĩa lớn lao trong cuộc sống. Tồ Hoài có ý định viết “Truyện Tây Bắc” do xúc động trước cảnh vợ chồng chị Lý tiễn mình về trong chuyến đi thực tế ở Tây Bắc năm 1952.

+ Ý đồ sáng tác có thể bắt nguồn trực tiếp từ những nhiệm vụ giáo dục và đấu tranh  
tư tưởng. Nhiệm vụ chính trị tư tưởng được tác giả đặt ra chủ động có ý thức như là một  
kế hoạch đã vạch sẵn và không bao giờ là những ý niệm, tín điều trừu tượng... Ý đồ  
sáng tác cũng có thể bắt nguồn từ một câu chuyện dân gian, một lí thuyết khoa.học, một  
hồi tưởng hay liên tưởng nào đó trong cuộc đời. Bất kì ý đồ nào cũng liên quan đến quan niệm và sự hiểu biết về cuộc đời, lòng quan tâm, ước mơ vô lí tưởng của nhà văn.

+ Ý đồ sáng tác của các nhà văn không đứng yên mà có thể thay đổi và phát triển,  
nhất là trong những tác phẩm tự sự bởi nhà văn phải đối diện với nhiều biến cố trong  
cuộc sống hằng ngày, vây nên trong thời gian khá dài, nhà văn mới có thể cho ra đời  
một tác phẩm hoàn chỉnh và chính xác nhất.

**- Giai đoạn chuẩn bị:**

+ Từ giai đoạn hình.thành ý đồ đến giai đoạn viết thành một tác phẩm hoàn chỉnh là  
cả một quá trình hoàn thiện dẫn qua khâu chuẩn bị rất công phu và đầy đủ về nhiều mặt.  
Chuẩn bị càng kĩ bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Sự chuẩn bị trong thơ trữ tình không  
hẳn đã nghiêng về thu thập tài liệu mà là sự chuẩn bị về suy nghĩ và cảm xúc. Quá trình  
này diễn ra âm thầm trong tâm trí của các nhà văn và đến khi cảm xúc đã thật đầy đủ thì  
những vần thơ sẽ hoàn thành.

+ Sự chuẩn bị trong sáng tác thơ trữ tình có khi xảy ra rất nhanh nhưng không hiếm  
những bài thơ phải thai nghén trong hàng chục năm trời. Chẳng hạn, bài thơ Các vị La  
Hán chùa Tây Phương, Huy Cận định viết từ năm 1940. Khi còn học ở trường cao đẳng

canh nông, ông muốn viết về cuộc đời và con người trầm luân thể hiện qua những pho  
tượng. Sau Cách mạng tháng Tám, ông nhiều lần đến chùa Tây Phương để nuôi dần độ  
chín của cảm xúc và suy nghĩ. Mãi đến 1960, với chỗ đứng và tầm nhìn mới, ông đã  
phát hiện thêm nhiều vấn đế về tâm hồn, tình cảm của nhân dân ta trước đây gửi gắm  
qua những pho tượng và ông đã hoàn thành tác phẩm vào dịp đó.

+ Trong văn xuôi có khác hơn so với thơ trữ tình. Bước đầu tiên của giai đoạn chuẩn  
bị, nhà văn phải thú thập tài liệu, phải nghiên cứu mảng hiện thực mà mình định tái hiện,  
tìm hiểu, các nguồn tư liệu lịch sử, các hồi kí, đi thực tế ở những nơi xảy ra sự kiện đó.

**- Giai đoạn lập sơ đồ:**

+ Quá trình này nhằm hệ thống hóa những điếu đã quan sát và thu thập được những  
ấn tượng, hình ảnh và cảm nghĩ vào trong một chỉnh thể, nó là “phương án tác chiến”,  
là bản phác thảo cho nhà văn trước khi viết, là con đường tìm những phương án tối ưu  
về mặt thẩm mĩ. Đây là một bước khá phức tạp vì nhà văn xử lí hàng loạt mối quan hệ:  
quan hệ giữa bộ phận và toàn thể, giữa các phần, chương, đoạn, giữa các tuyến nhân vật  
trong quá trình phát triển. Cũng có một số nhà văn không coi trọng việc lập sơ đồ. Tố  
Hữu nói: “Tôi làm thơ không có dàn bài. Tôi không biết được bài thơ đến bao giờ thì  
hết, không biết bao giờ nó dừng lại. Tôi nghĩ sẽ có lúc làm một bài thơ nào đó cũng cần  
có những ý lớn làm mốc, nhưng không thể có một dàn bài”. Tuy Tố Hữu nói thế nhưng  
những nhà văn phải chú ý cần có những ý lớn làm mốc.

**- Giai đoạn viết:**

+ Giai đoạn viết là khâu quan trọng nhất của quá trình sáng tác. Đó là một giai đoạn  
khó khăn phức tạp, một quá trình lao động căng thẳng, tràn ngập niềm vui và nỗi buồn,  
đầy cảm hứng và lo âu, băn khoăn và suy tính.

+ Khó khăn nhất là viết những dòng đầu tiên. Khi nhà văn viết được vài dựng thì họ  
sẽ cảm thấy như được sống cùng với các nhân vật, đang được nhìn ngắm, tâm sự, tranh  
luận với chúng. Quá trình nhập thân của nhà văn càng sâu sắc bao nhiêu thì các trang  
viết còn cụ thể, sinh động bấy nhiêu. Khi viết bài thì các nhà văn phải thay đổi chút ít,  
phải bồi đắp da thịt thì bài viết mới hay và sống động được.

+Trong giai đoạn viết, nhà văn phải vật lộn với từng chữ, một sự thống nhất chứa đầy  
mâu thuẫn giữa tình cảm, lí tưởng của nhà văn và thực tế cuộc sống. Ở các nhà văn khác  
nhau có người viết nhanh có người viết đều và chậm rãi. Điều đó phụ thuộc vào phong  
cách sáng tạo, đặc điểm và tính cách, thói quen cửa các nhà văn. Dĩ nhiên, còn phụ thuộc  
vào tính chất phức tạp của đề tài.

**- Giai đoạn sửa chữa:**

+ Giai đoạn cuối cùng của quá trình sáng tác là sửa chữa. Bước vào giai đoạn này,  
nhà văn mới có cơ hội nhìn bao quát thành quả của mình, hoàn thiện nó để đạt đến tính  
tư tưởng, tính nghệ thuật theo ý đồ mong muốn mới nhất và cao nhất lúc đó. Trên thực  
tế, có một số nhà văn không muốn và cho rằng không cần sửa chữa. La-mác-tin cho rằng “sáng tác thơ ca là một cái gì đó vô chủ mà thiêng liêng, nhà văn không có quyền sửa chữa”. Nhưng hầu hết các nhà văn phải trải qua giai đoạn sửa chữa khá công phu sau khi hoàn thành bản thảo lần thứ nhất. Huy Cận viết bài thơ Tràng giang cũng phải trải qua mười bảy lần sửa bản thảo. Cu-pơ - nhà văn lãng mạn Anh nói: “Những sửa chữa áp đi áp lại không biết mệt mỏi là bí quyết hầu như của bất cứ tác phẩm nào đạt, nhất là của thơ mà dù có một số tác giả khoe mẽ về tình cẩu thả của họ, còn một số những người khác thì lại từng đỏ mặt khi đưa ra có ban nháp của mình”. Bô-đơ-le đã làm chậm kế hoạch in hàng năm tháng tác phẩm Những tác phẩm tội ác và đã bị nhà xuất bản phản đối chỉ vì như ông đã nói: “Tôi đáng vật lộn để chống lại ba mươi câu thơ viết tồi vẩn dở, khó chịu, không đạt yêu cầu”.

***Nội dung 6:***

***PHONG CÁCH SÁNG TÁC***

*1. Khái niệm phong cách sáng tác*

* Phong cách văn học (hay phong cách nghệ thuật) nảy sinh do chính những nhu cầu  
  của cuộc sống, bởi vì cuộc sống luôn đòi hỏi sự xuất hiện những nhân tố mới mẻ, những  
  cái không lặp lại bao giờ; và nó cũng nảy sinh từ nhu cầu của quá trình sáng tạo văn học, vì đó là một yếu tố quan trọng tạo nên tính hấp dẫn, sức sống của tác phẩm.
* Phong cách là những nét riêng biệt, độc đáo của một tác giả trong quá trình nhận thức và phản ánh cuộc sống, những nét độc đáo ấy thể hiện trong tất cả các yếu tố nội dung và hình thức của từng tác phẩm cụ thể. Nói cách khác, phong cách là sự thể hiện tài nghệ của người nghệ sĩ trong việc đưa đến cho độc giả một cái nhìn mới mẻ về cuộc đời thông qua những phương thức, phương tiện nghệ thuật mang đậm dấu ấn cá nhân của người sáng tạo, vì thế Buy-phông viết: “Phong cách chính là người”. Trong tác phẩm của sếch-xpia “mỗi một ưu điểm nhỏ nhất cũng in dấu riêng, dấu ấn đó có thể lập tức nói với toàn thế giới rằng: Tôi là sếch-xpia” (Lét-xinh).
* Phong cách văn học mang dấu ấn của dân tộc và thời đại:

+ Quá trình văn học được đánh dấu bằng những nhà văn kiệt xuất với phong cách độc đáo của họ. Quá trình văn học mang tính lịch sử cho nên phong cách cũng in đậm dấu ấn dân tộc và thời đại. Văn hào Vôn-te nói: “cũng giống như từ gương mặt, ngôn ngữ, hành động cụ thể có thể nhận ra quốc tịch của con người, thì cũng có thể từ phong cách sáng tác nhận ra một số là người Ý, người Pháp, người Anh hay người Tây Ban Nha một cách dễ dàng”.

+ Trong mỗi thời đại nhất định, do cùng có những điều kiện và trình  
độ phát triển chung của lịch sử, trong sáng tác của nhiều khuynh hướng văn học khác  
nhau có thể có những nét chung nào đó về tư duy nghệ thuật và kĩ thuật biểu hiện. Dù mỗi người có một “gương mặt” riêng, nhưng các nhà văn cái diện mạo chung ấy trong sáng tác của từng tác giả: “Mỗi trang văn đều soi bóng thời đại mà nó ra đời”.

***2. Những biểu hiện của phong cách văn học***

* Phong cách văn học biểu hiện trước hết ở cách nhìn, cách cảm thụ có tính chất khám phá, ở giọng điệu riêng biệt của tác giả. Ví dụ cái nhìn tài hoa, có khả năng khám phá mọi đối tượng ở phương diện thẩm mĩ của Nguyễn Tuân. Qua cái nhìn ấy, thiên nhiên hiện lên như công trình mĩ thuật của tạo hóa, con người hiện lên với tư chất tài hoa, nghệ sĩ.
* Sự sáng tạo các yếu tố thuộc nội dung tác phẩm cũng in đậm dấu ấn riêng của tác  
  giả, từ việc lựa chọn đề tài, xác định chủ đề, thể hiện hình ảnh, nhân vật cho đến xác lập  
  tứ thơ, triển khai cốt truyện,... Thạch Lam hướng ngòi bút tới cuộc sống và tâm hồn  
  những con người “nhỏ bé”, Vũ Trọng Phụng chú ý tới những góc khuất, những nơi tăm  
  tối của xã hội trước Cách mạng. Ở sự vận động của tứ thơ về tình yêu, Sóng của Xuân  
  Quỳnh thật cồn cào, da diết, còn Hương thầm của Phan Thị Thanh Nhàn lại dịu dàng,  
  nhẹ thoảng mà đằm sâu, lan toả mênh mang.
* Hệ thống phương thức biểu hiện, các thủ pháp kĩ thuật lưu lại đậm đặc cá tính sáng  
  tạo của tác giả, từ việc sử dụng ngôn ngữ, tổ chức kết cấu, định vị thể loại cho đến cách  
  kể chuyện, miêu tả ngoại hình, bộc lộ nội tâm,... Câu văn Nguyễn Tuân rất linh hoạt,  
  không theo một khuôn mẫu, chuẩn mực nhất định, đó thường là những câu văn dài, xuôi  
  theo dòng chảy dào dạt của cảm xúc suy tư Kim Lân có lối khắc hoạ nhân vật giàu chất  
  tạo hình. Nguyễn Khải rất sắc sảo khi để nhân vật độc thoại nội tâm hay đối thoại nội  
  tâm v.v...
* Phong cách văn học là cái thống nhất trong sự đa dạng của sáng tác. Cái độc đáo,  
  vẻ riêng phải xuất hiện thường xuyên, lặp đi lặp lại, có tính chất bền vững, nhất quán.  
  Thống nhất từ cốt lõi, nhưng triển khai phải đa dạng, đổi mới. Nguyễn Trãi trong Đại  
  cáo bình Ngô, Quân trung từ mệnh tật rất hào hùng, đanh thép, sắc bén, nhưng trong  
  Quốc âm thi tập lại u hoài, trầm lắng, suy tư. Hồ Chí Minh trong truyện và kí thì hiện  
  đại, nhưng thơ chữ Hán lại giàu sắc thái phương Đông cổ kính, thơ tiếng Việt đậm cốt  
  cách dân gian.
* Độc đáo một cách đa dạng, bền vững mà luôn đổi mới, những phong cách còn phải  
  có phẩm chất thẩm mĩ, nghĩa là nó phải đem lại cho người đọc một sự hưởng thụ mĩ  
  cảm dồi dào qua những tác phẩm giàu tính nghệ thuật, hay, sinh động, hấp dẫn. Chỉ khi  
  đó dấu ấn của phong cách trong quá trình văn học mới được ghi nhớ mãi mãi, không thể  
  phai mờ, nói một cách hình ảnh như nhà thơ lê Đạt:

“Mỗi công dân đều có một dạng vân tay  
Mỗi nhà thơ thứ thiệt có một dạng vân chữ  
Không trộn lẫn”

*(Vân chữ)*

***Nội dung 7:***

**TIẾP NHẬN VĂN HỌC**

Các nhân tố trong đời sống văn học bao gồm: ***Tác giả, tác phẩm, người tiếp nhận*** Các nhân tố ấy luôn có sự tác động lẫn nhau, kích thích nhau để cùng phát triển. Trong đời sống văn học không thể thiếu bất kì một nhân tố nào. Nói đến tiếp nhận văn học là nhắc đến bạn đọc (người tiếp nhận).

***1. Tiếp nhận trong đời sống văn học***

- Cũng như bất cứ một loại hình nghệ thuật nào khác, trong đời sống văn học luôn có mối liên hệ qua lại giữa sáng tạo, truyền bá và tiếp nhận. Nếu tác giả là người sáng tạo văn học thì tác phẩm là phương tiện truyền bá văn học và người đọc là chủ thể tiếp nhận văn học. Không có người đọc, không có công chúng thì những cố gắng của tác giả, mọi giá trị của tác phẩm cũng trở nên vô nghĩa.

- Cần phân biệt tiếp nhận và đọc. Tiếp nhận rộng hơn đọc, vì trước khi có chữ viết và công nghệ in ấn, tác phẩm văn học đã được truyền miệng. Ngày nay, khi tác phẩm văn học chủ yếu được in ra, nhiều người vẫn tiếp nhận văn học không phải do đọc bằng mắt mà nghe bằng tai, như nghe chính tác giả đọc thơ, nghe “đọc truyện đêm khuya” trên đài phát thanh... Tiếp nhận văn học chính là quá trình người đọc hoà mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hoá và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa của từng câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật, dõi theo diễn biến của câu chuyện, làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút. Như vậy, tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thànhthế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.

***2. Tính chất tiếp nhận văn học***

* Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp. Sự giao tiếp giữa tác giả với người tiếp nhận là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc,  
  người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông. Bao giờ người viết cũng mong người đọc hiểu mình, cảm nhận được những điều mình muốn gửi gắm, kí thác. Cao Bá Quát từng nói: “Xưa nay, nỗi khổ của người ta không gì bằng chữ tình, mà cái khó ở đời không gì bằng sự gặp gỡ”. Gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều vô cùng khó khăn. Song dẫu không có được sự gặp gỡ hoàn toàn, tác giả và người đọc thường vẫn có được sự tri âm nhất định ở một số khía cạnh nào đó, một vài suy nghĩ nào đó. Đọc Truyện Kiều, người không tán thành quan niệm “Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” của Nguyễn Du vẫn có thể chia sẻ với ông nỗi đau nhân thế; người không bằng lòng việc tác giả để cho Từ Hải ra hàng vẫn có thể tâm đắc với những trang ngợi ca người anh hùng “Chọc trời khuấy nước mặc dầu - Dọc ngang nào biết trên đầu có ai”,...
* Trong sự giao tiếp giữa tác phẩm với độc giả, cần chú ý tính chất cá thể hoá, tính  
  chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Ở đây, năng lực, thị hiếu, sở thích của cá nhân  
  đóng vai trò rất quan trọng; tuỳ theo lứa tuổi già hay trẻ, trình độ học vấn cao hay thấp,  
  kinh nghiệm sống nhiều hay ít mà có kết quả tiếp nhận cụ thể, riêng biệt cho mỗi người.  
  Thậm chí cùng một người, lúc nhỏ đọc tác phẩm ấy đánh giá khác, sau lớn lên đánh giá  
  khác, về già lại đánh giá khác. Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị  
  hiếu thẩm mĩ càng làm cho sự tiếp nhận văn học mang đậm nét cá nhân và chính sự chủ  
  động, tích cực của người tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống của tác phẩm. Tác phẩm  
  văn học tuy miêu tả cuộc sống cụ thể, toàn vẹn, sinh động, nhưng vẫn còn rất nhiều điều  
  mơ hồ, chưa rõ. Người đọc phải quan sát, tri giác để làm nổi lên những nét mờ, khôi  
  phục những chỗ còn bỏ lửng, nhận ra mối liên hệ của những phần xa nhau, ý thức được  
  sự chi phối của chỉnh thể đối với các bộ phận. Ở đây không chỉ có tác phẩm tác động tới  
  người đọc, mà còn có việc tác động, tìm tòi của người đọc đối với văn bản. Thiếu sự  
  tiếp nhận tích cực của người đọc thì tác phẩm chưa thể hiện lên thật sinh động, đầy đặn,  
  hoàn chỉnh.
* Tính đa dạng, không thống nhất cũng là một điểm nổi bật trong sự giao tiếp của  
  người đọc với tác phẩm. Tính chất này bộc lộ ở chỗ cùng một tác phẩm nhưng cảm thụ  
  và đánh giá của công chúng có thể rất khác nhau. Đọc Truyện Kiều, người thấy ở Thuý  
  Kiều tấm gương hiếu nghĩa, người coi nàng như là biểu tượng cho thân phận đau khổ  
  của người phụ nữ,... Sự khác nhau trong cảm nhận, đánh giá tác phẩm có nguyên nhân  
  ở cả tác phẩm và người đọc. Nội dung tác phẩm càng phong phú, hình tượng nghệ thuật  
  càng phức tạp, ngôn từ càng đa nghĩa thì sự tiếp nhận của công chúng về tác phẩm càng  
  lắm hình nhiều vẻ. Tuổi tác, kinh nghiệm sống, học vấn hay tâm trạng người đọc cũng  
  tác động không nhỏ đến quá trình tiếp nhận tác phẩm. Chẳng hạn cùng đọc truyện Bà  
  chúa tuyết của An-đéc-xen, trẻ em và người lớn đều thích thú, nhưng cách hiểu của mỗi  
  người lại không giống nhau. Vẫn là bài Thơ duyên của Xuân Diệu nhưng khi buồn đọc  
  khác, khi vui đọc khác, khi đang yêu đọc khác. Điều đáng lưu ý là, dù cách hiểu có khác  
  nhau, nhưng người đọc cần cố gắng để đạt tới một cách hiểu đúng về tác phẩm, làm sao  
  để tác phẩm toả sáng đúng với giá trị thực của nó.

*3. Các cấp độ tiếp nhận văn học*

* Đọc và hiểu tác phẩm văn học là một hành động tự do, mỗi người có cách thức  
  riêng, tuỳ theo trình độ, thói quen, thị hiếu, sở thích của mình, nhưng nếu nhìn nhận một  
  cách khái quát vẫn có thể thấy những cấp độ nhất định trong cách thức tiếp nhận văn  
  học.

***+ Cấp độ 1:*** Thứ nhất là cách cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm, tức là xem tác phẩm kể chuyện gì, có tình ý gì, các tình tiết diễn biến ra sao, các nhân vật yêu ghét nhau thế nào, sống chết ra sao... Đó là cách tiếp nhận văn học đơn giản nhất nhưng cũng khá phổ biến.

***+ Cấp độ 2:*** Là cách cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy nội dung tư tưởng của tác phẩm. Ở đây người đọc có tư duy phân tích, khái quát, biết từ những gì cụ thể, sinh động mà thấy vấn đề đặt ra và cách thức người viết đánh giá, giải quyết vấn đề theo một khuynh hướng tư tưởng - tình cảm nào đó.

***+ Cấp độ 3:*** Là cách cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức biểu hiện của tác phẩm, thấy cả giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của nó, cảm nhận được cái hấp dẫn, sinh động của đời sống được tái hiện, lại biết thưởng thức cái hay, cái đẹp của câu chữ, kết cấu, loại thể, hình tượng..., qua đó không chỉ thấy rõ ý nghĩa xã hội sâu sắc của tác phẩm mà còn xem việc đọc tác phẩm là cách để nghĩ, để cảm, để tự đối thoại với mình và đối thoại với tác giả, suy tư về cuộc đời, từ đó tác động tích cực vào tiến trình đời sống.

* Để tiếp nhận văn học thực sự có hiệu quả, người đọc phải không ngừng nâng cao  
  trình độ hiểu biết của mình, tích luỹ kinh nghiệm tiếp nhận, biết trân trọng sản phẩm  
  sáng tạo của một ý thức khác, lắng nghe một tiếng nói khác, làm quen với một giá trị  
  văn hoá khác, tìm cách để hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn, nhờ thế mà  
  làm phong phú thêm vốn cảm thụ của mình. Không nên thụ động mà phải tiếp nhận văn  
  học một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng. Thói  
  quen đọc - hiểu theo kiểu suy diễn tuỳ tiện chẳng những làm thui chột các giá trị khách  
  quan vốn có của tác phẩm, mà còn làm nghèo năng lực tiếp nhận các tác phẩm mới, lạ  
  và khó. Người ta bao giờ cũng có phát hiện mới về tác phẩm trên tầm cao của kiến thức,  
  tình yêu thiết tha với cái đẹp, sự say mê và rung cảm mãnh liệt với văn chương.

**Tóm lại: *Giá trị của tác phẩm văn học không chỉ phụ thuộc vào tác giả (người sáng tác) mà còn tùy thuộc vào khả năng tiếp nhận của người đọc. Người đọc (người tiếp nhận) không chỉ là tri âm tri kỉ mà còn tham gia vào tác phẩm với vai trò là người đồng sáng tạo với tác giả.***

***Nội dung 8:***

**CHUYÊN ĐỀ LÝ LUẬN: THƠ**

**I. KHÁI NIỆM THƠ**

**1. Ở Trung Quốc thời trung đại**

Thơ là một hình thức sáng tác văn học đầu tiên của loài người. Thơ có lịch sử lâu đời như thế nhưng để tìm một định nghĩa thể hiện hết đặc trưng bản chất của nó cho việc nghiên cứu thơ ngày nay thì thật không dễ.

Trong nền lý luận văn học cổ điển Trung Hoa, khái niệm "thơ là gì?" đã được đề cập đến từ rất sớm. Cách đây khoảng 1500 năm, trong cuốn ***Văn tâm điêu long***, Lưu Hiệp đã đề cập đến ba phương diện cơ bản cấu thành nên một bài thơ là tình cảm, ý nghĩa (tình văn), ngôn ngữ (hình văn) và âm thanh (thanh văn).

Kế thừa quan niệm của Lưu Hiệp, đến đời Đường, Bạch Cư Dị đã nêu lên các yếu tố then chốt tạo thành điều kiện tồn tại của thơ: *"Cái cảm hoá được lòng người chẳng gì trọng yếu bằng tình cảm, chẳng gì đi trước được ngôn ngữ, chẳng gì gần gũi bằng âm thanh, chẳng gì sâu sắc bằng ý nghĩa. Với thơ, gốc là tình cảm, mầm lá là ngôn ngữ, hoa là âm thanh, quả là ý nghĩa"*. Quan niệm này không chỉ dừng lại ở việc nêu lên các yếu tố cấu thành tác phẩm mà còn chỉ ra mối quan hệ gắn bó giữa chúng, giống như gốc rễ, mầm lá, hoa, quả gắn liền với nhau trong một thể thống nhất hoàn chỉnh và sống động. Đây có thể coi là quan niệm về thơ toàn diện và sâu sắc nhất trong nền lý luận văn học cổ điển Trung Hoa.

**2. Ở Việt Nam thời hiện đại**

Khái niệm "thơ là gì?" cũng đã được nhiều nhà nghiên cứu đề cập đến với nhiều quan niệm, nhiều khuynh hướng khác nhau.

***- Khái quát:*** Trước hết, cần khẳng định thơ là hình thức sáng tác văn học phản ảnh đời sống, là thể loại văn học ra đời đầu tiên, có phạm vi phổ biến rộng và sâu.

***- Về hình thức nghệ thuật:*** Nhìn từ bên ngoài, thơ là hình thức cấu tạo ngôn từ đặc biệt. Việc sắp xếp các câu (dòng) thơ như những đơn vị nhịp điệu làm nên một hình thức có tính tạo hình, thành một cấu trúc đặc biệt. Mỗi câu thơ đều là một cách sắp xếp có dụng ý qua cách dùng từ, hình ảnh, số chữ, nhịp điệu, hiệp vần, phối thanh, các biện pháp tu từ…

***- Về nội dung, ý nghĩa:*** Về bản chất bên trong của thơ thì thơ là một thể loại trữ tình, là tiếng nói tâm hồn của con người. Thơ là tiếng nói của cảm xúc, là người thư kí trung thành của trái tim, là tiếng nói thầm của nội tâm sâu kín "Thơ là tiếng nói đầu tiên, là tiếng nói thứ nhất của tâm hồn con người khi đụng chạm với cuộc sống" (Nguyễn Đình Thi).

***- Về giá trị, chức năng, tư tưởng:***

+ Thơ ca bao giờ cũng là tấm gương phản ánh cuộc sống và đặc biệt thể hiện đời sống tâm hồn con người.

+ Thơ là trạng thái tình cảm, cảm xúc cao độ, tràn đầy đòi hỏi phải được thể hiện qua hình thức nghệ thuật. Con đường để thơ đến với người đọc là "từ trái tim đến trái tim". Người nghệ sĩ từ chỗ rung động trước cái đẹp sẽ lan truyền những rung động đó tới người đọc.

+ Cảm xúc mạnh mẽ của nhà thơ có thể tạo nên những câu thơ có tầm tư tưởng tác động đến nhận thức của người đọc nên "Thơ không chỉ đưa ru mà còn thức tỉnh". Ở phương diện này, các thi sĩ huy động các thao tác của tư duy như phân tích, khái quát, tưởng tượng… để sáng tạo nghệ thuật tạo nên những câu thơ lấp lánh chất trí tuệ, triết lí.

Hiện nay, cách định nghĩa về thơ của nhóm tác giả Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi trong cuốn **Từ điển thuật ngữ văn học** có thể xem là chung nhất: *"Thơ là hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống, thể hiện tâm trạng, những cảm xúc mạnh mẽ bằng ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu".* Định nghĩa này đã nêu rõ **nội dung** của thơ là phản ánh đời sống, thể hiện tâm trạng, cảm xúc mạnh mẽ và **hình thức nghệ thuật** là ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh và nhất là có nhịp điệu. Đặc biệt, đã nêu rõ được **sự khác biệt của ngôn ngữ thơ** với ngôn ngữ trong những thể loại văn học khác.

Và bao quát quá trình sáng tạo và ý nghĩa nội dung, tư tưởng của thơ, Xuân Diệu khẳng định *“Thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đã đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ ấy phải in dấu vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay, thơ là tiếng gọi đàn, là sự đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu của những con người.”* (Xuân Diệu)

**II. NGÔN NGỮ THƠ**

**1. Ngôn ngữ thơ**

***a. Ngôn ngữ thơ trước hết cũng mang đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật nói chung:***

Ngôn ngữ chính là chất liệu và công cụ của nhà văn, nhà thơ. Ngôn ngữ trong văn học vốn dựa vào ngôn ngữ đời sống nhưng không phải là ngôn ngữ của đời sống hàng ngày mà là ngôn ngữ được nghệ thuật hóa, cách điệu hóa. Nhà văn, nhà thơ sử dụng ngôn ngữ một cách trau chuốt, sang tạo để thành một thớ ngôn ngữ giàu có, sang trọng và đẹp đẽ.

Ngôn ngữ văn học phải có các đặc trưng như: tính hệ thống, tính chính xác, tính truyền cảm, tính hình tượng, tính hàm súc, đa nghĩa, tính cá thể hóa… Ngoài ra ngôn ngữ văn học cần phải trong sáng, phù hợp chuẩn mực để người tiếp nhận có thể hiểu và chấp nhận sự mới lạ.

***b. Đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ thơ***

***-*** Ngôn ngữ thơ chủ yếu là ngôn ngữ của nhân vật trữ tình. Ý nghĩa của văn bản thơ muốn biểu đạt thường không được thể hiện trực tiếp, đầy đủ qua lời thơ mà qua lời thơ, tứ thơ, giọng điệu, hình ảnh, biểu tượng thơ gợi nên. Ngôn ngữ thơ thiên về khơi gợi, giữa các câu thơ có nhiều khoảng trống đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tưởng tượng, thể nghiệm thì mới hiểu hết sự phong phú của ý thơ bên trong.

- Ngôn ngữ thơ trước hết là ngôn ngữ đời sống, và nhiều khi không khác biệt với ngôn ngữ đời sống. Tuy nhiên, ngôn ngữ thơ không hẳn là thứ ngôn ngữ nguyên sinh của đời sống mà là ngôn ngữ của sự **sáng tạo**, không ngừng **biến sinh** và có **ma lực** riêng nhiều khi thoát khỏi ý thức của người cầm bút trở thành một **ám ảnh** vô thức. Ngôn ngữ thơ là ngôn ngữ được chưng cất công phu vì *"bài thơ là tổ chức ở trình độ cao của ngôn ngữ, một tổ chức chặt chẽ, tinh tế của ngôn ngữ"* hoặc *"thơ là phần tinh lọc nhất của ngôn ngữ".*Bởi vậy ngôn ngữ thơ góp phần tích cực tạo nên **giá trị thẩm mĩ**, làm phong phú thêm ngôn ngữ đời sống.

- Ngôn ngữ thơ có tính tư tưởng: Thơ phải giúp nhà thơ bộc lộ tư tưởng, tình cảm nên tư tưởng trong ngôn ngữ thơ như chiếc dây diều đưa thơ cất cánh bay cao, bay xa trong bầu trời của thực và mộng vừa neo thơ lại bầu khí quyển của đời sống.

Nhìn chung, ngôn ngữ thơ có vai trò, sức mạnh vô song mà ngôn ngữ các thể laoij khác khó có thể có được. Ngôn ngữ thơ có thể tác động mạnh đến người đọc và nâng cao nhà thơ lên một tầm mới, làm nên tên tuổi nhà thơ.

**2. Đặc trưng của ngôn ngữ thơ**

So với ngôn ngữ văn xuôi, ngôn ngữ thơ trữ tình có những điểm khác biệt như giạy tính nhạc, họa, hàm súc và truyền cảm:

***2.1. Ngôn ngữ thơ giàu chất nhạc và chất họa***

Thơ – nhạc – hoạ đều là các loại hình nghệ thuật, song có sự khác biệt, đặc biệt là về chất liệu xây dựng hình tượng nghệ thuật để phản ánh cuộc sống. Nếu hoạ dùng đường nét, màu sắc, nhạc dùng giai điệu, âm thanh thì thơ cũng như các tác phẩm văn chương lại sử dụng ngôn từ làm chất liệu. Ngôn từ có đặc điểm riêng: đó là chất liệu phi vật thể, vì vậy, tác động nhận thức không trực tiếp bằng các loại hình nghệ thuật khác song sức gợi mở của nó lại hết sức dồi dào, mạnh mẽ. Nó tác động vào liên tưởng của con người và khơi dậy những cảm nhận cụ thể về màu sắc, đường nét, hình khối, âm thanh, giai điệu. Cho nên, người xưa đã nói nhiều đến: **Thi trung hữu họa, thi trung hữu nhạc.**

***a. Nhạc tính***

Thơ trữ tình phản ánh cuộc sống qua những rung động của tình cảm. Thế giới nội tâm của nhà thơ không chỉ biểu hiện bằng ý nghĩa của từ ngữ mà còn bằng cả âm thanh, nhịp điệu của từ ngữ ấy. Nếu như trong văn xuôi, các đặc tính thanh học của ngôn ngữ (như cao độ, cường độ, trường độ...) không được tổ chức thì trong thơ, trái lại, những đặc tính ấy lại được tổ chức một cách chặt chẽ, có dụng ý, nhằm tăng hàm nghĩa cho từ ngữ, gợi ra những điều mà từ ngữ không nói hết. Bởi thế, đặc trưng tính nhạc được coi là đặc trưng chủ yếu mang tính loại biệt rõ nét của ngôn ngữ thơ ca.

**\* Âm thanh:** Tính nhạc trong thơ trước hết được gợi lên từ âm thanh trầm bổng của tự nhiên, đời sống được đưa vào trong thơ:

Vd: Lao xao chợ cá làng ngư phủ

Dắng dỏi cẩm ve lầu tịch dương

(Cảnh ngày hè- Nguyễn Trãi)

Khèn lên man điệu nàng e ấp

Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ

(Tây Tiến - Quang Dũng)

**\* Tính nhạc ở nghệ thuật biểu hiện:** Theo các nhà nghiên cứu, nhạc tính trong thơ được thể hiện ra ở ba mặt cơ bản. Đó là: sự **cân đối**, sự **trầm bổng** và sự **trùng điệp**:

- Sự cân đối là sự tương xứng hài hoà giữa các dòng thơ. Sự hài hoà đó có thể là hình ảnh, là âm thanh, chẳng hạn:

"Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử

Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi"

(Nguyễn Bỉnh Khiêm).

Cũng có thể là cách sắp xếp tổ chức mà chúng ta dễ dàng nhận thấy ở cặp câu thực, câu luận trong bài thơ Đường luật thất ngôn bát cú. Đối với thơ hiện đại, yêu cầu này không khắt khe. Tuy vậy, nhà thơ vẫn hết sức chú ý đến hiệu quả nghệ thuật của phép đối xứng trong thơ của mình.

- Sự trầm bổng của ngôn ngữ thơ thể hiện ở cách hoà âm, ở sự thay đổi độ cao giữa hai nhóm thanh điệu. Xuân Diệu với hai dòng thơ toàn vận dụng vần bằng đã biểu hiện được cảm xúc lâng lâng, bay bổng theo tiếng đàn du dương, nhẹ êm:

"Sương nương theo trăng ngừng lưng trời

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi"

Chính Tố Hữu đã có lần nói đến giá trị ngữ âm của từ "xôn xao" trong câu thơ "Gió lộng xôn xao, sóng biển đu đưa" (Mẹ Tơm). Đó đâu chỉ là âm vang của tự nhiên mà là âm vang của tâm hồn. Cái làm nên âm vang đó chính là âm thanh, âm thanh của từ "xôn xao" đã cùng với nghĩa của nó làm nên điều kỳ diệu ấy. Sự trầm bổng của ngôn ngữ còn thể hiện ở nhịp điệu:

"Sen tàn/ cúc lại nở hoa

Sầu dài/ ngày ngắn/ đông đà sang xuân".

Dòng thơ cắt theo nhịp 2/4 và 2/2/4 đều đặn như nhịp chuyển vần đều đặn của tháng năm bốn mùa... Nhịp thơ ở đây là nhịp của cảm xúc, cảm nhận. Như vậy, âm thanh, nhịp điệu trong thơ không đơn thuần là hình thức mà là những yếu tố góp phần biểu hiện những khía cạnh tinh vi của đời sống tình cảm con người.

- Sự trùng điệp của ngôn ngữ thơ thể hiện ở sự dùng vần, điệp từ, ngữ và điệp cú. Chúng có tác dụng như một phương tiện kết dính các dòng thơ lại với nhau thành một đơn vị thống nhất, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho trí nhớ vừa tạo nên vẻ đẹp trùng điệp cho ngôn ngữ thơ:

"Lầu mưa xuống, thềm lan mưa xuống

Mưa xuống lầu, mưa xuống thềm lan

Mưa rơi ngoài nẻo dặm ngàn

Nước non rả rích giọt đàn mưa xuân"

(Tiếng đàn mưa- Bích Khê)

Lối điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc ở đây vừa diễn tả được hình ảnh cơn mưa của đất trời vừa tạo nên một ấn tượng vương vấn không dứt trong lòng người.

Như vậy, nhạc điệu trong thơ là một đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ thơ. Ngày nay, nhu cầu của thơ có phần đổi khác, một số người có xu hướng bỏ vần để tạo cho câu thơ sự tự do hoá triệt để. Nhưng nếu không có một nhạc điệu nội tại nào đó như sự đối xứng giữa các dòng, các đoạn thơ, tiết tấu, nhịp điệu của câu thơ thì không còn là ngôn ngữ thơ nữa.

***b. Chất họa***

Chất liệu của hội họa là **hình ảnh**, **đường nét**, **màu sắc,** … Chất họa trong thơ nghĩa là nhà thơ dùng hình ảnh, màu sắc, đường nét làm phương tiện diễn đạt tình cảm của mình.

**- Hình ảnh:** Thơ ca phản ánh cuộc sống qua hệ thống ngôn từ giàu hình ảnh. Không ở thể loại văn học nào ta bắt gặp nhiều hình ảnh, biểu tượng (hình ảnh có ngụ ý), hình tượng (hình ảnh có ngụ ý xuyên suốt tác phẩm) nổi bật như thơ ca.

+ Hình ảnh trong thơ trước hết mang vẻ đẹp trực quan, sinh động, có thể là một giọt nắng, một chiếc lá, một nàng thiếu nữ, một dáng liễu, một nhành hoa, một ngọn núi, dòng sông, con thuyền, cánh buồm…

+ Có những hình ảnh đẹp đẽ, hài hòa,thơ mộng,mềm mại, nhưng cũng có những hình ảnh khắc khổ, gớm ghiếc…, mỗi một hình ảnh đều nhằm tái tạo lại thị giác, cảm quan của thi nhân. Ngôn ngữ mang tính hình tượng phải hợp lí, tránh khiên cưỡng, gò ép, áp đặt. Nó là kết quả của khả năng quan sát tinh tế, nhạy bén, vốn sống phong phú và trình độ sử dụng ngôn ngữ điêu luyện của người nghệ sĩ.

+ Hình ảnh trong thơ là sự khách thể hóa những rung cảm nội tâm bởi thế giới tinh thần vốn vô hình nên nhất thiết phải dựa vào những điểm tựa tạo hình cụ thể để hữu hình hóa. Không những quan sát và diễn tả, nhà thơ phải nâng sự quan sát của họ lên đến một mức độ nhạy bén, hoa mĩ- đây chính là sự khác biệt giữa ngôn ngữ thơ với ngôn ngữ truyện cũng như ngôn ngữ các loại hình nghệ thuật khác. Bằng chất liệu ngôn từ, nhà văn không những tái tạo được những cái hữu hình mà còn tái hiện sinh động và gợi lên một cách trực quan những cái vô hình, những cái mỏng manh mơ hồ nhất mà các loại hình nghệ thuật khác không làm được. Hình ảnh trong thơ trở nên nổi bật vì nó mang màu sắc của cảm xúc mãnh liệt và trí tưởng tượng phong phú. Nhà thơ Đoàn Phú Tứ đã tái hiện sinh động màu sắc và hương vị của thời gian qua tâm trạng hoài niệm:

“Màu thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngắt

Hương thời gian không nồng

Hương thời gian thanh thanh”

( Màu thời gian)

- **Màu sắc:** Trong thơ cũng có những câu gợi nhiều màu sắc:                                              Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam

  Hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng   
                                               (Tố Hữu)   
    Chỉ có hai câu thơ thôi mà đã điểm tên đến năm màu sắc: Thanh (xanh), hồng, lam, trắng, vàng, nhưng có gợi cho ta một cảm quan hội họa không?

  Nguyễn Du trong truyện Kiều đã có câu tả mùa xuân thật trong trẻo với lối tả từ xa đến gần, điểm nhấn ở hai màu xanh, trắng:

Cỏ non xanh rợn chân trời

Cành lê trắng, điểm một vài bông hoa…

         Màu xanh ngút tầm mắt được điểm xuyết màu trắng của một vài bông hoa trên cành tạo một gam màu xanh - trắng nhẹ nhàng, mát dịu, lành lạnh, tạo nên cảm giác xa và rộng.

Trong hội họa, màu xanh lục có khả năng tạo chiều sâu và chiều xa rất lớn. Để tạo nên cái thăm thẳm của đất trời, các họa gia Trung Quốc khi vẽ tranh thủy mặc chỉ dùng một chút màu lục pha với mực nho… thế là tạo nên một hiệu quả khôn lường về không gian. Cảnh mở ra tầng tầng lớp lớp trước sau từ tỏ cho đến mờ và chìm vào cái mênh mông của khoảng không xa ngút.

Một câu thơ khác của Nguyễn Du đã tả về mùa hè:

Dưới trăng quyên đã gọi hè

Đầu tường lửa lựu lập lòe đơm bông

    Ông đã tả từ gần đến xa, trong cái màu đen của màn đêm làm nền thì màu đỏ là rất nổi vì đó là cặp màu tương phản. Nó đúng với tính chất rực rỡ gay gắt của mùa hè

       Màu sắc trong sự cảm nhận xa gần của mắt nhìn có hiệu quả về không gian trên mặt phẳng đó là màu sắc.

*Long lanh đáy nước in trời*

*Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng.*

(Nguyễn Du - truyện Kiều)

    Một không gian mùa thu rất thanh nhẹ: màu lục của nước quyện với màu lam của nền trời đưa lại cảm quan mơ màng. Bức tranh thực thực, hư hư mờ ảo: thành như xây bằng khói biếc, núi in hình trên nền trời chiều…Tất cả như soi bóng trên mặt nước long lanh, bóng vàng của trời chiều trong gam màu ấy là nóng hơn, tĩnh hơn và nặng hơn. Đây là sự hài hòa của nhiều cặp tương quan. Tuy nhiên, cảm giác nặng nhẹ của màu sắc còn phụ thuộc vào yếu tố đậm nhạt. Màu đậm gây cảm giác nặng nề; còn màu nhạt tạo cảm giác thanh nhẹ. Trong trường hợp nếu ta đặt màu đậm ở dưới, màu nhạt ở trên sẽ được một cảm giác ổn định, chắc chắn và nâng đỡ. Nếu đặt màu đậm ở trên, màu nhạt ở dưới sẽ cho ta một cảm giác đè nén chông chênh…

**- Đường nét, hình khối:** Cùng với tương quan về màu sắc, đường nét cũng là một tổ hợp ngôn ngữ trong hội họa. Do các chiều hướng của đường nét khác nhau, thanh đậm khác nhau mà biến hóa để tạo nên hiệu quả sáng - tối; lồi - lõm; xa - gần; ẩn - hiện; thực - hư. Trong đó, nét **“Thực”** là cái rõ ràng, là sáng, lồi, gần, hiện và tĩnh, nét **“Hư”** là cái mờ nhạt, là tối, lõm, ẩn và động.

Vd:“Êm đềm sóng lụa nhô trên lúa”

             (Trưa hè - Bàng Bá Lân)

Dốc lên thăm thẳm dốc khúc khuỷu

Heo hút cồn mây, súng ngửi trời

Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống

Nhà ai Pha Luông, mưa xa khơi.

               (Tây Tiến - Quang Dũng)

      Trong 4 câu thơ của Quang Dũng thì nếu như ba câu đầu trong khổ thơ trên là những nét vẽ gân guốc, sắc nhọn thì ở câu thứ 4 là một nét vẽ nhòe tạo một không gian xa thẳm. Để tả cái hùng vĩ của thiên nhiên, tác giả không đi sâu vào chi tiết vụn vặt mà bắt đầu tữ những phác họa những nét khái quát. Trong hội họa, thuật ngữ này được gọi là "bắt dáng" đối tượng.

**- Biểu hiện không gian:** Hội họa Trung Hoa có thủ pháp biểu hiện không gian theo ba cách nhìn, gọi là "tam viễn".

+ Nhìn lên gọi là "ngưỡng quan" hoặc "cao viễn".

+ Nhìn xuống gọi là "phú thị" hay "thâm viễn".

+ Nhìn ngang gọi là "bình thị" hay "bình viễn".

Thơ và Họa không phải lúc nào cũng gặp nhau. Thơ vẫn là thơ - Họa vẫn là họa. Chỉ khi nào những vần thơ bộc lộ rõ cảm quan về hội họa, tạo được sự hài hòa của các yếu tố tạo hình và cộng hưởng được với nhau thì ta mới gặp Hội họa trong Thơ mà thôi.

***2.2. Ngôn ngữ thơ có tính hàm súc***

Đây là đặc điểm chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, nhưng do đặc trưng của thể loại mà nó biểu hiện một cách tập trung với yêu cầu cao nhất trong ngôn ngữ thơ. Nếu ngôn ngữ văn xuôi tự sự là ngôn ngữ của cuộc sống đời thường, nó chấp nhận mọi lớp từ, mọi biến thái, mọi chiều kích, thậm chí cả sự xô bồ, phồn tạp đến cực độ để tái hiện bộ mặt cuộc sống, tâm lý con người trong sự sâu rộng, đa chiều vốn có của nó thì ngôn ngữ thơ lại mang nặng tính "đặc tuyển". Là thể loại có một dung lượng ngôn ngữ hạn chế nhất trong các loại tác phẩm văn học, nhưng thơ lại có tham vọng chiếm lĩnh thế giới. Nói như Ôgiêrốp: "Bài thơ là một lượng thông tin lớn nhất trong một diện tích ngôn ngữ nhỏ nhất". Chính sự hạn định số tiếng trong câu thơ, bài thơ buộc người nghệ sỹ phải "thôi xao", nghĩa là phải phát huy sự tư duy ngôn ngữ để lựa chọn từ ngữ cho tác phẩm. Bởi thế, Maiacôpxki gọi lao động nghệ thuật ngôn từ của nhà thơ là "trả chữ với với giá cắt cổ":

"Nhà thơ trả chữ với giá cắt cổ

Như khai thác chất hiếm radium

Lấy một gam phải mất hàng bao công lực

Lấy một chữ phải mất hàng tấn quặng ngôn từ."

Như vậy, tính hàm súc được hiểu là khả năng của ngôn ngữ có thể miêu tả mọi hiện tượng của cuộc sống một cách cô đọng, ít lời mà nói được nhiều ý, ý tại ngôn ngoại. Đây chính là cách dùng từ sao cho đắt nhất, có giá trị biểu hiện cao nhất kiểu như Nguyễn Du đã "giết chết" các nhân vật Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến, mỗi tên chỉ bằng một từ: cái vô học của Mã Giám Sinh: Ghế trên ngồi tót sỗ sàng; cái gian manh của Sở Khanh: Rẽ song đã thấy Sở Khanh lẻn vào; cái tầm thường ti tiện của Hồ Tôn Hiến: Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình.

Do quy mô của tác phẩm, thơ ca thường sử dụng từ ngữ rất "tiết kiệm". Tính hàm súc của ngôn ngữ thơ, vì vậy, chứa đựng các thuộc tính khác. Hàm súc cũng có nghĩa là phải chính xác, giàu hình tượng, có tính truyền cảm và thể hiện cá tính của người nghệ sỹ. Chẳng hạn, từ "khô" trong câu thơ của Tản Đà: "Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày" là một từ có tính hàm súc cao mà những yếu tố tương đương với nó (như "tuôn") không thể thay thế. Nó không chỉ diễn tả được chiều sâu của tình cảm mà còn gợi lên cả chiều dài của những tháng năm chờ đợi. Nó vừa đảm bảo được tính chính xác, tính hình tượng, vừa có tính truyền cảm.

Để đạt được tính hàm súc cao nhất, có thể biểu hiện được cái vô hạn của cuộc sống trong những cái hữu hạn của các đơn vị ngôn ngữ, thơ ca phải tính đến những kiểu tổ chức đặc biệt mà nhà nghiên cứu Phan Ngọc gọi là "quái đản". Dưới áp lực của cấu trúc ngôn ngữ khác thường này, ngữ nghĩa của từ trong thơ không dừng lại ở nghĩa gốc, nghĩa đen, nghĩa trong từ điển mà phong phú, sâu sắc, tinh tế hơn. Đó là thứ nghĩa được tạo sinh nhờ quan hệ và trong quan hệ. Ví dụ: Khi Hồng Nguyên viết: "Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau" thì chính trong quan hệ với những yếu tố trước và sau nó mà từ "đột kích" được cấp cho một nghĩa mới, gợi lên những rung động thẩm mỹ. Hay trong câu thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ: "Em đã lấy tình yêu của mình thắp lên ngọn lửa" thì sự kết hợp bất thường về nghĩa đã mở ra những liên tưởng hết sức thú vị. Trong đời thường, khi nói đến việc "thắp lửa", người ta một là nghĩ đến phương tiện như: cái bật lửa, que diêm ... hai là nguyên liệu như: dầu hoả, dầu dừa ... Ở đây, nhà thơ lại thay nó bằng một "chất liệu" rất trừu tượng thuộc lĩnh vực tinh thần. Và trong quan hệ với cái chất liệu trừu tượng đó, nghĩa bề mặt của "ngọn lửa" bị mờ đi, mở ra những nghĩa mới. Đó là: chân lý, niềm tin, lý tưởng cuộc đời...

Định lượng số tiếng trong thơ cũng là tiền đề tạo ra sự xuất hiện với một mật độ dày đặc các phương tiện nghệ thuật trong thơ so với văn xuôi. Nhiều lúc, trong một bài thơ, có thể thấy xuất hiện cùng một lúc các phương tiện tu từ khác nhau, như ẩn dụ, hoán dụ, nhân hoá, tượng trưng, điệp từ, điệp ngữ. Bài ca dao trữ tình sau đây là một ví dụ:

"Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai

Đèn thương nhơ ai

Mà đèn không tắt

Mắt thương nhớ ai

Mắt ngủ không yên

Đêm qua em những lo phiền

Lo vì một nỗi không yên một bề."

Bài ca dao có số lượng từ không nhiều nhưng bằng các biện pháp tu từ đã thể hiện được tâm trạng khắc khoải nhớ mong của người con gái dường như còn vang mãi, dư âm đến tận bây giờ và cả mai sau, không chỉ của một người mà của nhiều người.

***2.3. Ngôn ngữ thơ có tính truyền cảm***

Tính truyền cảm cũng là đặc trưng chung của ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương, bởi tác phẩm văn học là sản phẩm của cảm xúc của người nghệ sĩ trước cảnh đời, cảnh người, trước thiên nhiên. Cho nên, ngôn ngữ trong tác phẩm văn chương phải biểu hiện được cảm xúc của tác giả và phải truyền được cảm xúc của tác giả đến người đọc, khơi dậy trong lòng người đọc những cảm xúc thẩm mĩ. Tuy nhiên, do đặc trưng của thơ là tiếng nói trực tiếp của tình cảm, trái tim nên ngôn ngữ thơ ca có tác dụng gợi cảm đặc biệt.

Ngôn ngữ thơ không bao giờ là ngôn ngữ chú trọng miêu tả cái khách quan như ngôn ngữ trong tác phẩm tự sự. Nếu nhà văn dùng ngôn ngữ để thuyết minh, miêu tả, nhắn nhủ, giải thích... thì nhà thơ dùng ngôn ngữ để truyền cảm. Khi Quang Dũng viết:

"Người đi Châu Mộc chiều sương ấy

Có thấy hồn lau nẻo bến bờ

Có nhớ dáng người trên độc mộc

Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa"

Quang Dũng không có ý hỏi ai lên Châu Mộc trong buổi chiều sương nào đó có nhìn thấy phong cảnh hữu tình không mà tác giả khơi trong ta nỗi nhớ thương mất mát, nuối tiếc ngậm ngùi, những ngày tháng, những kỷ niệm, những ảo ảnh đã tan biến trong đời... Quang Dũng gợi trong ta một trạng thái bằng cách hồi sinh những gì đã mất, đồng thời phản ánh tâm trạng của chính mình.

Lời thơ thường là lời đánh giá trực tiếp thể hiện quan hệ của chủ thể với cuộc đời. Là lời đánh giá trực tiếp, thể hiện tâm trạng cho nên sự lựa chọn từ ngữ, phương thức tu từ trong thơ bao giờ cũng nhằm làm cho nội dung cảm xúc, thái độ đánh giá, sự đồng cảm hoặc phê phán, ca ngợi trở nên nổi bật:

"Ôi những cánh đồng quê chảy máu

Dây thép gai đâm nát trời chiều"

(Nguyễn Đình Thi).

Ở đây, mỗi câu thơ đều mang một từ tập trung tất cả sức nặng của tình cảm. Những từ đó như là những tiêu điểm để ta nhìn thấu vào tâm hồn tác giả. Tính truyền cảm của ngôn ngữ thơ không chỉ biểu hiện qua cách lựa chọn từ ngữ, các phương thức tu từ mà còn biểu hiện qua nhạc điệu thơ. Chẳng hạn:

"Em ơi Ba Lan mùa tuyết tan

Đường bạch dương sương trắng nắng tràn"

(Tố Hữu).

**3. Nhịp điệu trong thơ**

Trong nhạc phẩm Tình khúc Ơbai, Trịnh Công Sơn đã viết:

*“Tôi đi bằng nhịp điệu một, hai, ba, bốn, năm…*

*Em đi bằng nhịp điệu sáu, bảy, tám, chín, mười…*

*Ta đi bằng nhịp điệu, nhịp điệu không giống nhau*

*Ta đi bằng nhịp điệu nhịp điệu sao khác màu …”*

Đó là sự khác nhau trong nhịp điệu, trong sắc màu cuộc sống. Bước chân của *tôi*, của *em*, của *ta* làm sao để có thể hòa nhịp giữa cõi vô thường … Những ca từ của Trịnh Công Sơn thật dung dị mà minh triết. Cũng như nhịp điệu cuộc sống, nhịp điệu thế giới thơ ca vô cùng phong phú. Nhận diện nhịp điệu trong thơ trữ tình còn là những trăn trở của nhiều nhà nghiên cứu phê bình văn học.

***3.1. Khái niệm nhịp thơ***

Cũng như “Thơ là gì ?”, cho đến nay câu hỏi nhịp điệu trong thơ là gì thường còn mang tính chất cảm nhận của cá nhân. Theo *Tự điển tiếng Việt* cuả nhóm tác giả Minh Tân – Thanh Nghi -  Xuân Lãm do nhà xuất bản Thuận Hóa, 1998) thì *nhịp điệu là sự lặp lại một cách tuần hoàn các âm mạnh và nhẹ sắp xếp theo những hình thức nhất định*. Theo GS TS Mã Giang Lân trong *Nhịp điệu thơ hôm nay* đăng trên Văn học nghệ thuật Đà Nẵng (nguồn google.com): “*Theo nghĩa rộng nhất, nhịp điệu là hình thức phân bố trong thời gian những chuyển động nào đó, như vậy có thể nói về nhịp điệu của bất kỳ sự chuyển động, trong đó có âm thanh của bất kỳ thứ ngôn ngữ nào chúng ta nghe được mà không cần hiểu nghĩa. Nhịp điệu thể hiện tính chất đều đặn của chuyển động, sự cân đối của những độ dài về thời gian hay sự luân phiên dưới dạng chuyển động âm thanh (*Ở đây không tính đến khái niệm nhịp điệu thường được áp dụng vào các quá trình sinh lý như thở, mạch đập của tim và những chuyển động như đi bộ...*)”.*

Trong bài *Mấy ý nghĩ về thơ* (1949), Nguyễn Đình Thi quan niệm: *"Nhịp điệu của thơ không những là nhịp điệu bằng bằng, trắc trắc, lên bổng xuống trầm của tiếng đàn bên tai (...). Thơ có một thứ nhạc nữa, một thứ nhịp điệu bên trong, một thứ nhịp điệu của hình ảnh, tình ý, nói chung là của tâm hồn (...). Đó là nhịp điệu thành hình của những cảm xúc, hình ảnh liên tiếp hòa hợp mà những tiếng và chữ gợi ra như những ngân vang dài, ngay những khoảng lung linh giữa chữ, những khoảng im lặng cũng là nơi trú ngụ kín đáo của sự xúc động".*(GS TS Mã Giang Lân, *Nhịp điệu thơ hôm nay* đăng trên Văn học nghệ thuật Đà Nẵng (nguồn google.com).

Maiacốpxki cho rằng: “*Nhịp điệu là sức mạnh chủ yếu, là năng lượng của câu thơ”…* Vậy thì có thể hiểu một cách đơn giản nhịp điệu như là sự rung động tâm hồn, là mạch cảm xúc được thể hiện ngoài lớp vỏ ngôn từ, tạo tác động, ấn tượng lên tâm thức người tiếp cận tác phẩm để thực hiện chức năng thông tin thẩm mỹ. Nói nhịp điệu trong thơ là sự chia cắt dòng âm thanh, sự phân đoạn câu thơ, dòng thơ giúp người đọc cảm thụ một cách trực tiếp. Mở rộng ra thì nhịp điệu trong thơ là một khái niệm chỉ một đơn vị ngôn ngữ nằm bên trong bản thân kiến trúc ngôn từ và qui định kiểu kiến trúc ấy, được khu biệt về quy tắc tổ chức âm thanh, là nhân tố vận động cả ở phương diện ngữ nghĩa và âm thanh. Nhịp điệu thay đổi tạo nên cảm giác lời thơ vận động nghệ thuật theo quy luật chủ quan của chủ thể sáng tác đồng thời tác động đến tâm lý tình cảm của chủ thể tiếp cận theo chức năng thông tin thẩm mỹ.

***3.2. Vai trò và chức năng của nhip điệu trong thơ***

- Người ta không thể đọc bài thơ liên tục từ những từ ngữ đầu tiên đến kết thúc mà không ngừng nghỉ. Nhịp điệu gắn liền với chỗ ngừng, chỗ ngắt được phân bố hợp lý theo mạch cảm xúc để diễn đạt nội dung thẩm mỹ.

- Cảm nhận được nhịp điệu của thơ sẽ tạo nên sự khám phá mới, thú vị. Theo Trần Thiện Khanh trong *Nguyên lý cấu trúc của thơ*(nguồn google.com) cho rằng: “*Nhịp điệu trở thành ngôn ngữ đặc biệt của thơ, nó biểu hiện được bao ý tình mà từ ngữ không thể nói hết được. Nhịp điệu - một khi được cảm xúc hoá, cá tính hoá sẽ mài sắc cảm nhận, cảm giác của người đọc. Đọc bài thơ giàu tính nhạc, người đọc như được sống trong cảm giác mới mà trước đó chưa từng biết*”.

- Nhịp điệu trong thơ được quy định qui ước chung của thể loại, song mặt khác lại tự vận động theo mạch cảm xúc riêng tạo nét chấm phá trong ý thơ. Ví dụ thơ thất ngôn bát cú thường là 4/3.

- Hình thái nhịp điệu hiện thực hoá cấu trúc ý thơ, tứ thơ, tạo nên nhạc điệu. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều bài thơ trong âm hưởng tự nhiên của nó đã tạo nên nhạc điệu.

- Nhịp điệu trong thơ làm tăng thông tin thẩm mỹ của bài thơ. Nhịp điệu của thơ bao hàm các yếu tố giai điệu (*trầm - bổng*), tiết tấu (*mau - thưa*), nhạc điệu (*tính nhạc của thơ*), ngắt trong câu, dấu câu, ngừng hết câu, dòng thơ, nhấn (*từ láy, vần, từ Hán -Việt, điệp từ, từ địa phương ...*)  Nhịp điệu trong câu thơ là khoảng lặng không lời mà lại diễn đạt nhiều cảm xúc. Nhịp điệu không chỉ tách ý tách nghĩa mà còn thể hiện thế giới nội tâm của nhà thơ, thể hiện những cảm xúc được dấu kín, dè nén, mà không thể tìm thấy trong ngôn từ, trong âm thanh.

***3.3. Tín hiệu nhận diện nhịp điệu trong thơ***

Nhìn trên tổng thể có thể chia nhịp điệu thành 3 loại sau:

- Nhịp điệu được thực hiện qua các dấu câu, dòng thơ, câu thơ.

- Nhịp điệu thực hiện không thông qua dấu câu (*nhịp thơ, vần, từ láy, từ Hán – Việt…*).

**-** Các biện pháp tu từ nghệ thuật cũng góp phần tạo nên nhịp điệu trong thơ, nhất là phép tu từ điệp ngữ. Chính điệp ngữ tạo nên tính hùng biện cho văn và nhạc điệu cho thơ. Ngoài ra còn nhiều phép tu từ khác như so sánh, điển cố, ẩn dụ, hoán dụ, đảo ngữ… góp phần tạo nên nhịp điệu cho thơ.

***3.4. Nhịp trong các thể thơ***

***\*Thơ lục bát****:* Nhịp chẵn (nhịp 2/2/2, 4/4) ở lục bát tạo ra giọng mềm mại, tha thiết như lời ru êm ái. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, để tạo nét nhấn, một số tác giả có cách ngắt nhịp theo dụng ý riêng nhằm tạo ấn tượng.

***\*Thơ Đường luật****:* Nhịp thơ thất ngôn bát cú với lối ngắt nhịp 2/2/3 hoặc 4/3 (*gọi chung là nhịp lẻ*) tạo ra giọng điệu hào sảng, trang trọng. Tuy nhiên ở một số trường hợp, sự thay đổi nhịp điệu tạo nên ý hàm súc.

***\*Thơ song thất lục bát****:* Trong thơ song thất lục bát, hai câu thất tạo âm hưởng mạnh mẽ dứt khoát qua nhịp 3/4 được kết hợp hài hòa với nhịp chẵn của lục bát tạo nhịp điệu uyển chuyển.

***\*Thơ tự do:***

Nhịp thơ chỉ tác động vào tình cảm người tiếp cận để hóa thành giai điệu biểu đạt tình ý. Có lúc nhịp thơ góp phần vào bố cục câu thơ, dòng thơ, khổ thơ làm tăng khả năng diễn đạt tứ thơ. Đối với thơ tự do, nhịp thơ dàn trải theo cảm xúc của chủ thể sáng tạo nên rất đa dạng.

**4. Giọng điệu trong tác phẩm văn học (bao gồm cả thơ)**

Nhà nghiên cứu Khrapchencô đã từng khẳng định: "Đề tài, tư tưởng, hình tượng chỉ được thể hiện trong một môi trường giọng điệu nhất định, trong phạm vi của thái độ cảm xúc nhất định đối với đối tượng sáng tác, đối với những mặt khác nhau của nó".

***4.1. Khái niệm:*** Giọng điệu (tiếng Anh: tone) là thái độ, tình cảm, lập trường tư tưởng, đạo đức của nhà văn đối với hiện tượng được miêu tả thể hiện trong lời văn quy định cách xưng hô, gọi tên, dùng từ, sắc diệu tình cảm, cách cảm thụ xa gần, thân sơ, thành kính hay suồng sã, ngợi ca hay châm biếm,… Chẳng hạn, trong thơ tình yêu của Thế Lữ, theo Hoài Thanh, có giọng điệu “lẳng lơ mà xa vời và thiếu tình ấm áp” thể hiện ở cách gọi thiếu nữ là cô em, do chưa đủ thân mật để gọi bằng em ; giọng điệu ngọt ngào, êm ái trong Hồn bướm mơ tiên của Khái Hưng, giọng điệu suồng sã, đay nghiến trong Chí Phèo của Nam Cao, giọng điệu mỉa mai, châm biếm trong “Vịnh khoa thi hương” của Tú Xương…

***4.2. Vai trò của giọng điệu trong tác phẩm văn học:***

- Giọng điệu phản ánh lập trường xã hội, thái độ tình cảm và thị hiếu thẳm mỹ của tác giả có vai trò rất lớn trong việc tạo nên phong cách nhà văn và tác dụng truyền cảm cho người đọc. Thiếu một giọng điệu nhất định, nhà văn chưa thể viết ra được tác phẩm, mặc dù đã có đủ tài liệu và sấp xếp trong hệ thống nhân vật.

- Không nên lẫn lộn giọng điệu với ngữ điệu là phương tiện biểu hiện của lời nói, thể hiện qua cách lên giọng, xuống giọng, nhấn mạnh, nhịp diệu,… chỗ ngừng. Giọng điệu là một phạm trù thẩm mỹ của tác phẩm văn học. Nó đòi hỏi người trần thuật, kể chuyện hay nhà thơ trữ tình phải có khẩu khí, có giọng điệu. Giọng điệu trong tác phẩm gắn với cái giọng “trời phú” của mỗi tác giả, nhưng mang nội dung khái quát nghệ thuật, phù hợp với đối tượng thể hiện. Giọng điệu trong tác phẩm có giá trị thường da dạng, có nhiều sắc thái trên cơ sở một giọng điệu cơ bản chủ đạo, chứ không đơn điệu.

**5. Âm điệu trong thơ**

***5.1. Khái niệm:***

Âm điệu là sự hòa điệu giữa cảm xúc thơ và tiết điệu ngôn ngữ, là dạng thức hết sức vi diệu của điệu hồn trong thơ. Cảm xúc được gợi ra từ nghệ thuật tổ chức các yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, thanh điệu, vần điệu, giọng điệu… thể hiện điệu hồn, chiều sâu xúc cảm, tinh thần của bài thơ.

=> Âm điệu là phương tiện đắc lực trong việc thể hiện cảm xúc và linh hồn của bài thơ, cảm xúc hóa thân trong âm điệu thơ.

***5.2. Vai trò của âm điệu trong thơ***

- Đặc trưng của thơ là trữ tình, nghiêng về biểu hiện thế giới chủ quan của con người với trạng thái tình cảm, rung động (thơ là tiếng lòng, là rung cảm mãnh liệt của nhà thơ trước cuộc sống). Nội dung cảm xúc trong thơ được thể hiện qua âm điệu, cụ thể là qua cách tổ chức ngôn từ đặc biệt, hàm súc, giàu nhạc tính, cụ thể các yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, vần điệu, thanh điệu, giọng điệu…

- Âm điệu có vai trò quan trọng trong việc bộc lộ cảm xúc, chiều sâu tư tưởng của thi phẩm. Đọc thơ, cảm được âm điệu coi như đã nhập được vào hồn thơ, chạm vào được “cõi thơ” thực sự.

- Trong thực tế, có rất nhiều bài thơ mà sức hấp dẫn, sức sống của nó trong lòng người đọc bắt đầu từ âm điệu. Vì âm điệu:

+ Tạo nên sự hấp dẫn cho bài thơ về mặt nghệ thuật, đặc biệt là âm vang của lời thơ.

+ Dẫn dắt, hòa điệu tâm hồn người đọc vào thế giới cảm xúc lắng sâu cùng điệu hồn thi phẩm.

- Mỗi thi phẩm có một âm điệu riêng với cách tổ chức các yếu tố nghệ thuật riêng. Chỉ khi bài thơ là kết quả của sự rung động mãnh liệt và sự sáng tạo độc đáo trong cách tổ chức ngôn từ thì âm điệu thơ mới trở nên ngân vang. Như thế, âm điệu đã trở thành tín hiệu thẩm mĩ quan trọng của bài thơ.

- Âm điệu không chỉ có ý nghĩa với người sáng tác mà còn là sự định hướng, gợi mở cho người tiếp nhận, đọc thơ, cần “lấy hồn tôi để hiểu hồn người”, cần nắm bắt âm điệu thơ để đến được điệu hồn thi phẩm.

=> Từ phương diện âm điệu, có thể thấy được thực tài, thực tâm của người nghệ sĩ, đó cũng là một yêu cầu để thi phẩm có sức sống lâu bền trong lòng người đọc.

***Nội dung 9:***

***CHUYÊN ĐỀ: TRUYỆN***

***1. Khái niệm***

- Truyện là thể loại văn học có phương thức trình bày một chuỗi sự việc, từ sự việc này đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa. Tự sự giúp người đọc và người nghe có thể hiểu rõ sự việc, con người, hiểu rõ vấn đề, từ đó bày tỏ thái độ khen chê. Tự sự rất cần thiết trong cuộc sống, trong giao tiếp, trong văn chương.

- Đặc điểm:

+ Tác phẩm tự sự phản ánh đời sống khách quan thông qua các sự kiện, hệ thống sự kiện: thể hiện một bức tranh khách quan về thế giới, về những gì tồn tại bên ngoài người trần thuật, không phụ thuộc và ý muốn và tình cảm của họ. Tất cả những sự việc, sự kiện, biến cố bên ngoài hay những cảm xúc, tâm trạng, ý nghĩ bên trong được nhà văn xem như đối tượng để phân tích.

+ Tác phẩm tự sự có khả năng phản ánh hiện thực một cách rộng lớn, bao quát: trong tác phẩm tự sự, không gian và thời gian không bị hạn chế. Nhân vật tự sự được khắc họa đầy đủ, nhiều mặt, triển khai sâu rộng trong nhiều mối quan hệ đa dạng và phong phú. Nhân vật được khắc họa từ ngoại hình đến nội tâm, cả quá khứ, hiện tại và tương lai.

+ Tác phẩm tự sự luôn luôn có hình tượng người kể chuyện: làm nhiệm vụ tường thuật, kể chuyện để phân tích, nghiên cứu, khêu gợi, bình luận, cắt nghĩa những quan hệ phức tạp giữa nhân vật và nhân vật, giữa nhân vật và hoàn cảnh...Trong tác phẩm tự sự, hình tượng người trần thuật giữ một vai trò hết sức quan trọng và luôn luôn muốn hướng dẫn, gợi ý cho người đọc nên hiểu nhân vật, hoàn cảnh. như thế nào.

+ Lời văn trong tác phẩm tự sự: chủ yếu là lời văn kể chuyện, miêu tả.

**2. Các thể loại**

***2.1. Truyện ngắn:***

Truyện ngắn là một thể loại [văn học.](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc) Nó thường là các câu chuyện kể bằng [văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_xu%C3%B4i) [xuôi](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_xu%C3%B4i) và có xu hướng ngắn gọn, súc tích và hàm nghĩa hơn các câu truyện dài như [tiểu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_thuy%E1%BA%BFt) [thuyết.](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_thuy%E1%BA%BFt) Thông thường truyện ngắn có độ dài chỉ từ vài dòng đến vài chục trang, trong khi đó [tiểu thuyết](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_thuy%E1%BA%BFt) rất khó dừng lại ở con số đó. Vì thế, tình huống truyện luôn là vấn đề quan trọng bậc nhất của [nghệ thuật](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ngh%E1%BB%87_thu%E1%BA%ADt) truyện ngắn. Truyện ngắn thường chỉ tập trung vào một tình huống, một chủ đề nhất định. Trong khi đó, [tiểu thuyết](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_thuy%E1%BA%BFt) chứa được nhiều vấn đề, phủ sóng được một diện rộng lớn của đời sống. Do đó, truyện ngắn thường hết sức hạn chế về nhân vật, [thời gian](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%9Di_gian) và [không gian](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_gian) trong truyện ngắn cũng không trải dài như  
tiểu thuyết. Đôi khi truyện ngắn chỉ là một khoảng khắc của cuộc sống.

***2.2. Tiểu thuyết:***

Tiểu thuyết là một thể loại văn xuôi có [hư cấu,](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0_c%E1%BA%A5u) thông qua [nhân vật,](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A2n_v%E1%BA%ADt) hoàn cảnh, sự việc để phản ánh bức tranh [xã hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_h%E1%BB%99i) rộng lớn và những vấn đề của cuộc sống [con người,](https://vi.wikipedia.org/wiki/Lo%C3%A0i_ng%C6%B0%E1%BB%9Di) biểu hiện tính chất tường thuật, tính chất kể chuyện bằng ngôn ngữ [văn xuôi](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_xu%C3%B4i) theo những chủ đề xác định.

+ Tiểu thuyết có nhiều dạng thức [kết cấu](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=K%E1%BA%BFt_c%E1%BA%A5u&action=edit&redlink=1) tùy theo yêu cầu của [đề tài,](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%81_t%C3%A0i_(ngh%E1%BB%87_thu%E1%BA%ADt)) [chủ đề](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%E1%BB%A7_%C4%91%E1%BB%81&action=edit&redlink=1) hoặc theo sở trường của người viết. Thậm chí người ta còn cho rằng, về nguyên tắc, tiểu thuyết không có một hình thức thể loại hoàn kết, bởi vì nó là “sử thi của thời đại chúng ta”, tức là sử thi của cái hiện tại, cái đang hàng ngày hàng giờ đổi thay.

+ Tuy thường gặp những kết cấu chương hồi, kết cấu tâm lý, kết cấu luận đề, kết cấu đơn tuyến, kết cấu đa tuyến v.v. tiểu thuyết vẫn không chịu được những chế định chặt chẽ, nó không có quy phạm cố định và người viết thậm chí có thể phá vỡ những khuôn mẫu sẵn có để vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo các hình thức kết cấu khác nhau. Kết cấu cho phép tạo nên một diện mạo chung nhất về tiểu loại: tiểu thuyết chương hồi, tiểu thuyết tâm lý, tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết đa thanh v.v.

* Có hai cách để phân biệt truyện ngắn hay tiểu thuyết:

+ Căn cứ theo số trang mà truyện có thể in ra.

+ Căn cứ theo cách viết của cả truyện: Tiểu thuyết hay truyện dài thì cứ triền miên theo thời gian, đôi khi có quãng hồi ức trở ngược lại. Truyện ngắn thì gây cho người đọc một cái nút, một khúc mắc cần giải đáp. Cái nút đó càng ngày càng thắt lại đến đỉnh điểm thì đột ngột cởi tung ra, khiến người đọc hả hê, hết băn khoăn.

*3. Các đặc trưng của truyện*

**3.1. Sự kiện (biến cố)**

* Sự kiện là những sự việc xảy ra trong đời sống, là những hành động, việc làm, những sự gặp gỡ... có khả năng làm bộc lộ bản chất nhân vật, thay đổi mối quan hệ người và người, làm thay đổi cảm xúc, tình cảm, nhận thức, thậm chí số phận nhân vật. Ví như sự kiện Tấm bị Cám lừa, lấy hết giỏ tép. Sự kiện này chứng tỏ bản chất lừa đảo, độc ác của Cám, vừa thể hiện bản tính thật thà, đôn hậu của Tấm, vừa tạo điều kiện để Tấm gặp Bụt. Hoặc như để kể về một người xấu như Lí Thông, người ta kể những sự kiện như hắn kết nghĩa anh em với Thạch Sanh, rồi lừa chàng đi gác miếu trăn tinh nhằm lấy thân chàng thế mạng cho hắn...
* Sự kiện thường là cái không bình thường (cho nên còn gọi là biến cố) trong đời sống nhân vật. Chính vì cái không bình thường ấy, đã khiến nhân vật phải suy nghĩ, phải cảm xúc, thậm chí phải đấu tranh, dằn vặt, phải tự ý thức... để sau đó buộc nhân vật phải có những hành động, ứng xử phù hợp tiếp theo. Có những sự kiện nhỏ, có những sự kiện lớn trong cuộc đời nhân vật, song tất cả đều làm cho bản chất sâu kín của nhân vật hiện lên rõ nét. Cái không bình thường của sự kiện thường xảy ra một cách bất ngờ, đột ngột, có thể phá vỡ trật tự vốn đang tồn tại, làm cho sự kiện trở thành cái lạ lùng, “thậm chí một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”, ví như sự kiện cho chữ trong Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân vậy.
* Sự kiện, về bản chất, là sản phẩm của mối quan hệ con người và hoàn cảnh, môi trường, cho nên nó có khả năng phản ánh cuộc sống một cách toàn diện. Qua sự kiện, có thể biết được các mối quan hệ của con người. Ví dụ, chuỗi sự kiện trong Truyện Kiều đã cho thấy mối quan hệ của người dân với hệ thống quan lại, của gái lầu xanh với chủ chứa, nông dân khởi nghĩa với triều đình... Bên cạnh đó, là mối quan hệ con người và môi trường: những đoạn tả cảnh thiên nhiên, tả đồ vật... thường được miêu tả rất cụ thể, chi tiết.
* Sự kiện còn là kết quả của mối dây liên hệ của con người đối với thế giới. Cho nên, theo mối liên hệ của các sự kiện mà tác giả tự sự có thể mở rộng không gian - thời gian không hạn chế. Vì vậy, một tác phẩm có thể miêu tả một khoảng khắc, nhưng cũng có thể miêu tả cả một đời người, thậm chí nhiều thế hệ. Ông khách ở quê ra khiến người kể chuyện nhớ lại toàn bộ chuyện về cuộc đời của ông lão Khúng với mọi thăng trầm của đời người cũng như của cả một vùng đất (Khách ở quê ra - Nguyễn Minh Châu).

Người đời thường nhắc đến những sự kiện văn học nổi tiếng với những giá trị xã hội và nhân sinh sâu sắc: Ô-đi-xê lưu lạc mười năm, Từ Thức gặp tiên; Thúy Kiều bán mình chuộc cha; Phăng-tin bán tóc, bán răng, bán thân nuôi con; Chí Phèo đòi được làm người lương thiện, anh Tràng nhặt được vợ... Các sự kiện văn học nổi tiếng này thường có sức hấp dẫn đặc biệt.

**3.2. Cốt truyện**

* Có hai cách hiểu về khái niệm cốt truyện. Một là, cốt truyện là hạt nhân cơ bản của câu chuyện với trật tự các sự kiện theo tuyến tính. Với nghĩa này, các nhà nghiên cứu thường gọi đó là khung cốt truyện. Hai là, cốt truyện đã được nghệ thuật hóa nằm những mục đích tư tưởng và thẩm mĩ nhất định: đan xen các tuyến nhân vật, phát triển các thành phần phụ, đảo lộn trật tự thời gian, lắp ghép các môtíp, đầu cuối tương ứng... Với nghĩa này, người ta dùng khái niệm truyện kể. Ở đây, chúng ta nói đến cốt truyện là nói đến cốt truyện đã được nghệ thuật hóa. Cốt truyện là chuỗi sự kiện có tính liên tục trước sau, có quan hệ nhân quả hoặc có liên hệ về ý nghĩa, vừa có tác dụng biểu hiện tính cách, số phận nhân vật, vừa xây dựng bức tranh đời sống hiện thực, vừa là yếu tố gây hấp dẫn cho nguời đọc.
* Tiến trình các sự kiện sẽ tạo thành cốt truyện. Bình thường, đứng về cấu trúc cơ bản và truyền thống, cốt truyện thường có các thành phần cơ bản như: trình bày, thắt nút, phát triển, cao trào, mở nút. Trật tự cốt truyện thường được kể theo trật tự tuyến tính, theo dòng lịch sử. Trong truyện tự sự hiện đại, năm thành phần cơ bản này có thế thiếu vắng một thành phần nào đó và việc kể chuyện có thể không theo trật tự trước sau của câu chuyện, mà có sự đảo ngược, xen lẫn các thành phần.
* Ngoài ra, còn có thể có những dạng cốt truyện phổ biến như: truyện lồng trong truyện. Trong truyện Lão Hạc của Nam Cao, có cốt truyện ông lão buộc phải bán con chó mình yêu quí và cốt truyện về ông giáo lúc đầu không hiểu sau dần dần hiểu được ông lão hàng xóm của mình. Truyện Một nghìn lẻ một đêm xứ Ba Tư chính là một kiểu chồng chất các câu chuyện nằm trong chuyện. Có truyện lặp lại, đầu cuối tương ứng (Chí Phèo - Nam Cao).

+ Truyện xây dựng trên một mô típ. Đặc biệt ở truyện cổ tích, những môtíp phối hợp với nhau hình thành mối liên hệ chủ đề của tác phẩm.

+ Cốt truyện ở đây được xem là sự tổng hợp các mô típ theo kế tục thời gian và nhân quả. Cốt truyện trữ tình là câu chuyện không có sự kiện gì đặc biệt mà chủ yếu dựa theo cảm xúc của nhân vật (Dưới bóng hoàng lan, Hai đứa trẻ - Thạch Lam). Đó là loại truyện kể về thế giới nội tâm nên sự kiện chính là sự kiện nội tâm (sự kiện bên trong, sự kiện tâm trạng).

* Cốt truyện thường mang những chức năng sau: Tạo thành lịch sử cuộc đời nhân vật với những thăng trầm, biến đổi. Cốt truyện Tấm Cám cho thấy số phận của một cô gái quê nghèo, hiền lành, chăm chỉ, trải qua bao khó khăn, vất vả, thậm chí phải chết đi sống lại nhiều lần, để cuối cùng có được một hạnh phúc lâu dài. Cốt truyện còn góp phần bộc lộ xung đột, mâu thuẫn của con người, có ý nghĩa nhân sinh. Cốt truyện Cây khế có những sự kiện có vẻ như trùng lặp nhưng cuối cùng dẫn đến hai kết cục hoàn toàn khác biệt do cách ứng xử nhân sinh khác biệt với từng sự kiện đó. Cốt truyện còn có nhiệm vụ tạo nên sự hấp dẫn cho câu chuyện, cho nên những phép ngẫu nhiên, bất ngờ, lặp lại, đột ngột, lắp ghép, giả mà như thật... đều làm cho cốt truyện tăng thêm phần hấp dẫn. Cốt truyện phiên lưu cho thấy nhân vật luôn phải tự gỡ mình thoát ra khỏi các tình huống gay cấn. Cốt truyện tài hoa tài tử gặp gỡ bao giờ cũng có những trở ngại và cuối cùng đoàn viên hạnh phúc...
* Ngoài ra, bên cạnh cốt truyện, như là thành phần động, còn có các thành phần khác, mang tính tĩnh tại, có thể gọi là thành phần xen, hay thành phần ngoài cốt truyện. Đây là những thành phần như miêu tả, kể, bình luận, trữ tình, cảnh thiên nhiên, môi trường,giới thiệu lai lịch, khắc họa nội tâm, giới thiệu phong tục... Những thành phần này tuy không đóng vai trò quan trọng trong cốt truyện, nhưng chính nó góp phần làm cho tác phẩm trở thành một sinh mệnh đầy đặn, có sự sống, có linh hồn. Đây là thành phần giàu chất tạo hình và biểu hiện, làm cho văn học có thể so sánh với hội họa, điêu khắc, âm nhạc, cung cấp những bức tranh hấp dẫn, sinh động về hiện thực, vừa giàu khả năng lí giải tường tận tâm lí, hành động nhân vật cũng như các nội dung khác của đời sống.  
  Đoạn miêu tả tiếng đàn của Thúy Kiều, miêu tả không gian đêm về trong truyện Hai đứa trẻ (Thạch Lam), sự mở rộng các thành phần tĩnh tại này làm cho tác phẩm tự sự có

khả năng trình bày trọn vẹn đầy đặn về cuộc sống, tạo không khí, nhịp điệu, ấn tượng,  
cách đánh giá và cảm thụ thế giới với những đặc sắc thẩm mĩ. Sự luân phiên các thành  
phần động (sự kiện), tĩnh (miêu tả, bình luận, kể...) sẽ tạo nên nhịp điệu trần thuật. Nếu  
tập trung vào sự kiện (thành phần động), nhịp điệu câu chuyện sẽ nhanh, còn tập trung  
vào thành phần tĩnh, nhịp điệu câu chuyện sẽ trở nên chậm rãi.

**3.3. Người kể chuyện**

* Người kể chuyện là chủ thể của hành động kể chuyện, có vai trò như một người chứng kiến, trình bày và sáng tạo trong câu chuyện. Người kể chuyện có thể là chính tác giả nhưng cũng có thể là một vai do tác giả hư cấu giúp tác giả kể lại câu chuyện của mình.
* Người kể chuyện có ngôi kể, vai kể, điểm nhìn, giọng điệu kể, có nhiệm vụ phân tích, nghiên cứu, giải thích, khêu gợi, bình luận, làm sáng tỏ mọi quan hệ phức tạp giữa nhân vật và hoàn cảnh. Thí dụ, người kể chuyện đã giới thiệu, giải thích lai lịch nhân vật trong đoạn mở đầu truyện Tấm Cám: Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Mẹ Tấm chết từ hồi Tấm mới biết đi. ít lâu sau, người cha cũng chết. Tấm ở với dì ghẻ là mẹ của Cám. Nhân vật này có thể lộ diện, nhưng cũng có thể vô danh, nhưng bao giờ người đọc cũng cảm nhận được linh hồn của người kể chuyện này một cách rõ rệt, gần gũi thông qua lời kể, giọng điệu, điểm nhìn, cách dẫn dắt và phân tích, lí giải cốt truyện...
* Có nhiều cách phân loại người kể chuyện.

+ Theo N. Friednam, trong sách Điểm nhìn trần thuật (1967), có thể phân loại người kể chuyện thành những loại như: người kể chuyện biết hết, người kể chuyện không biết hết, là nhân chứng (thường là ngôi), là vai chính (nhân vật kể), người kể toàn năng (dựa vào điểm nhìn nhiều nhân vật), người kể chuyện đơn lẻ (điểm nhìn một nhân vật), người kể camera (không tỏ thái độ chủ quan), người kể quan sát kịch (chỉ thấy hành động).

+ Dựa vào ngôi kể có thể xác định gồm có 2 kiểu người kể chuyện: Thứ nhất, người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng tôi, thường là người tham gia trong câu truyện, là nhân vật trong truyện. Thứ hai là người kể chuyện theo ngôi thứ ba, không tham gia vào câu chuyện, chỉ đứng bên ngoài để kể.

Trong truyện truyền thống, người kể chuyện thường là người đứng ngoài câu chuyện, hoặc là chính tác giả, thường ít xưng danh. Nhưng trong truyện hiện đại, nhân vật người kể chuyện có thể ở ngôi thứ nhất, xưng tôi, nhân vật này có thể là một  
nhân vật trong câu chuyện (ông giáo trong truyện Lão Hạc - Nam Cao) hoặc ngôi thứ  
ba (người kể chuyện đứng bên ngoài câu chuyện). Loại nhân vật này có một giọng điệu  
thể hiện qua cách nhìn, cách cảm thụ, phương thức tư duy, năng lực trí tuệ, tình cảm,  
bộc lộ qua ngôn ngữ. Như vậy là nhân vật người kể chuyện cũng được cá tính hóa. Chính giọng điệu này đã xác định được phần nào phong cách của tác giả. Ví dụ, lời người kể chuyện trong tác phẩm của Nguyễn Khải luôn có xu hướng phân tích lí giải cặn kẽ cách ứng xử của nhân vật trong các mối quan hệ, còn lời kể chuyện của Thạch Lam luôn chứa đầy những miêu tả cảm giác, mang thiên hướng trữ tình.

**Nội dung 10:**

**ĐIỂM NHÌN NGHỆ THUẬT**

**1. Khái niệm**

**- *Tầm quan trọng của điểm nhìn nghệ thuật:*** Tác phẩm văn học nào dù là thơ hay truyện cũng xuất phát từ điểm nhìn cụ thể. Không thể không có tác phẩm văn học nếu không có điểm nhìn và điểm nhìn góp phần quan trọng tạo nên giá trị tác phẩm. Tác giả Nguyễn Thái Hòa trong *Điểm nhìn trong lời nói giao tiếp và và điểm nhìn trong nghệ thuật trong truyện* đã khẳng định điểm nhìn điểm bắt đầu và chi phối sâu sắc đến tác phẩm. Đồng thời ông cũng nhận thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa điểm nhìn với người kể, tác phẩm và người đọc: “Điểm nhìn nghệ thuật là điểm xuất phát của một cấu trúc nghệ thuật, hơn thế nữa là một cấu trúc tiềm ẩn được người đọc tiếp nhận bằng thao tác suy ý từ các mối quan hệ phức hợp giữa người kể và văn bản, giữa văn bản và người đọc văn bản, giữa người kể và người đọc hàm ẩn"

***- Khái niệm:*** Nguyễn Thị Thu Thủy trong cuốn sách *Điểm nhìn và ngôn ngữ trong truyện kể* đã khẳng định điểm nhìn trong truyện kể chi phối tới quá trình quan sát và kể lại: "Điểm nhìn là vị trí, xuất phát điểm mà từ đó hiện thực được quan sát và kể lại". Tác giả Nguyễn Thị Hoài An trong luận án tiến sĩ của mình khẳng định *“Điểm nhìn nghệ thuật trong tự sự là vị trí, chỗ đứng nhất định để nhìn nhận, xem xét, đánh giá sự vật, hiện tượng ...và sau đó kể, miêu tả, thể hiện chúng bằng hình thức của một tác phẩm nghệ thuật ngôn từ”*. Cần lưu ý rằng vị trí, chỗ đứng không chỉ là vị trí trong không gian, thời gian mà còn là tầm nhận thức, trình độ, văn hóa, lứa tuổi, giới tính, trải nghiệm… của người kể chuyện. Từ điểm nhìn nghệ thuật người kể chuyện xác định thông tin trọng tâm (tiêu điểm) để kể, miêu tả và thể hiện thái độ, bình luận. Mối quan hệ giữa chủ thể của điểm nhìn với truyện và tiêu điểm sẽ quyết định ngôi kể trong truyện”.

***- Mối quan hệ của điểm nhìn với đối tượng được nói đến trong tác phẩm:*** Điểm nhìn của chủ thể có điểm rơi vào khách thể. Từ điểm nhìn nghệ thuật, chủ thể của điểm nhìn quan sát, kể lại, miêu tả và bình luận khiến đối tượng được nói đến hiện lên sống động. Nhìn chung, khi phân tích tác phẩm theo điểm nhìn nghệ thuật chúng ta phải trả lời cho các câu hỏi: *Người trần thuật là ai? Anh ta miêu tả cái gì? Và dưới cái nhìn của anh ta thì cái được miêu tả hiện ra như thế nào?* Từ đó, điểm nhìn nghệ thuật trong tác phẩm có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp người đọc thâm nhập sâu vào tác phẩm trên bình diện nghệ thuật, khám phá một cách sâu sắc giá trị nội dung, tư tưởng mà nhà văn muốn gửi gắm ở đứa con tinh thần của mình.

***- Điểm nhìn thể hiện phong cách nhà văn:*** Về bản chất điểm nhìn nghệ thuật luôn xuất phát từ điểm nhìn của tác giả và mỗi tác phẩm truyện đều ẩn chứa trong đó hình tượng tác giả. Từ việc phân tích điểm nhìn nghệ thuật của tác phẩm, người đọc còn có thể tìm ra được nét riêng độc đáo trong phong cách nghệ thuật của mỗi nhà văn.

**2. Phân loại điểm nhìn**

- Theo vị trí quan sát của người kể, có thể phân theo điểm nhìn kể chuyện như: điểm nhìn bên ngoài, bên trong; điểm nhìn không gian (xa, gần), điểm nhìn di động (từ đối tượng này sang đối tượng khác), điểm nhìn thời gian (quá khứ, hiện tại, tương lai), điểm nhìn luân phiên (trong, ngoài). Sự luân phiên điểm nhìn này cho thấy sự linh hoạt của các kiểu tổ chức miêu tả và bình luận trong cốt truyện.

- Tuy nhiên, điểm nhìn người kể chuyện thường được phân chia thành ba loại chính: điểm nhìn toàn tri (vô điểm nhìn), điểm nhìn bên ngoài, điểm nhìn bên trong. Ngoài ra, còn có thể kể đến kiểu điểm nhìn di động. Dựa trên tầm nhìn, vai trò của người kể chuyện và mối quan hệ giữa điểm nhìn với tiêu điểm, ngôi nhân xưng, hình thức ngôn ngữ người ta xác định các tiêu chí nhận diện điểm nhìn trong tự sự như sau:

***2.1. Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn toàn tri***

*- Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện:* Người kể chuyện có khả năng biết hết về câu chuyện, biết nhiều hơn nhân vật và là chủ thể của điểm nhìn. Người kể chuyện không chỉ có vai trò kể lại câu chuyện mà còn có thể bình luận, điều khiển nhân vật.

*- Về ngôi, nhân xưng:*

+ Người kể chuyện thường không xuất hiện (hàm ẩn) hoặc hiếm khi là người kể chuyện tường minh xưng "tôi".

+ Nhân vật thường ở ngôi thứ ba.

*- Về tiêu điểm kể chuyện:* Người kể chuyện có cái nhìn biết hết nên nhân vật có thể được kể từ bên ngoài (ngoại hình, lời nói, hành động) vào bên trong (nội tâm) một cách rõ nét.

*- Về ngôn ngữ kể chuyện:* chủ yếu là lời người kể chuyện, là lời kể gián tiếp.

***2.2. Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn bên ngoài***

*- Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện:* Người kể chuyện mặc dù vẫn là chủ thể của điểm nhìn nhưng biết ít hơn nhân vật, chỉ có khả năng nhìn nhận từ bên ngoài mà không biết gì về nội tâm bên trong của nhân vật. Người kể chuyện ít có khả năng đánh giá, phán đoán và không có khả năng điều khiển nhân vật.

*- Về ngôi, nhân xưng:*

+ Người kể chuyện không xuất hiện trong tác phẩm, hoàn toàn giấu mình.

+ Nhân vật thường ở ngôi thứ ba.

*- Về tiêu điểm kể chuyện:* Nhân vật chỉ có thể được kể từ bên ngoài bằng ngoại hình, lời nói, hành động.

*- Về ngôn ngữ kể chuyện:* Ngôn ngữ gián tiếp, chủ yếu là ngôn ngữ người kể chuyện. Trong một số tác phẩm ngôn ngữ đối thoại của nhân vật được coi trọng và chiếm một tỉ lệ cao.

***2.3. Các tiêu chí nhận diện tác phẩm kể chuyện theo điểm nhìn bên trong***

*- Về tầm nhìn và vai trò của người kể chuyện:* Chủ thể của điểm nhìn là nhân vật. Người kể chuyện có thể là nhân vật kể chuyện mình hoặc nhập thân vào nhân vật để kể chuyện nên chỉ có thể nhìn nhận, kể chuyện, bình luận, lí giải, phán đoán bằng tầm nhìn của một nhân vật.

*- Về ngôi, nhân xưng:* Người kể chuyện đồng thời là nhân vật, có thể xuất hiện trong tác phẩm ở ngôi thứ nhất (với trường hợp người kể chuyện là nhân vật kể chuyện mình) hoặc ngôi thứ ba (với trường hợp người kể chuyện nhập thân vào nhân vật để kể chuyện).

*- Về tiêu điểm kể chuyện:* Tiêu điểm kể chuyện là nội tâm của nhân vật nên truyện kể thường ít sự kiện, ít nhân vật, ít hành động, lời nói.

*- Về ngôn ngữ kể chuyện:* Ngôn ngữ kể chuyện là lời kể trực tiếp với trường hợp người kể chuyện là nhân vật kể chuyện mình hoặc nửa trực tiếp với trường hợp người kể chuyện nhập thân vào nhân vật để kể chuyện.

***2.4. Điểm nhìn di động:*** Là kiểu kể chuyện mà người kể chuyện tựa vào nhiều điểm nhìn khác nhau để kể chuyện: Trong tác phẩm người kể chuyện di chuyển từ điểm nhìn này sang điểm nhìn khác để kể chuyện. Tiêu biểu cho phương thức kể chuyện này là tác phẩm *Đời thừa*. Ban đầu, người kể chuyện kể chuyện kể từ điểm nhìn của Từ với đối tượng được quan sát và kể, miêu tả là nhân vật Hộ. Sau đó, người kể chuyện lại xuất phát từ điểm nhìn của nhân vật Hộ để quan sát, kể và miêu tả về nhân vật Từ. Điểm nhìn di chuyển như vậy cung cấp một cái nhìn đa chiều về cuộc sống mòn mỏi của người trí thức trong xã hội cũ.

**3. Phương thức kể chuyện**

Trong nghệ thuật kể chuyện hiện đại, căn cứ vào điểm nhìn nghệ thuật có thể chia thành ba phương thức trần thuật.

***3.1. Phương thức kể chuyện thứ nhất:***  Người kể chuyện giấu mình, không xuất hiện nhưng lại biết tất cả và kể về các nhân vật, sự kiện … Nhân vật là đối tượng được kể nên thuộc ngôi thứ ba (hắn, y, thị, nó, anh, cụ…).

***2.2. Phương thức kể chuyện thứ hai:*** Nhân vật tự kể chuyện mình xưng tôi, thuộc ngôi thứ nhất kể chuyện về chính mình, về những gì mình biết. Vai trò của anh ta trong tác phẩm vừa là nhân vật vừa là người kể chuyện.

***3.3. Phương thức kể chuyện thứ ba:*** Người kể chuyện giấu mình nhưng chuyển điểm nhìn trần thuật cho nhân vật, điểm nhìn là điểm nhìn nhân vật, lời kể theo giọng điệu của nhân vật thuộc ngôi thứ ba còn gọi là lời nửa trực tiếp. Về bản chất điểm nhìn nghệ thuật luôn xuất phát từ điểm nhìn của tác giả và mỗi tác phẩm truyện đều ẩn chứa trong đó hình tượng tác giả. Tuy nhiên, đặc điểm nghệ thuật của mỗi tác phẩm khi đến với người đọc lại có những hiệu quả khác nhau. Hai phương thức trần thuật thứ nhất và thứ hai chịu chi phối sâu sắc hơn từ điểm nhìn tác giả, còn phương thức trần thuật thứ ba lại cho ấn tượng chủ yếu từ điểm nhìn nhân vật.

***Nội dung 11:***

**NHÂN VẬT TRONG TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**1**. **Khái niệm**

Nhân vật văn học là con người được nhà văn miêu tả trong tác phẩm bằng phương tiện văn học. Những con người này có thể được miêu tả kỹ hay sơ lược, sinh động hay không rõ nét, xuất hiện một hay nhiều lần, thường xuyên hay từng lúc, giữ vai trò quan trọng nhiều, ít hoặc không ảnh hưởng nhiều lắm đối với tác phẩm.

Nhân vật văn học có thể là con người có tên (như Tấm Cám, Thúy Vân, Thúy Kiều, Từ Hải, Kim Trọng...), có thể là những người không có tên (như thằng bán tơ, viên quan, mụ quản gia...) hay có thể là một đại từ nhân xưng nào đó (như một số nhân vật xưng tôi trong các truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại, như mình- ta trong ca dao...). Khái niệm con người này cũng cần được hiểu một cách rộng rãi trên 2 phương diện: số lượng: hầu hết các tác phẩm từ văn học dân gian đến văn học hiện đại đều tập trung miêu tả số phận của con người. Về chất lượng: dù nhà văn miêu tả thần linh, ma quỉ, đồ vật...nhưng lại gán cho nó những phẩm chất của con người.

Trong nhiều trường hợp, khái niệm nhân vật được sử dụng một cách ẩn dụ nhằm chỉ một hiện tượng nổi bật nào đó trong tác phẩm. Chẳng hạn, người ta thường nói đến nhân dân như là một nhân vật trung tâm trong Chiến tranh và hòa bình của L. Tônxtôi, ca cao là nhân vật chính trong Ðất dữ của G. Amađô, chiếc quan tài là nhân vật trong tác phẩm Chiếc quan tài của Nguyễn Công Hoan...Tô Hoài nhận xét về Chiếc quan tài: "Trong truyện ngắn Chiếc quan tài của Nguyễn Công Hoan, nhân vật không phải là người mà là một chiếc quan tài. Nhưng chiếc quan tài ấy chẳng phải là vô tri mà là một sự thê thảm, một bản án tố cáo chế độ thảm khốc thời Pháp thuộc. Như vậy, chiếc quan tài cũng là một thứ nhân vật". Tuy vậy, nhìn chung, nhân vật vẫn là hình tượng của con người trong tác phẩm văn học.

Nhân vật văn học là một hiện tượng nghệ thuật có tính ước lệ, có những dấu hiệu để nhận biết: tên gọi, những dấu hiệu về tiểu sử, nghề nghiệp, những đặc điểm riêng...Những dấu hiệu đó thường được giới thiệu ngay từ đầu và thông thường, sự phát triển về sau của nhân vật gắn bó mật thiết với những giới thiệu ban đầu đó. Việc giới thiệu Thúy Vân, Thúy Kiều khác nhau dường như cũng báo trước về số phận của mỗi người sau này:

"Vân xem trang trọng khác vời

Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang

Hoa cười ngọc thốt đoan trang

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.

Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn

Làn thu thủy, nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh"

Hay việc giới thiệu Hoạn Thư:

"Ở ăn thì nết cũng hay,

Nói điều ràng buộc thì tay cũng già"

Gắn liền với những suy nghĩ, nói năng, hành động trong quá trình phát triển về sau của nhân vật. Nhân vật văn học không giống với các nhân vật thuộc các loại hình nghệ thuật khác. Ở đây, nhân vật văn học được thể hiện bằng chất liệu riêng là ngôn từ. Vì vậy, nhân vật văn học đòi hỏi người đọc phải vận dụng trí tưởng tượng, liên tưởng để dựng lại một con người hoàn chỉnh trong tất cả các mối quan hệ của nó.

**2.** **Vai trò của nhân vật trong tác phẩm.**

Nhân vật văn học có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời. Khi xây dựng nhân vật, nhà văn có mục đích gán liền nó với những vấn đề mà nhà văn muốn đề cập đến trong tác phẩm. Vì vậy, tìm hiểu nhân vật trong tác phẩm, bên cạnh việc xác định những nét tính cách của nó, cần nhận ra những vấn đề của hiện thực và quan niệm của nhà văn mà nhân vật muốn thể hiện. Chẳng hạn, khi nhắc đến một nhân vật, nhất là các nhân vật chính, người ta thường nghĩ đến các vấn đề gắn liền với nhân vật đó. Gắn liền với Kiều là thân phận của người phụ nữ có tài sắc trong xã hội cũ. Gắn liền với Kim Trọng là vấn đề tình yêu và ước mơ vươn tới hạnh phúc. Gắn liền với Từ Hải là vấn đề đấu tranh để thực hiện khát vọng tự do, công lí...Trong Chí Phèo của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo thể hiện quá trình lưu manh hóa của một bộ phận nông dân trong xã hội thực dân nửa phong kiên. Ðằng sau nhiều nhân vật trong truyện cổ tích là vấn đề đấu tranh giữa thiện và ác, tốt và xấu, giàu và nghèo, những ước mơ tốt đẹp của con người...

Do nhân vật có chức năng khái quát những tính cách, hiện thực cuộc sống và thể hiện quan niệm của nhà văn về cuộc đời cho nên trong quá trình mô tả nhân vật, nhà văn có quyền lựa chọn những chi tiết, yếu tố mà họ cho là cần thiết bộc lộ được quan niệm của mình về con người và cuộc sống. Chính vì vậy, không nên đồng nhất nhân vật văn học với con người trong cuộc đời. Khi phân tích, nghiên cứu nhân vật, việc đối chiếu, so sánh có thể cần thiết để hiểu rõ thêm về nhân vật, nhất là những nhân vật có nguyên mẫu ngoài cuộc đời (anh hùng Núp trong Ðất nước đứng lên; Chị Sứ trong Hòn Ðất...) nhưng cũng cần luôn luôn nhớ rằng nhân vật văn học là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo gắn liền với ý đồ tư tưởng của nhà văn trong việc nêu lên những vấn đề của hiện thực cuộc sống. Betông Brecht cho rằng: "Các nhân vật của tác phẩm nghệ thuật không phải giản đơn là những bản dập của những con người sống mà là những hình tượng được khắc họa phù hợp với ý đồ tư tưởng của tác giả".

**3**. **Phân loại nhân vật văn học.**

Nhân vật văn học là một hiện tượng hết sức đa dạng. Những nhân vật được xây dựng thành công từ xưa đến nay bao giờ cũng là những sáng tạo độc đáo, không lặp lại. Tuy nhiên, xét về mặt nội dung tư tưởng, kết cấu, chất lượng miêu tả..., có thể thấy những hiện tượng lặp đi lặp lại tạo thành các loại nhân vật khác nhau. Ðể nắm bắt được thế giới nhân vật đa dạng, phong phú, có thể tiến hành phân loại chúng ở nhiều góc độ khác nhau.

***3.1.Từ góc độ nội dung, phẩm chất nhân vật:***

Có thể nói đến các loại nhân vật chính diện (nhân vật tích cực), nhân vật phản diện (nhân vật tiêu cực).

Nhân vật chính diện là nhân vật đại diện cho lực lượng chính nghĩa trong xã hội, cho cái thiện, cái tiến bộ. Khi nhân vật chính diện được xây dựng với những phẩm chất hoàn hảo, có tính chất tiêu biểu cho tinh hoa của một giai cấp, một dân tộc, một thời đại, mang những mầm móng lí tưởng trong cuộc sống...có thể được coi là nhân vật lí tưởng. Ơí đây, cũng cần phân biệt nhân vật lí tưởng với nhân vật lí tưởng hóa. Loại nhân vật sau là loại nhân vật được tô hồng, hoàn toàn theo chủ quan của nhà văn. Ơí đây, nhà văn đã vi phạm tính chân thực của sự thể hiện.

Nhân vật phản diện là nhân vật đại diện cho lực lượng phi nghĩa, cho cái ác, cái lạc hậu, phản động, cần bị lên án. Trong quá trình phát triển của văn học, trong mỗi giai đoạn lịch sử khác nhau, việc xây dựng các loại nhân vật trên cũng khác nhau. Nếu như trong thần thoại chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa nhân vật chính diện và nhân vật phản diện thì trong truyện cổ tích, các truyện thơ Nôm, các nhân vật thường được xây dựng thành 2 tuyến rõ rệt có tính chất đối kháng quyết liệt. Ở đây, hễ là nhân vật chính diện thường tập trung những đức tính tốt đẹp còn nhân vật phản diện thì hoàn toàn ngược lại. Trong văn học hiện đại, nhiều khi khó phân biệt đâu là nhân vật chính diện, đâu là nhân vật phản diện. Việc miêu tả này phù hợp với quan niệm cho rằng hiện thực nói chung và con người nói riêng không phải chỉ mang một phẩm chất thẩm mĩ mà bao hàm nhiều phẩm chất thẩm mĩ khác nhau, cái nhìn của chủ thể đối với sự vật nhiều chiều, phức hợp chứ không đơn điệu...Những nhân vật như Chí Phèo, Thị Nỡ, Tám Bính, Năm Sài Gòn...là những nhân vật có bản chất tốt nhưng đó không phải là phẩm chất duy nhất của nhân vật. Bakhtin cho rằng: cần phải thống nhất trong bản thân mình vừa các đặc điểm chính diện lẫn phản diện, vừa cái tầm thường lẫn cái cao cả, vừa cái buồn cười lẫn cái nghiêm túc. Chính vì vậy, ở đây, sự phân biệt chính diện, phản diện chỉ có ý nghĩa tương đối. Khi đặt nhân vật vào loại nào để nghiên cứu, cần phải xét khuynh hướng chủ đạo của nó đồng thời phải chú ý đến các khuynh hướng, phẩm chất thẩm mĩ khác nữa. Trong giai đoạn trước, những nhân vật như Kiều, Hoạn Thư, Thúc Sinh cũng được Nguyễn Du miêu tả ở nhiều góc độ, với nhiều phẩm chất khác nhau chứ không phải chỉ có một phẩm chất chính diện hoặc phản diện.

***3.2. Từ góc độ kết cấu***

Xem xét chức năng và vị trí của nhân vật trong tác phẩm, có thể chia thành các loại nhân vật: nhân vật chính, nhân vật trung tâm, nhân vật phụ.

Nhân vật chính là nhân vật giữ vai trò quan trọng trong việc tổ chức và triển khai tác phẩm. Ở đây, nhà văn thường tập trung miêu tả, khắc họa tỉ mỉ từ ngoại hình, nội tâm, quá trình phát triển tính cách của nhân vật. Qua nhân vật chính, nhà văn thường nêu lên những vấn đề và những mâu thuẫn cơ bản trong tác phẩm và từ đó giải quyết vấn đề, bộc lộ cảm hứng tư tưởng và tình điệu thẩm mĩ.

Nhân vật chính có thể có nhiều hoặc ít tùy theo dung lượng hiện thực và những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. Với những tác phẩm lớn có nhiều nhân vật chính thì nhân vật chính quan trọng nhất xuyên suốt toàn bộ tác phẩm được gọi là nhân vật trung tâm. Trong không ít trường hợp, nhà văn dùng tên nhân vật trung tâm để đặt tên cho tác phẩm. Ví dụ: Ðông Kísốt của Cervantes, Anna Karênina của L. Tônxtôi, A.Q chính truyện của Lỗ Tấn, Truyện Kiều của Nguyễn Du...

Trừ một hoặc một số nhân vật chính, những nhân vật còn lại đều là những nhân vật phụ ở các cấp độ khác nhau. Ðó là những nhân vật giữ vị trí thứ yếu so với nhân vật chính trong quá trình diễn biến của cốt truyện, của việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm.

Nhân vật phụ phải góp phần hỗ trợ, bổ sung cho nhân vật chính nhưng không được làm mờ nhạt nhân vật chính. Có nhiều nhân vật phụ vẫn được các nhà văn miêu tả đậm nét, có cuộc đời và tính cách riêng, cùng với những nhân vật khác tạo nên một bức tranh đời sống sinh động và hoàn chỉnh.

***3.3.Từ góc độ thể loại***

Có thể phân thành các nhân vật: nhân vật trữ tình, nhân vật tự sự và nhân vật kịch.

***3.4.Từ góc độ chất lượng miêu tả***

Có thể phân thành các loại: nhân vật, tính cách, điển hình.

Nhân vật là những con người nói chung được miêu tả trong tác phẩm. Nhà văn có thể chỉ mới nêu lên một vài chi tiết về ngôn ngữ, cử chỉ, hành động...cũng có thể miêu tả kĩ và đậm nét.

Tính cách là nhân vật được khắc họa với một chiều sâu bên trong. Nó như một điểm qui tụ mà từ đó có thể giải thích được mọi biểu hiện muôn màu, muôn vẻ sinh động bên ngoài của nhân vật.

Ðiển hình là tính cách đã đạt đến độ thực sự sâu sắc, là sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng, cái khái quát và cái cá thể...Nói một cách nghiêm ngặt, thuật ngữ này chỉ được áp dụng từ chủ nghĩa hiện thực phê phán trở về sau.

Ngoài những loại nhân vật trên, có thể nêu lên một số khái niệm khác về nhân vật qua các trào lưu văn học khác nhau. Chẳng hạn, khái niệm nhân vật bé nhỏ trong văn học hiện thực phê phán, khái niệm nhân vật-con vật người trong chủ nghĩa tự nhiên, nhân vật-phi nhân vật trong các trào lưu văn học hiện đại chủ nghĩa ở phương Tây..

**4**. **Một số biện pháp xây dựng nhân vật.**

Ðể xây dựng thành công một nhân vật văn học, nhà văn phải có khả năng đồng cảm, phát hiện những đặc điểm bền vững ở nhân vật. Ðiều này đòi hỏi nhà văn phải hiểu đời và hiểu người. Nhưng có một điều không kém phần quan trọng là nhà văn phải miêu tả, khắc họa nhân vật ấy sao cho có sức thuyết phục mạnh mẽ đối với người đọc. Ðây là vấn đề liên quan trực tiếp đến những biện pháp xây dựng nhân vật trong tác phẩm văn học.

Có nhiều biện pháp khác nhau trong việc xây dựng nhân vật. Dưới đây chỉ xét một số biện pháp chung, chủ yếu nhất: miêu tả nhân vật qua ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ và hành động.

***Nội dung 12:***

**CHI TIẾT NGHỆ THUẬT**

**1. Khái niệm**

Theo “Từ điển thuật ngữ văn học”, chi tiết nghệ thuật là “Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật. Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”. Những chi tiết được chọn lọc, gửi gắm mọi tư tưởng, tình cảm của nhà văn là sự dồn nén những điều nhà văn muốn nói. Tầm vóc của nhà văn được thể hiện ngay trong chính cách nhà văn lựa chọn và sử dụng chi tiết trong tác phẩm. Một chi tiết nhỏ cũng là kết quả của việc sử dụng, sắp xếp và mô tả của nhà văn gắn với tư duy và sáng tạo nghệ thuật của nhà văn khi hình thành tác phẩm. Nó xuất hiện như thế nào phụ thuộc vào con mắt nhìn, khả năng thấu hiểu đời sống, thấu hiểu con người của nhà văn.

Sách giáo khoa ngữ văn 11 (bộ nâng cao) cho rằng chi tiết nghệ thuật “là những biểu hiện cụ thể, lắm khi nhỏ nhặt, nhưng lại cho thấy tính cách nhân vật và diễn biến quan hệ của chúng, đồng thời cũng biểu hiện sự quan sát và nghệ thuật kể chuyện của tác giả. Do đó chi tiết rất quan trọng đối với nhân vật, vừa tạo ra sức hấp dẫn, thú vị vừa bộc lộ ý nghĩa của chúng”.

Một chi tiết dù nhỏ nhưng đặt trong mạch vận động của tác phẩm vẫn có vai trò riêng của nó:

+ Với nhà văn để thể hiện ý đồ, tư tưởng một cách thuyết phục tạo chiều sâu cho tác phẩm.

+ Với người đọc quá trình đọc tác phẩm là sự giải mã các chi tiết, một chi tiết dù nhỏ cũng có thể mang chứa thông điệp giúp người đọc thâm nhập vào thế giới nghệ thuật tác phẩm, nắm bắt thông điệp của tác giả. Những chi tiết đặc sắc còn tạo hứng thú cho người đọc trong quá trình tiếp nhận tác phẩm.

Như vậy chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thi góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết

**2. Đặc điểm của chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm tự sự:**

– Tính tạo hình của chi tiết nghệ thuật: Hình tượng nghệ thuật cụ thể, gợi cảm, sống động nhờ các chi tiết về môi trường, phong cảnh chân dung, nội thất, cử chỉ, phản ứng nội tâm, hành vi lời nói. Trong tác phẩm tự sự chi tiết có khả năng gợi ra hình ảnh về sự vật, cảnh vật, con người… đặc biệt là vai trò khắc hoạ tính cách nhân vật. Nhà văn sử dụng rất nhiều chi tiết- những nét cụ thế để miêu tả ngoại hình, nội tâm, hành động của nhân vật, cũng như cảnh vật, sự kiện có liên quan đến nhân vật đó. Đan dệt hàng loạt các chi tiết với nhau mới có được một bức tranh bằng ngôn ngữ có thể tạo nên một ấn tượng tương đối xác định về nhân vật.

Ví dụ:

Chi tiết đồ vật tàn tạ trong “Hai đứa trẻ” của Thạch Lam hiện ra chân thực với chiếc chõng tre, cửa hàng tạp hoá “nhỏ xíu”, gánh hàng nước của mẹ con chị Tí, manh chiếu rách, chiếc thau sắt rúm ró, cây đàn bầu cũ kĩ…góp phần làm nên bức tranh phố huyện nghèo nàn héo hắt, tiêu điều mà trong đó cuộc sống của con người cứ lay lắt héo mòn từng ngày.

Trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao, nhân vật Chí Phèo được hiện ra sinh động với các chi tiết về ngoại hình ngôn ngữ và nội tâm:

– Sự tha hoá của Chí Phèo được khắc hoạ bằng những chi tiết về ngoại hình và ngôn ngữ, hành động của nhân vật.

– Sự thức tỉnh với chi tiết miêu tả nội tâm của Chí Phèo từ sau khi gặp Thị Nở.

Không chỉ gợi ra hình ảnh về sự vật, khắc hoạ tính cách nhân vật mà chi tiết nghệ thuật còn có vai trò cá biệt hoá nhân vật. Nhờ những chi tiết đắt giá sắc nét được tạo nên bởi tài năng của nhà văn mà các nhân vật văn học trở thành những gương mặt “quen mà lạ”, “con người này” không hề trộn lẫn mặc dù xuất hiện giữa đám đông cùng loại. Đều là những người nông dân nhưng Chí Phèo khác hẳn với Tràng. Bá Kiến cũng rất khác với Nghị Quế mặc dù đều là điển hình cho bọn cường hào ác bá.

**3. Chi tiết nghệ thuật gắn với quan niệm nghệ thuật về con người của nhà văn:**

Trong truyện cổ tích nhân vật được xây dựng theo kiểu chức năng theo hai tuyến thiện ác. Nhân vật không có tâm lí chỉ có chi tiết hành động thực hiện hai chức năng đó. Tấm với chi tiết diễn tả sự hoá thân liên tiếp (chim vàng anh, khung cửi, cây xoan đào, quả thị) thể hiện sức sống dẻo dai, mãnh liệt của cái thiện. Kết lại tác phẩm với hành động Tấm dội nước sôi vào Cám là sự trừng phạt đích đáng của cái thiện đối với cái ác qua đó thể hiện mơ ước của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện trong cuộc đấu tranh giành và giữ hạnh phúc.

Trong văn học trung đại, con người được quan niệm như con người siêu cá thể. Tư tưởng và hành động cũng như cách ứng xử của con người đều theo khuôn mẫu, quy ước chung bởi bị chi phối của thi pháp nặng về tính qui phạm , ước lệ và tính phi ngã. Con người được đặt trong những mối quan hệ cơ bản( tam cương), những đức tính chủ yếu trong hệ thống đạo đức của nho giáo (ngũ thường) chi phối đời sống tình cảm của con người. Khi nội tâm có sự giống nhau thì không có bí ẩn để khám phá.

Do vậy, lựa chọn những chi tiết thể hiện tâm lí chủ yếu bằng những chi tiết ngoại hiện như ngôn ngữ, hành động. Điều đó lí giải vì sao Kiều cứ nhất định phải bằng hành động bán mình chuộc cha mới là có hiếu. Nhân vật Vũ Nương với những chi tiết hành động và ngôn ngữ thể hiện vẻ đẹp “công dung ngôn hạnh” của người phụ nữ trung đại. Nhân vật Ngô Tử Văn khẳng khái nóng nảy, thấy chuyện bất bằng không tha cũng được khắc hoạ với các chi tiết hành động và ngôn ngữ. Đặc biệt là chi tiết Tử Văn đốt đền tà của viên Bách hộ họ Thôi.

Văn học hiện đại những năm 1930-1945: ở mỗi nhà văn có sự thức tỉnh về ý thức cá nhân, họ đã đi vào khám phá đời sống cá nhân mỗi con người, trong đó mỗi cá nhân là một tiểu vũ trự chứa đầy bí mật có cử chỉ, ngôn ngữ, đời sống nội tâm riêng. Nam Cao thuộc lớp nhà văn ấy, ông đã hướng ngòi bút vào khai thác thế giới nội tâm- chỗ tinh vi huyền diệu nhất của con người… Nam Cao đã miêu tả tâm lí nhân vật bằng rất nhiều thủ pháp với những chi tiết vô cùng đặc sắc. Những trang văn miêu tà sự thức tỉnh khát khao lương thiện của Chí Phèo được xem là thành công nhất kết tinh cho biệt tài phân tích tâm lí đạt đến trình độ bậc thầy ở Nam Cao là nhờ những chi tiết khơi sâu vào nội tâm nhân vật.

Văn học giai đoạn 1945-1954: với quan niệm con người riêng -chung, con người nhỏ bé bất hạnh trong xã hội cũ được đổi đời trong xã hội mới. Hạnh phúc của họ tìm thấy trong hạnh phúc chung của dân tộc. Xuất phát từ quan niệm này nên số phận của nhân vật có khác so với nhân vật trong văn xuôi hiện thực phê phán 1930- 1945 là do cách lựa chọn chi tiết kết thúc khác nhau. Kết thúc của Chí Phèo là bi kịch với chi tiết cái lò gạch cũ, còn Tràng trong “Vợ nhặt” chắc chắn sẽ có một tương lai tươi sáng được kết chi tiết lá cờ đỏ sao vàng bay trong gió.

Văn học kháng chiến 1945-1975: với quan niệm con người mang tính sử thi, tạc dáng đứng hào hùng vào lịch sử do vậy việc lựa chọn chi tiết để xây dựng nhân vật cũng khác. Nhà văn chọn những chi tiết để lí tưởng hoá nhân vật, nhân vật toả ánh hào quang, họ đẹp ở mọi phương diện trong chiến đấu và trong cả đời thường. Trong truyện ‘Rừng xà nu”, Tnú là một nhân vật anh hùng toàn diện. Tnú anh hùng từ nhỏ, lớn lên ườ thành người chiến sĩ cách mạng kiên trung và còn là người chồng người cha giàu yêu thương. Việt, Chiến ở “Những đứa con trong gia đình” cũng đẹp ở mọi phương diện và nhà văn cũng đã lựa chọn những chi tiết tiêu biểu để khắc hoạ vẻ đẹp lí tưởng ấy.

Văn xuôi sau 1975 vận động đổi mới theo hướng dân chủ hoá và trên tinh thần nhân bản sâu sắc. Văn học hướng tới hiện thực đa chiều, con người đa diện. Mọi mặt của đời sống con người được văn học quan tâm phản ánh: con người cá nhân, đời thường, con người với cả hạnh phúc và bi kịch, con người phi lí tưởng, nhân loại, tự nhiên bản năng… Do vậy việc lựa chọn chi tiết để khắc hoạ nhân vật cũng khác với văn học giai đoạn trước.

Số phận của Mị trong “Vợ chồng A Phủ” có khác với người đàn bà hàng chài trong “Chiếc thuyền thuyền ngoài xa” bởi do xuất phát từ quan niệm nghệ thuật về con người có khác nhau nên cách chọn chi tiết kết thúc truyện cũng Khác nhau. Mị được đổi đời trong xã hội mới với chi tiết Mị giải thoát cho A Phủ và chạy theo A Phủ tới Phiềng Sa. Sau đó, hai người được tham gia vào đội quân giải phóng quê hương. Người đàn bà hàng chài cuối cùng vẫn phải cam chịu chấp nhận số phận không dám rời bỏ người chồng vũ phu, chấp nhận cảnh đòn roi như cơm bữa “ba ngày một rận nhẹ, năm ngày một trận nặng” và con thuyền gia đình chị vẫn đang chao đảo trong cơn bão cấp 11.

Gắn với quan niệm nghệ thuật về con người, do vậy chi tiết nghệ thuật có vai trò quan trọng làm nên diện mạo nhân vật văn học của từng thời. Khi phân tích nhân vật phải đặt nó trong típ người của từng thời kì văn học và cần phải lựa chọn những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu để thẩm bình, làm nổi bật đặc điểm của nhân vật.

**4. Cách cảm nhận chi tiết trong tác phẩm tự sự:**

Hướng khai thác chi tiết trong truyện ngắn tự sự xuất phát từ đặc trưng của thể loại truyện ngắn. “Truyện ngắn là tác phẩm tự sự cỡ nhỏ, thường được viết bằng văn xuôi, phản ảnh cuộc sống trong tỉnh khách quan của nó thông qua con người, hành vi và các sự kiện. Truyện ngắn đề cập đến hầu hết các phương diện của đời sổng con người và xã hội. Nét nổi bật của truyện ngắn là sự giới hạn về dung lượng”. “Nếu tiểu thuyết là một đoạn của dòng đời thì truyện ngắn chỉ là mặt cắt của dòng đời như mặt cắt giữa một thân cây cổ thụ. Chỉ liếc qua những đường vân trên khoanh gỗ tròn kia dù trăm năm vẫn thấy cả cuộc đời thảo mộc” (Nguyễn Minh Châu).

Do hạn chế về dung lượng câu chữ, nên truyện ngắn không phản ánh được một phạm vi hiện thực rộng lớn như tiểu thuyết, mà chỉ là những câu chuyện trong khoảnh khắc, là giây phút lóe sáng trong cuộc đời nhân vật. Pautốpxki đã nói: “Tôi nghĩ rằng truyện ngắn là một truyện ngắn gọn, trong đó cái không bình thường hiện ra như một cái gì bình thường và một cái gì bình thường hiện ra như cái không bình thường”.

Vì vậy, khi viết truyện ngắn, nhà văn phải có khả năng quan sát sắc sảo, năng lực khái quát cao độ, để có thể phản ánh được bản chất của con người và đời sống qua một hiện tượng, một biến cố, một lát cắt. Nhà văn phải dồn nén hiện thực và tư tưởng vào trong những chi tiết nghệ thuật có dung lượng ý nghĩa lớn lao như “bàn tay xiết lại thành nắm đấm” (Hemingway). Vì vậy yếu tố quan trọng bậc nhất của truyện ngắn là các chi tiết nghệ thuật.

Tuy nhiên, trong một truyện ngắn, không phải chi tiết nào cũng “mang nhiều ẩn ý”, vì vậy đòi hỏi chúng ta phải lựa chọn được những chi tiết đắt giá, phân tích làm sáng tỏ ý nghĩa của nó trong việc thể hiện hình tượng, chủ đề tác phẩm và tư tưởng của tác giả. Hơn nữa, theo kinh nghiệm viết truyện ngắn của Vương Trí Nhàn: “toàn truyện phải là một cái vòng khép kín, không dài quá, không ngắn quá, không xô đẩy xộc xệch, thậm chí không thừa một chi tiết nào. Khi đã vào truyện cái xà tích của một cô gái hay một chút ánh trăng thượng tuần cũng phải có ý nghĩa, cái nọ nương tựa cải kia, chi tiết này soi rọi cho chi tiết khác”. Các chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm có quan hệ máu thịt với nhau, cho nên khi phân tích chúng ta phải đặt chi tiết đang tìm hiểu trong mối liên hệ khăng khít với các chi tiết khác, trong chỉnh thê nghệ thuật toàn vẹn của tác phẩm.

Bước 1: Trước hết phải đọc kĩ văn bản để nắm cốt truyện, ý đồ sáng tạo của nhà văn cùng với tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

Bước 2: Tìm những chi tiết đắt giá có vai trò: thúc đẩy sự phát triển của cốt truyện; thể hiện số phận, phẩm chất, số phận của nhân vật; thể hiện tư tưởng, chủ đề của tác phẩm… Nếu trong giảng văn người giáo viên không biết hướng dẫn học sinh lựa chọn khai thác chi tiết tiêu biểu, quan trọng chắc chắn bài giảng sẽ không có độ sâu. Bài viết văn của học sinh cũng vậy sẽ không thực sự thuyết phục và để lại ấn tượng cho người đọc nếu như không chọn, bình những chi tiết đặc sắc.

Bước 3: Phân tích cảm thụ, bình giá chi tiết về nội dung tư tưởng và nghệ thuật

Chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thì góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn, lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết.

***Nội dung 13:***

**ĐIỂN HÌNH VĂN HỌC**

**1. Khái niệm:**

- Thuật ngữ **điển hình** được sử dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Theo cách hiểu thông thường nhất thì điển hình là những nét tiêu biểu tập trung nhất của một kiểu loại nào đó. Nó là kiểu mẫu là cá thể mang tính trội.

**Điển hình nghệ thuật** được hiểu là “những nét, những tính cách cơ bản nhất, bản chất nhất, quan trọng nhất và nổi bật nhất trong đời sống xã hội được tập trung biểu hiện và nâng cao qua sự sáng tạo của nghệ sĩ, nhưng chung quy nó vẫn là cuộc sống” (Trường Chinh).

Từ đó, ta có thể định nghĩa rằng **nhân vật điển hình** là kiểu nhân vật tiêu biểu, có những nét nổi bật, mang nét chung khái quát cho một loại kiểu nhân vật. Nhân vật được coi là điển hình nếu nó tiêu biểu đại diện cho nhiều người có cùng nét tính cách, cuộc đời, số phận giống nó. Ví dụ trong tác phẩm Chí Phèo, nhân vật Chí Phèo tiêu biểu cho người nông dân trong xã hội đương thời, tiêu biểu cho những người như Binh Chức, Năm Thọ, Chí Phèo con…Xã hội xấu xa thối nát đã đẩy họ đến con đường bần cùng hóa và tha hóa, thậm chí đẩy họ đến cái chết.

Đặc điểm của của nhân vật điển hình là sự thống nhất giữa cái chung và cái riêng, giữa khái quát và cá biệt. Nhân vật điển hình có vẻ riêng cụ thể để in sâu vào trí nhớ của người đọc. Ví dụ: Chí Phèo là điển hình cho kiểu người bị xã hội phong kiến vùi dập. Tuy nhiên, Chí cũng vẫn giữ nét riêng độc đáo của mình như vẻ riêng về ngoại hình, những ước mơ bình dị, tình yêu với thị Nở…

Nhân vật điển hình thường xuất hiện trong hoàn cảnh điển hình. Ví dụ như nhân vật Chí Phèo xuất hiện trong môi trường xã hội thực dân phong kiến Việt Nam 1930 -1945.

Vai trò của nhân vật điển hình: Một tác phẩm thành công là một tác phẩm xây dựng được nhân vật điển hình, một tác giả xuất sắc là tác giả xây dựng được nhân vật điển hình.

**Nội dung 14:**

**HÌNH TƯỢNG VĂN HỌC**

**1. Khái niệm**

Văn học nhận thức đời sống, thể hiện tư tưởng tình cảm, khát vọng và mơ ước của con người thông qua hình tượng nghệ thuật. **Hình tượng** “là phương thức chiếm lĩnh, thể hiện và tái tạo đời sống theo quy luật của nghệ thuật” (theo Từ điển Văn học). Theo L. I. Timôphêép, hình tượng là bức tranh về đời sống con người vừa cụ thể vừa khái quát, được sáng tạo bằng hư cấu và giàu ý nghĩa thẩm mĩ . Đây là định nghĩa quen thuộc và phổ biến nhất.

- Văn học hàm chứa tư tưởng tình cảm và không nói một cách khô khan, giáo điều nên nó nhận thức và thể hiện đời sống bằng hình tượng nghệ thuật, tức làm sống lại một cách cụ thể và gợi cảm những sự việc, hiện tượng của đời sống, làm cho ta suy nghĩ về tính cách, số phận, tình đời, tình người. Văn chương thấm vào lòng người và bất tử với thời gian, không có biên giới bởi lẽ văn học nhận thức và thể hiện bằng hình tượng nghệ thuật.

- Hình tượng nghệ thuật trong thơ văn có thể là một bông hoa, một vầng trăng, một nàng Thúy Kiều, một người chinh phụ, một Chí Phèo, một Bá Kiến… cũng có thể là một tâm trạng, cảm xúc của con người… Nó có thể là bất cứ gì tồn tại trong thực tế khách quan. Hình tượng nghệ thuật về thiên nhiên hay về con người, sự vật đều được nhà văn sáng tạo ra bằng sự liên tưởng, tưởng tượng để nhà văn thể hiện tư tưởng tình cảm của mình và khái quát về hiện thực đời sống, hướng người đọc đến cái chân, thiện, mỹ.

- Mặc dù có thể là bất cứ thứ gì trong thực tại khách quan nhưng để trở thành hình tượng trong văn học thì nó phải được tạo nên từ nhiều yếu tố, hình ảnh, chi tiết… Chẳng hạn, đọc tác phẩm văn học phải cảm nhận được các chi tiết nghệ thuật, từ các chi tiết hợp thành ấy mới có thể khám phá ra cái hay cái đẹp của hình tượng nghệ thuật.

- Hình tượng văn học thường có tính hàm súc, có ý nghĩa biểu tượng, trở nên đa nghĩa, đa thanh và qua hình tượng người đọc có thể cảm nhận thấy cái hay cái ý vị của văn chương. Không nên hiểu đơn giản hình tượng chỉ là những bức tranh đời sống, những hình ảnh (tượng ). Ở đây cần phân biệt hai khái niệm hình ảnh và hình tượng. Hình ảnh chính là những bức tranh đời sống mà chúng ta gặp trong tác phẩm: cây đa, giếng nước, con đò, và cả con người… Nhưng tất cả mới chỉ là hình ảnh khi chúng chỉ mang ý nghĩa biểu vật cho chính nó. Thí dụ, cây tre chỉ cây tre, giếng nước chỉ giếng nước. **Nhưng nếu những hình ảnh đó đã mang những ý nghĩa khác ngoài nó, những ý nghĩa mới, kết tinh, chứa đựng tư tưởng tình cảm của con người, tức những ý nghĩa nhân sinh, khi đó hình ảnh mới trở thành hình tượng.** Các nhà mĩ học phương Tây cho rằng hình tượng có chức năng biểu ý, còn người Trung Hoa thường dùng khái niệm ý tượng (hình ảnh có ý) là vì thế. Ví dụ: Cây tre trong bài thơ Tre Việt Nam (Nguyễn Duy) là hình tượng bởi ngoài nghĩa cụ thể, nó còn mang ý nghĩa khái quát về con người Việt Nam bất khuất, kiên cường, bền bỉ trong khó khăn, vất vả, đói nghèo. Cô Tấm (Tấm Cám) là hình tượng, bởi vì nhân vật đó đã thể hiện ước mơ về hạnh phúc, công lí của người xưa.

Mọi hình thức của đời sống khi đã chứa đựng những ý nghĩa nhân sinh mới mẻ, giàu tính thẩm mĩ, chứa đựng tư tưởng và tình cảm của con người sẽ trở thành hình tượng. Cho nên, hình tượng vừa cụ thể vừa khái quát, vừa khách quan vừa chủ quan, vừa vật chất vừa tinh thần là vì thế. Bởi lẽ, văn học xây dựng hình tượng vừa để khái quát hiện thực, cắt nghĩa, lí giải đời sống, vừa thể hiện tư tưởng, tình cảm dưới ánh sáng của một lí tưởng thẩm mĩ nhất định.

Như vậy, có thể hiểu, hình tượng là phương thức phản ánh thế giới đặc thù của văn học bằng những hình thức đời sống, được sáng tạo bằng hư cấu và tưởng tượng, vừa cụ thể vừa khái quát, mang tính điển hình, giàu ý nghĩa thẩm mĩ, thể hiện tư tưởng và tình cảm con người.

**2. Đặc trưng của hình tượng**

***2.1. Hình tượng là một khách thể mang tính tinh thần (Tính phi vật thể)***

Nghệ sĩ sáng tạo ra hình tượng, những khách thể đời sống tồn tại trong tác phẩm. Gọi hình tượng là những khách thể, bởi vì trước hết nó là những hình thức đời sống được nhà văn tưởng tượng sáng tạo để trình bày về một hiện thực đời sống nhất định. Ai cũng có thể nhìn các hình tượng ấy như một cái bên gì bên ngoài, như một khách thể. Khách thể đó khi đã được ra đời, có một cuộc sống độc lập riêng, không phụ thuộc vào ý muốn người sáng tạo. Gọi hình tượng là một thế giới tinh thần vì nó chỉ tồn tại trong cảm nhận, chứ không phải là một thế giới vật chất để ta có thể nhìn, sờ, nắn được. Cái hiện thực tinh thần đó được gìn giữ và truyền đạt trong những phương tiện vật chất nhất định (âm thanh, hình khối, màu sắc). Con người không chỉ sống trong thế giới vật chất mà còn sống trong thế giới tinh thần do các thế hệ trước truyền lại và do thực tiễn dời sống không ngừng tạo ra. Lạc

Long Quân, Âu Cơ, vua Hùng, Thánh Gióng đều đang tồn tại như những khách thể tinh thần trong tâm hồn người Việt. Những gì tinh túy nhất trong hiện thực đều được tinh thần hóa để trở thành những khách thể tinh thần như vậy.

Hình tượng còn được sáng tạo là để thỏa mãn những khát vọng tinh thần của con người, những khát vọng mà hiện thực cuộc đời không mang đến được. Thỏa mãn về ước mơ công lí: cái ác bị trừng phạt, oan khuất được đền bù, kẻ hiền gặp lành. Thỏa mãn về ước mơ: nồi cơm ăn hết lại đầy là ước mơ của những người quá cực nhọc vất vả vì miếng ăn ; chàng trai, cô gái nghèo xấu xí bỗng chốc hóa thành đẹp đẽ, khỏe mạnh, giàu có là ước mơ của những con người vất vả, nghèo hèn, đầy tủi nhục… Hình tượng văn học mang ý nghĩa đối với đời sống tinh thần con người. Cái vầng trăng ai xẻ làm đôi trong Truyện Kiều tô đậm thêm tâm trạng cô đơn, và chính vì thế càng làm dấy lên nỗi khát khao hạnh phúc của con người. Truyện cổ tích Trầu Cau đâu chỉ là chuyện phong tục mà là chuyện tình nghĩa anh em, vợ chồng gắn bó thắm thiết keo sơn.

Hình tượng mang tính tinh thần còn vì nó được xây dựng bởi hư cấu và tưởng tượng, bởi nó chỉ tồn tại trong thế giới tinh thần, trong trí tưởng tượng của con người. Tuy nhiên kể cả khi nhà văn sáng tạo theo một nguyên mẫu nào đó, thì nguyên mẫu ấy cũng đã được lắp ghép, tái tạo, lựa chọn theo một góc nhìn và ý tưởng nhà văn muốn tô đậm. Do mang tính tinh thần nên thế giới của hình tượng là một thế giới khác, đó là một thế giới có không gian, thời gian, nhịp điệu với những quy luật và giá trị riêng. Ở cuộc đời thật, đã mấy cô Tấm trở thành hoàng hậu, mấy chàng trai nghèo được lên ngôi vua? Nhưng trong văn học, con người đã thực hiện được ước mơ đổi đời đó của mình.

***2.2. Hình tượng mang tính tạo hình và biểu hiện***

Tạo hình là làm cho khách thể tinh thần vốn vô hình có được một tồn tại cụ thể, cảm tính bề ngoài. Nó bao gồm việc tạo cho hình tượng một không gian, thời gian, những sự kiện và những quan hệ, tạo dựng được môi trường và những con người có ngoại hình, nội tâm, hành động, ngôn ngữ.

Hình tượng vốn là một khách thể tinh thần nên phải có cái hình mới tồn tại. Theo Lưu Hiệp: có cái hình xuất hiện thì cái đẹp mới nảy sinh (Văn tâm điêu long ). Còn Hêghen cũng khẳng định, hình ảnh chính là sự khách thể hóa những rung động nội tại để con người nhìn thấy bộ mặt tinh thần của chính mình qua ngoại vật (Mĩ học). Ví như, tư tưởng về chủ quyền quốc gia: Sông núi nước Nam vua Nam ở (Lí Thường Kiệt), hay cảm xúc về sự mất mát: Ai đem con sáo sang sông, Để cho con sáo sổ lồng bay đi (ca dao). Như vậy, tạo hình chính là để cho sự vật và cả những cái trừu tượng như một tư tưởng, hoặc mơ hồ như một cảm xúc cũng hiện lên rõ rệt.

Tạo hình không đòi hỏi trình bày mọi chi tiết của đối tượng. Nó chỉ chọn lọc những chi tiết ít ỏi nhất nhưng giàu màu sắc biểu hiện, tiêu biểu nhất cho một cuộc sống, một tình huống, một tính cách. Giá trị và ý nghĩa của tạo hình là thể hiện chỉnh thể. Sêkhốp từng nói, chỉ một mảnh chai vỡ lấp loáng thể hiện được cảnh sắc một đêm trăng. Nguyễn Tuân thích chi tiết tiếng ếch trên sông làm sống dậy một niềm hoài cổ của Tú Xương trong bài Sông lấp. Nói cách khác, chính là thể hiện được tính toàn vẹn của chỉnh thể với cái thần, khí của sự vật. Có như vậy, tạo hình mới thành công. Người xưa thường nói đến quan hệ giữa hình và thần, hình và khí tức với cái tinh thần, cái vận động nội tại, cái khí chất, phong thái riêng của sự vật đó. Quan niệm hình thần chỉ ngoại hình và khí chất tinh thần của sự vật gắn chật với nhau trong một sự vật. Xưa Lưu Ân đời Hán trong sách Hoài Nam tử đã từng nhận xét có người vẽ Tây Thi đẹp mà không có duyên, họa mắt Mạnh Bôn to mà không đáng sợ, để nói những bức vẽ không có hồn. Hình vẽ trở thành hình tượng khi nó truyền được cái thần, cái khí của khách thể tinh thần11.

Biểu hiện là phẩm chất tất yếu của tạo hình. Biểu hiện là khả năng bộc lộ cái bên trong, cái bản chất của sự vật, hé mở những nỗi niềm sâu kín của tâm hồn. Biểu hiện giúp hình tượng được cảm nhận một cách toàn vẹn, nhất là thể hiện được khuynh hướng, tư tưởng, tình cảm của con người, của tác giả trước các hiện tượng đời sống.

Tạo hình và biểu hiện của hình tượng được bộc lộ qua chi tiết, tình tiết (những thành phần nhỏ nhất của hình tượng), một hình ảnh, một cảm xúc, một âm thanh, một màu sắc, một quan hệ. Chúng liên kết với nhau, tạo thành một hình tượng toàn vẹn, hiện lên rõ nét trong tâm trí người đọc. Chẳng hạn, cánh buồm lẻ loi đơn độc tan biến vào bầu không cùng dòng sông cuồn cuộn chảy ngang trời đã diễn tả được nỗi buồn và sự cô đơn của con người trong cảnh biệt li trong thơ Lí Bạch. Hêghen gọi các chi tiết trong tác phẩm là những ‘con mắt’, qua đó chẳng những thấy được thế giới nghệ thuật mà còn thấy được ‘một tâm hồn tự do trong cái vô hạn’ của tác giả. Như vậy, tạo hình là để biểu hiện, và muốn biểu hiện phải nhờ tạo hình.

Cơ sở của tạo hình là sự tương đồng của hình tượng so với cái được miêu tả. Cơ sở của biểu hiện là sự khác biệt, là cái không bình thường, cái bất thường. Trong câu ca: Thân em như tấm lụa đào, Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai, cái tương đồng ở đây là sự so sánh làm nổi bật vẻ đẹp phẩm chất của cô gái, nhưng cũng nói được tính không xác định của số phận cô. Một cô gái có những phẩm chất tốt đẹp lẽ ra phải có số phận tương ứng. Nhưng thực sự, số phận cô lại phụ thuộc vào sự ngẫu nhiên nào đó. Đó là cái bất thường. Chính điều này tạo nên sự xót xa trong lời than về số phận. Đây chính là nội dung biểu hiện của hình tượng.

Sự kết hợp tạo hình và biểu hiện làm cho hình tượng có một hình thức độc đáo. Đó là một thể thống nhất giữa thực và hư, trực tiếp và gián tiếp, ổn định và biến hóa, mang đầy nội dung cuộc sống, tư tưởng và cảm xúc.

***2.3. Tính quy ước và sáng tạo của hình tượng***

Hình tượng văn học, về bản chất, là một loại kí hiệu. Kí hiệu là phương tiện gìn giữ và truyền đạt kinh nghiệm: chẳng hạn như từ ngữ, còi báo động, tín hiệu đèn xanh đèn đỏ trong giao thông. Kí hiệu có khi chỉ là một hình vẽ, một màu sắc, một từ ngữ, nhưng nó mang một nội dung có tính quy ước hợp lí của lôgic đời sống để mọi người có thể nhận biết được.

Hình tượng khi được vật chất hóa bằng từ ngữ, bằng các chi tiết tạo hình và biểu hiện cũng mang tính kí hiệu. Thí dụ, Sen tàn, cúc lại nở hoa là hình tượng kí hiệu của mùa thu. Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông là kí hiệu của mùa hè. Khi hình tượng được coi là một kí hiệu nghĩa là nó có những nội dung hợp lôgic, mang tính truyền thống, ổn định, mà mọi người có thể hiểu và chia sẻ được.

Hình tượng văn học còn là những kí hiệu mang tính thẩm mĩ, bởi vì nó không chỉ diễn tả nội dung thực tại ổn định mà bao giờ cũng chỉ ra cái mới, phát hiện cái độc đáo mang cá tính nghệ sĩ. Cũng là những hình tượng mang kí hiệu của mùa thu, nhưng Nguyễn Du viết: Long lanh đáy nước in trời, Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng, còn theo Vương Duy: Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu. Cùng một hiện tượng, nhưng mỗi nghệ sĩ lại chọn những kí hiệu khác nhau.

Hình tượng luôn thể hiện, khái quát một tư tưởng, một thái độ, một quan niệm của chủ thể về cuộc đời. Để biểu hiện ý nghĩa khái quát ấy, hình tượng phải có một hình thức chủ quan đặc biệt, ghi dấu cách cảm nhận và thể hiện thế giới độc đáo, riêng biệt, không lặp lại của từng tác giả. Ví như, cùng là diễn tả cái buồn chán, tội nghiệp của những kiếp sống vô danh, vô nghĩa, sống như chưa hề được sống, Thạch Lam đã dùng hình ảnh bóng đêm và niềm khao khát ánh sáng của hai chị em trong Hai đứa trẻ, còn trong Tỏa nhị kiều, Xuân Diệu lại miêu tả sự quẩn quanh, xám xịt, lỡ cỡ của cuộc đời hai cô gái trẻ và hình ảnh hai hạt cơm nguội chính là một hình ảnh khái quát về kiếp sống vô nghĩa đó.

**Mỗi hình tượng, vừa là sự tái hiện một hiện tượng thực tại,** vừa mã hóa một nội dung cảm xúc do hiện tượng gợi lên trong những tình huống xã hội nhất định. Bông sen gợi sự trong trắng, thơm đẹp nơi ao bùn, không gian cao xa gợi sự hùng vĩ, ngưỡng mộ. Vì vậy, khi Tố Hữu viết: Tôi lại về quê Bác, làng Sen, Ơi hoa sen đẹp của bùn đen thì ai cũng hiểu. Còn như khi nhà thơ viết: Hỡi những chàng trai cô gái yêu, Trên những đèo mây, những tầng núi đá, nếu bỏ qua cái đẹp cao cả, hào hùng trong các yếu tố đèo mây, tầng núi thì đã bỏ mất cái cao xa, lung linh vời vợi của hình tượng.

Như vậy là, trong các chi tiết tạo hình luôn có sự mã hóa các tư tưởng, cảm xúc xã hội, thẩm mĩ. Mỗi thời kì văn học dân tộc, đều có cách mã hóa khác nhau tạo thành ngôn ngữ nghệ thuật riêng của từng thời kì. Chẳng hạn, nếu như trong văn học dân gian Việt Nam, thuyền tượng trưng cho cuộc đời lênh đênh, trôi dạt, vô định, thì ở phương Tây xưa, thuyền lại tượng trưng cho sự phiêu du của linh hồn sang thế giới bên kia. Từ đó ta thấy nguồn gốc phương Tây của hình ảnh thuyền hồn trong bài 14 tháng 7 của Tố Hữu hoặc trong câu thơ của Huy Cận: Hiu hiu gió đẩy thuyền lên biển trời, Chở hồn lên tận chơi vơi. Như vậy, hình tượng có sự vận động qua lịch sử, các kí hiệu thẩm mĩ có khác nhau qua từng thời kì. Muốn hiểu hình tượng nghệ thuật, đòi hỏi phải có sự giải mã các kí hiệu nghệ thuật, kí hiệu thẩm mĩ .

Nhưng bản chất của kí hiệu lại có xu hướng cố định hóa, trở thành công thức, dễ rơi vào sáo mòn. Vì vậy kí hiệu phải luôn được đổi mới, cắt nghĩa mới, sáng tạo kí hiệu mới. Một trong những cách làm cho hình tượng luôn mới là cấu trúc lại các kí hiệu thẩm mĩ quen thuộc, làm cho nó có thêm những ý nghĩa mới. Cũng hình tượng thuyền và bến như trong ca dao xưa, nhưng trong bài thơ Lòng anh làm bến thu của Chế Lan Viên: Buổi sáng em xa chi, Cho chiều mùa thu đến, Để lòng anh hóa bến, Nghe thuyền em ra đi, chúng lại mang những ý nghĩa mới mẻ về vị trí, phẩm chất, biểu tượng.

***2.4. Hình tượng chứa đựng tình cảm xã hội và lí tưởng thẩm mĩ***

Hình tượng không phải là sự sao chép nguyên xi đời sống hiện thực mà còn mang sẵn quan niệm, đánh giá về thế giới, chứa đựng một tư tưởng nhân sinh. Nỗi khát khao bắt Nữ thần Mặt trời về làm vợ (Đăm San) chính là nỗi khát khao chinh phục tự nhiên, là sự khẳng định sức mạnh, ý chí của con người thuở xa xưa. Hình ảnh bi đát, thê thảm của đám tang lão Gôriô (Lão Gôriô – Ban dắc) hiện lên như lời tố cáo của tác giả về thực chất các quan hệ người và người trong xã hội tư sản. Như vậy, hình tượng văn học vừa thể hiện quan niệm, tư tưởng vừa thể hiện thái độ, tình cảm của nhà văn.

Tình cảm xã hội là tình cảm của một con người riêng biệt nhưng đã được ý thức trên cấp độ xã hội và được soi sáng bằng một lí tưởng xã hội nhất định. Nó không chỉ là những dấu ấn, những rung động cá nhân riêng lẻ mà còn mang tính phổ quát bởi mọi vận động của đời sống xã hội đều đi qua số phận của cá nhân. Tình cảm xã hội trong văn học cao hơn tình cảm bình thường bởi nó hướng tới những tình cảm chung, bởi cội nguồn của nó là nhu cầu tinh thần, là lí tưởng, ước mơ. Cái nuối tiếc trong bài ca Trèo lên cây bưởi hái hoa, không chỉ là cái nuối tiếc về sự đã trót ràng buộc, mà cao hơn là ý thức cay đắng về số phận, từ đó dấy lên một khát vọng tình yêu, khát khao được chia sẻ, đồng vọng trong những tâm hồn khác. Không chỉ là tình cảm xót thương của một người chú đối với đứa cháu nhỏ (Lượm) đã hi sinh, nhà thơ Tố Hữu còn khẳng định sự bất diệt của một tuổi thơ trong sáng đã hiến dâng đời mình cho tự do của dân tộc. Tư tưởng này mang dấu ấn của tâm thức của mọi người Việt nói chung: những con người đã hi sinh vì Tổ quốc sẽ còn sống mãi với non sông. Tình cảm xã hội thường đi đôi với lí tưởng thẩm mĩ tức những khát vọng cao cả nhất, tích cực nhất, nhân tính nhất của con người về cái tốt, cái đẹp, cái hoàn thiện trong các lĩnh vực khác nhau. Do đó, các hình tượng nghệ thuật thường mang những giá trị kết tinh lí tưởng thẩm mĩ không chỉ của tác giả mà còn của một thời đại, một dân tộc. Hình tượng người anh hùng, từ con người mang kích thước phi thường như ông Gióng đến những anh bộ đội bình dị: Mái chèo một chiếc xuồng con, Mà sông nước dậy sóng cồn đại dương (Tố Hữu) là kết tinh của quan niệm về người anh hùng, một hình mẫu đẹp trong tâm thức dân tộc Việt Nam, một dân tộc hàng nghìn năm sống trong ngọn lửa chống ngoại xâm.

***2.5. Tính nghệ thuật của hình tượng***

Hình tượng mang tính thẩm mĩ, nói cách khác là mang tính nghệ thuật, bởi vì nó được sáng tạo là để thưởng thức và thoả mãn về mặt thẩm mĩ. Người ta đọc một câu thơ, một câu chuyện, thường thích thú vì những hình ảnh đẹp, những vần thơ réo rắt, những cốt truyện li kì, hấp dẫn, những nhân vật có hình thức và tính cách quyến rũ… Sức hấp dẫn của hình tượng là một dấu hiệu quan trọng. Điđơrô nói với nghệ sĩ: “Trước hết, anh phải làm cho tôi cảm động, kinh hoàng, tê mê, anh phải làm cho tôi sợ hãi, run rẩy, rơi lệ hay căm hờn”.

Sức hấp dẫn đầu tiên được tạo thành từ sự sinh động, giống như thật của hình tượng. Gorki đã từng đưa trang sách lên soi qua ánh sáng để xem có đúng là có những con người ở đằng sau trang sách thật không là vì vậy. Nhưng tính sinh động không chỉ đơn giản là giống như thật, mà còn ở sự mới mẻ, lạ kì trong cảm nhận về thế giới chỉ thuộc một hình tượng nào đó. Khi viết về Bác Hồ: Ta lẫn Bác với bầu trời và giọt lệ, Với hương mộc trong đêm và lộc nõn trên cành, Chế Lan Viên đã thể hiện một cái nhìn lạ hóa đối tượng. Nhân vật và sự kiện sinh động thường có những biến hóa bất ngờ không lường trước được. Con chim đến ăn khế tự nhiên lại nói: ăn một quả, trả cục vàng. Miếng trầu têm cánh phượng không ngờ lại là dấu hiệu giúp Vua nhận ra cô Tấm, vợ mình. Anh Tràng chỉ định hát ghẹo mấy cô gái cho vui không ngờ nhặt được vợ. Chí Phèo định đi giết con khọm già nhà nó, bỗng quay sang nhà Bá Kiến đòi làm người lương thiện!. Chính những biến hóa vô cùng ấy đã làm cho hình tượng có sức lôi cuốn đặc biệt.

Hình tượng còn hấp dẫn bởi những chân lí đời sống được phát biểu dưới những hình thức độc đáo: Khi ta ở chỉ là nơi đất ở, Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn (Chế Lan Viên); Gió đưa cây cải về trời, Rau răm ở lại chịu lời đắng cay (ca dao). Nhưng chân lí đời sống trong hình tượng luôn được thể hiện bằng cái nhìn mang tính chủ quan mãnh liệt. Vì vậy, ta hay bắt gặp những lời than, câu hỏi, những trạng thái sững sờ, đột ngột, choáng ngợp của chủ thể trước cuộc đời: Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc, Em có chồng anh tiếc lắm thay! (ca dao); Non cao những ngóng cùng trông, Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày (Tản Đà). Nếu thiếu đi những biểu hiện chủ quan thì những hình tượng đó chắc bớt đi nhiều tính sinh động, biểu hiện của những chủ thể đang cảm xúc trước cuộc đời.

Như vậy, hình tượng là một phương thức chiếm lĩnh đời sống đặc thù của văn học. Trong hình tượng, có sự thống nhất của cái cá biệt và khái quát, tình cảm và lí trí, tái hiện và biểu hiện, truyền thống và sáng tạo, thể hiện tính muôn màu của thế giới và sức mạnh chủ thể của người sáng tạo.

**Nội dung 15:**

**MỘT SỐ KHÁI NIỆM QUAN YẾU**

**1. Bi kịch**

- Bi là buồn, bi thương, là những mất mát, bế tắc không có lối thoát. Bi kịch thường nảy sinh từ mâu thuẫn, xung đột giữa mơ ước, khát vọng, hoài bão, lí tưởng và mong muốn của con người với hiện thực cuộc sống khiến con người rơi vào sự thất bại, trạng thái bi thương tuyệt vọng, thậm chí dẫn đến cái chết. Bi kịch là cuộc đấu tranh dai dẳng, không khoan nhượng giữa thiện và ác, giữa ánh sáng và bóng tối, giữa cao thượng và thấp hèn, giữa chính nghĩa và phi nghĩa. Trong cuộc sống thường ngày, bi kịch không diễn ra giữa các lực lượng xã hội đấu tranh với nhau mà nó là lực lượng tinh thần trong đời sống tâm hồn của một con người.

- Bi kịch còn là một thể loại kịch thể hiện mối xung đột không điều hoà được giữa thiện và ác, cao cả và thấp hèn, lí tưởng và thực tại,.... Kết thúc các bi kịch nhân vật chính thường có kết cục bi thảm, đau thương, các thành quả quan trọng thường bị phá hủy, gây cảm xúc đau thương mãnh liệt cho người đọc, người xem.

- Ta đã thấy trong văn chương không ít bi kịch như bi kịch giữa tình yêu và thù hận của Romeo và Jiuliet, bi kịch bị bán vào lầu xanh của Kiều… Trong văn học hiện thực phê phán Việt Nam 1930-1945 cũng có những bi kịch như bi kịch của chị Dậu trong “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố, của anh Pha trong “Bước đường cùng” của Nguyễn Công Hoan… Nhưng nếu như chị Dậu, anh Pha… chỉ rơi vào bi kịch bần cùng hóa bởi nạn sưu cao, thuế nặng, cường hào ác bá, bi kịch của họ chỉ là bi kịch về miếng cơm manh áo thì bi kịch của Chí Phèo trong tác phẩm của Nam Cao còn đau đớn hơn nhiều. Chí Phèo không chỉ phải chịu đựng bi kịch của sự bần cùng hóa mà còn rơi vào tấn bi kịch tinh thần đầy đau đớn, bi kịch bị từ chối quyền làm người.

**2. Giá trị hiện thực:**

Giá trị hiện thực là phạm vi hiện thực đời sống mà tác phẩm phản ánh. Một tác phẩm văn học nào cũng có giá trị hiện thực vì văn học bắt nguồn từ đời sống, bắt nguồn từ hiện thực đời sống sinh hoạt hàng ngày, bắt nguồn từ hiện thực, tình cảm, tâm lí... Trong tác phẩm văn học, giá trị hiện thực là sự phản ánh chân thực, sâu sắc cuộc sống cơ cực, nỗi khổ về vật chất hay tinh thần của những con người bé nhỏ, bất hạnh; chỉ ra nguyên nhân gây đau khổ cho con người và miêu tả tinh tế vẻ đẹp tiềm ẩn trong con người. Ở mỗi tác phẩm cụ thể, giá trị hiện thực được miêu tả đa dạng.

**3. Giá trị nhân đạo, nhân văn**

***- Nhân đạo:*** Nhân là người và đạo là đạo đức, đạo lí làm người. Giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học là đạo lí hướng tới con người, vì con người, là tình yêu thương giữa người với người. Một nhà văn chân chính là nhà văn nhân đạo chủ nghĩa, phất cao ngọn cờ đấu tranh giải phóng con người và bênh vực quyền sống cho con người. Trong tác phẩm văn học, giá trị nhân đạo là tình cảm, thái độ của chủ thể nhà văn đối với cuộc sống của con người được miêu tả trong tác phẩm thể hiện cụ thể ở lòng xót thương những con người bất hạnh; phê phán những thế lực hung ác áp bức, chà đạp con người; trân trọng những phẩm chất, khát vọng tốt đẹp của con người; đòi quyền sống, quyền hạnh phúc cho con người... Đồng thời tư tưởng nhân đạo còn thể hiện qua các hình tượng nghệ thuật, qua cảm hứng, cảm xúc, giọng điệu... Cảm hứng nhân đạo cùng với cảm hứng yêu nước là hai sợi chỉ đỏ xuyên suốt toàn bộ nền văn học Việt Nam. Về cơ bản có những biểu hiện chung song ở mỗi thời kì, giai đoạn, do hoàn cảnh lịch sử, xã hội, do ý thức hệ tư tưởng của các nhà văn khác nhau nên có những biểu hiện riêng.

***- Nhân văn:*** là tư tưởng đề cao giá trị đích thực (giá trị bên trong) của con người, tôn trọng, bảo vệ và phát huy quyền sống, quyền tự do và khát vọng hạnh phúc của con người, là ước mơ thiết tha vun đắp những giá trị nhân bản ngày càng hoàn thiện, thương xót, cảm thông cho những kiếp người bé nhỏ, bất hạnh, là quá trình đấu tranh chống lại những thế lực bất công, bạo tàn. Trong văn học, tư tưởng nhân văn chính là thước đo giá trị văn học của mọi thời đại.

**4. Chi tiết nghệ thuật**

Theo “Từ điển thuật ngữ văn học”, chi tiết nghệ thuật là “Các tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng” và họ gọi chung là chi tiết nghệ thuật. Cũng theo nhóm tác giả này thì: “Tuỳ theo sự thể hiện cụ thể, chi tiết nghệ thuật có khả năng thể hiện, giải thích, làm minh xác cấu tứ nghệ thuật của nhà văn, trở thành tiêu điểm, điểm hội tụ của tư tưởng tác giả trong tác phẩm. Chi tiết nghệ thuật gắn với “quan niệm nghệ thuật” về thế giới con người, với truyền thống văn hoá nghệ thuật nhất định”

Sách giáo khoa ngữ văn 11 (bộ nâng cao) cho rằng chi tiết nghệ thuật “là những biểu hiện cụ thể, lắm khi nhỏ nhặt, nhưng lại cho thấy tính cách nhân vật và diễn biến quan hệ của chúng, đồng thời cũng biểu hiện sự quan sát và nghệ thuật kể chuyện của tác giả. Do đó chi tiết rất quan trọng đối với nhân vật, vừa tạo ra sức hấp dẫn, thú vị vừa bộc lộ ý nghĩa của chúng”.

Như vậy chi tiết nghệ thuật là những yếu tố nhỏ lẻ của tác phẩm nhưng mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng. Sức chinh phục của hình tượng nghệ thuật là ở sự truyền cảm thi góp phần quyết định tạo ra sức truyền cảm hấp dẫn lôi cuốn người đọc là nhờ chi tiết.

**5. Nhan đề:** Nhan đề có ý nghĩa quan trọng đối với một tác phẩm văn học. Có thể coi nhan đề là tên gọi đứa con tinh thần của nhà văn. Vì thế, nhà văn nào cũng muốn đặt cho tác phẩm một tên gọi hay, ý nghĩa, nhất là có thể thâu tóm được giá trị của tác phẩm.

**6. Truyện ngắn:**

Truyện ngắn là tác phẩm tự sự phản ánh cuộc sống một cách chân thực, khách quan thông qua nhân vật, biến cố, sự kiện, cốt truyện,... nhưng đặc điểm nổi bật là ngắn. Sekhop đã coi truyện ngắn là "thứ nước hoa quả cô đặc", tinh chất nhưng ngọt ngào. Với Etspago, truyện ngắn là con đom đóm bay vụt trong đêm tối, chỉ qua một vệt sáng mà thấy được cả một bầu trời đêm mênh mông. Nating lại coi truyện ngắn là một giọt nước, tuy bé nhỏ nhưng có khả năng phản chiếu tất cả những ảnh hình, sắc màu lung linh của cuộc sống. Là người đề ra nguyên lí *tảng băng trôi*, He-minh-uê, nhà văn của "Mặt trời vẫn mọc", "Những ngọn đồi xanh châu Phi", nhà văn của niềm tin bất diệt vào con người: "con người có thể bị đánh bại nhưng không thể hủy diệt" đã hình dung đầy đủ về tầm vóc và sức lực của truyện ngắn: "Truyện ngắn là bàn tay siết lại thành nắm đấm". Tuy ngắn gọn nhưng có sức công phá mãnh liệt vào hiện thực đa sắc, đa màu.

**7. Tình huống truyện:**

**Kn 1:**Điều gì tạo nên sức mạnh của truyện ngắn? Ngoài nhân vật, cốt truyện, kết cấu, chi tiết - những người tí hon mang trên vai sứ mệnh của một người khổng lồ,.... tình huống truyện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó chính là hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất. Có thể khẳng định: tình huống truyện giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại, là một lát cắt của hiện thực cuộc sống, nhưng chỉ qua một lát cắt ấy thấy được cả vòng đời thảo mộc trăm năm (Nguyễn Minh Châu).

- Có 3 loại tình huống phổ biến trong truyện ngắn.

+Tình huống hành động: Chủ yếu nhằm tới hành động có tính bước ngoặt của nhân vật.

+Tình huống tâm trạng: Chủ yếu khám phá diễn biến tình cảm, cảm xúc của nhân vật.

+Tình huống nhận thức: Chủ yếu giác ngộ chân lý của nhân vật.

**Kn 2:** *“Truyện ngắn dẫu sao cũng phải ngắn, do đó thủ thuật chủ yếu của truyện ngắn là thủ thuật điểm huyệt. Truyện ngắn điểm huyệt thực hiện bằng cách nắm bắt trúng những tình huống cho phép phơi bày cái chủ yếu nhưng lại bị che giấu trong muôn mặt cuộc sống hàng ngày”* (Nguyên Ngọc). Vậy là đối với truyện ngắn, tình huống giữ vai trò là hạt nhân của cấu trúc thể loại, nó chính là cái hoàn cảnh riêng được tạo nên bởi một sự kiện đặc biệt khiến cho tại đó, cuộc sống hiện lên đậm đặc nhất và ý đồ tư tưởng của tác giả cũng được bộc lộ sắc nét nhất. Bên cạnh đó, từ tình huống truyện, các sự kiện, biến cố của cốt truyện được phát triển, tính cách nhân vật được bộc lộ - *nói cách khác tình huống truyện như một thứ nước rửa ảnh làm nổi hình, nổi sắc nhân vật*. Việc giải quyết những mâu thuẫn, xung đột trong tình huống truyện sẽ bộc lộ rõ tư tưởng chủ đề của tác phẩm và dụng ý nghệ thuật của tác giả. Việc sáng tạo nên các tình huống độc đáo biểu hiện khả năng quan sát, khám phá bản chất cuộc sống, bản chất con người của nhà văn.

**8.** **Đề từ:** Thường là câu, đoạn thơ hay câu, đoạn văn ngắn gọn, cô đọng dẫn ra ở đầu tác phẩm hoặc hoặc một bộ phận của tác phẩm (chương, hồi, đoạn, phần). Lời đề từ không chỉ có thể là lời của chính tác giả, mà đôi khi là thơ, văn mà tác giả mượn của một tác giả nào đó. Đề từ xuất hiện đa dạng trong tất cả các văn bản nghệ thuật như thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn bản kịch, kí và cả trong những bức thư nhưng xuất hiện nhiều nhất là trong thơ và truyện ngắn. Đề từ nhằm nêu lên nguồn cảm hứng, chủ đề tư tưởng của tác phẩm, hướng người đọc vào ý đồ nghệ thuật của tác phẩm nhưng đôi khi nó cũng chỉ là vật trang sức cho tác phẩm mà không đem đến nhiều ý nghĩa.

***Nội dung 16:***

**BỔ SUNG LÍ LUẬN KHI VIẾT VĂN**

**I. VĂN HỌC DÂN GIAN**

**1.1. Chung**

1. “Tôi khuyên các bạn nên đọc truyện cổ tích…thơ ngụ ngôn, các tuyển tập ca dao… Hãy đi sâu vào vẻ đẹp quyến rũ của ngôn ngữ bình dân, hãy đi sâu vào những câu hài hòa cân đối trong các bài ca, trong truyện cổ tích… Bạn sẽ thấy ở đó sự phong phú lạ thường của các hình tượng, sự giản dị của sức mạnh làm say đắm lòng người, vẻ đẹp tuyệt vời của những định nghĩa… Hãy đi sâu vào sáng tác của nhân dân, nó trong lành như nước nguồn ngọt ngào, tươi mát, róc rách từ khe núi chảy ra.” (M.Gorki)

2. “Rất cần nêu lên rằng, trong văn học dân gian hoàn toàn không có bóng dáng của chủ nghĩa bi quan mặc dầu những người sáng tác văn học dân gian sống trong nhọc nhằn, cực khổ. Tập thể dường như vẫn có ý thức về tính bất diệt của mình và tin rằng mình sẽ chiến thắng tất cả những lực lượng thù địch”. (Gorki nói)

3. “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ". (Nguyễn Tuân)

4. Hương nhụy trong mát và ngọt lành của tâm hồn con người là nghệ thuật.

5. Văn học dân gian “là những hòn ngọc quý’. (Hồ Chí Minh)

6. "Văn học dân gian là nguồn nhựa sống để nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ, chắp cánh tương lai cho những hoài bão lớn lao về cuộc sống thiên nhiên và con người". (Nguyễn Đình Thi)

7. “Văn học dân gian là cội nguồn, là bầu sữa mẹ nuôi dưỡng nền văn học dân tộc Việt Nam. Nhiều thể loại văn học viết được xây dựng và phát triển dựa trên sự kế thừa các thể loại văn học dân gian. Nhiều tác phẩm , nhiều hình tượng do văn học dân gian tạo nên là nguồn cảm hứng, là thi liệu, văn liệu của văn học viết. Nhiều nhà thơ, nhà văn lớn của dân tộc (Nguyễn Trãi , Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Phan Bội Châu, Nguyễn Bính, Hồ Chí Minh, Nguyễn Duy….) đã tiếp thu có kết quả văn học dân gian để sáng tạo nên những tác phẩm văn chương ưu tú”. (Giáo trình văn học dân gian Việt Nam).

**1.2. Sử thi**

1. “Sử thi thần thánh hóa người anh hùng, còn nền văn học của ta sinh ra người anh hùng trong sự bình dân hóa những phẩm chất cao đẹp – nhất là đức hi sinh và lòng dũng cảm” (Nikolai A. Ostrovsky – Nhà văn nổi tiếng của cuốn tiểu thuyết “Thép đã tôi thế đấy”).

2. Trong "Thi nhân Việt Nam", Hoài Thanh nhận định: "Từ bao giờ đến bây giờ, từ Hômerơ đến kinh thi đến ca dao Việt Nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế".

3. Nhân vật trung tâm của anh hùng ca bao giờ cũng là một con người "hoàn tất ”(với ý nghĩa, ở các mặt đều có phẩm giá cao nhất, tuyệt đối) và "toàn vẹn”. (Bakhtin)

4. "Chỉ thông qua sức mạnh cộng đồng, người ta mới có thể giải thích vẻ đẹp tuyệt với và sâu sắc của thần thoại và anh hùng ca" (Meletixki)

**1.3. Cổ tích**

1.“Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra.” (Andecxen)

2. “Andecxen đã lượm lặt những hạt trơ trên luống đất của những người dân cày, ấp ủ chúng nơi trái tim ông rồi gieo vào những túp lều, từ đó lớn lên và nảy nở những đoá hoa thơ đẹp, chúng an ủi trái tim của những người cùng khổ.” (Pauxtopxki)

3. “Truyện cổ tích thần kì là những hư cấu kì ảo về một hiện thực chỉ có trong mơ ước”.

4. “Truyện cổ tích hấp dẫn người đọc chính ở chỗ tác phẩm đã chiếu rọi ánh sáng lạc quan tin tưởng vào cuộc sống”.

5. "Truyện cổ tích không chỉ dạy ta biết yêu, biết ghét mà còn dạy ta biết ước mơ".

6. “Trong các truyện cổ tích, người ta bay lên không trung, ngồi lên tấm thảm biết bay, đi hia bảy dặm, phục sinh những người đã chết bằng cách rắc nước thần lên họ, trong một đêm thôi cũng xây dựng được những lâu đài, và nói chung, truyện cổ tích đã mở ra trước mắt tôi cánh cửa sổ để trông vào một cuộc sống khác, trong đó có một lực lượng tự do nào đó không biết sợ đang tồn tại và hoạt động, mơ tưởng tới một cuộc đời tốt đẹp hơn”. (M. Gorki)

7. “Truyện cổ tích là sản phẩm của trí tưởng tượng phong phú của nhân dân, vì ở một bộ phận chủ yếu, yếu tố tưởng tượng thần kì tạo nên một đặc trưng nổi bật trong phương thức phản ánh hiện thực và ước mơ”.(Chu Xuân Diên)

**1.4. Truyền thuyết**

1. Không chú trọng tính chính xác như các văn bản lịch sử, truyền thuyết đã phản ánh lịch sử một cách độc đáo: những câu chuyện trong lịch sử dựng nước, giữ nước của cha ông ta được khúc xạ qua lời kể của nhiều thế hệ để rồi kết tinh thành những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, nhuốm màu thần kì mà vẫn thấm đẫm cảm xúc đời thường. (Ngữ văn 10, Tập 1, NXB Giáo Dục, 2017, tr. 39)

2."Truyền thuyết không phải là những tài liệu lịch sử, nó là những sáng tác nghệ thuật về đề tài lịch sử " (Đỗ Bình Trị)

3. ***"***Không chú trọng tính chính xác như các văn bản [lịch sử](https://baitapsachgiaokhoa.com/giai-bai-tap-mon-lich-su), truyền thuyết đã phản ánh lịch sử một cách độc đáo: những câu chuyện trong lịch sử dựng nước, giữ nước của cha ông ta được khúc xạ qua lời kể của nhiều thế hệ để rồi kết tinh thành những hình tượng nghệ thuật đặc sắc, nhuốm màu thần kì mà vẫn thấm đẫm cảm xúc đời thường*". (*Ngữ văn 10*, Tập 1, NXB Giáo Dục, 2017, tr. 39)*

4. "Truyền thuyết dân gian thường có một cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lí tưởng hoá, gửi gắm vào đó tâm tình tha thiết của mình cùng với thơ và mộng" (Phạm Văn Đồng).

**1.5. Ca dao**

1. Lời thơ dân gian không những sẽ bước đầu cho ta làm quen với tâm tư tình cảm của đồng bào ta xưa kia mà đồng thời sẽ còn giúp ta học được những cách nói năng tài tình chính xác. Theo tôi, đối với một người Việt Nam mà thiếu những kiến thức này thì có thể xem như là thiếu một trong những điều cơ bản (Hoài Thanh, “Một vài suy nghĩ về ca dao”, Báo Văn nghệ, số 1,2-1-1982).

2. ''Những câu ca dao từ nghìn đời tổ tiên để lại xoáy vào ruột rà của ta, làm động tới niềm yêu thương sâu sắc lớn lao''. (Xuân Diệu)

3. "Những câu ca dao từ Nam chí Bắc như có đất, có nước; như có cát, có biển; như có mồ hôi người, chúng ta sẽ cảm thấy dần dần tụ lại nơi khóe mắt một giọt ướt sáng ngời. Đó là một giọt tinh túy chắt ra từ ruột rà của non sông". (Xuân Diệu)

4. "Ra đời trong xã hội cũ, ca dao trữ tình là những tiếng hát than thân, những lời ca yêu thương tình nghĩa cất lên từ cuộc đời còn nhiều xót xa, cay đắng nhưng đằm thắm ân tình của người bình dân Việt Nam sau lũy tre xanh, bên giếng nước, gốc đa, sân đình". (Sách giáo khoa Ngữ văn 10, trang 82)

5. "Nếu truyện cổ tích chiếu rọi một ánh sáng hi vọng vào một cuộc sống khác, khác hẳn cuộc đời hàng ngày tẻ nhạt, khô cằn thì ca dao dân ca tìm thi hứng ngay ở cái cuộc đời hàng ngày đó..."

6. "Ca dao là tấm gương tâm hồn dân tộc". (Nguyễn Đình Chiểu)

7. "Thơ ca dân gian là tiếng nói trái tim của người lao động. Nó thể hiện sâu sắc những tình cảm tốt đẹp của nhân dân ta".

8. "Câu ca dao tự bao giờ truyền lại đã gieo vào bóng tối những cuộc đời cực nhọc ấy một ánh sáng, lay động những tình cảm, một ý nghĩ khác thường". (Nguyễn Đình Thi)

9. Ca dao ra đời khi trong lòng mình có những điều muốn thể hiện ra, muốn nói lên" (PGS.TS Nguyễn Văn Lung)

10. “Cái tinh thần ca dao Việt Nam , trước hết là một tinh thần ham sống , vui vẻ , ham tranh đấu , lạc quan tin tưởng ở giống nòi...” (Nguyễn Đình Thi - Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao, cổ tích)

**II. THƠ**

**2.1. Vẻ đẹp, giá trị của thơ**

1. “Thơ chính là tâm hồn.” (M.Gorki)

2. “Thơ là tiếng lòng.” (Diệp Tiếp)

3.“Trên đời, có những thứ chỉ giải quyết được bằng thơ.” (Maiacôpxki)

4. “Thơ ca làm cho tất cả những gì tốt đẹp nhất trên đời trở thành bất tử.” (Shelly)

5. “Thơ là ảnh, là nhân ảnh, thơ cũng ở loại cụ thể hữu hình. Nhưng nó khác với cái cụ thể của văn. Cũng mọc lên từ cái đống tài liệu thực tế, nhưng từ một cái hữu hình nó thức dậy được những vô hình bao la” (Nguyễn Tuân)

6. “Niềm vui của nhà thơ chân chính là niềm vui của người mở đường vào cái đẹp, của người biết đi tới tương lai.” (Pautôpxki)

7. “Thơ là viên kim cương lấp lánh dưới ánh mặt trời.” (Sóng Hồng)

8. “Thơ là ngọn lửa thần.” (Đecgiavin)

9. “Thơ ca là niềm vui cao cả nhất mà loài người đã tạo ra cho mình”. (C.Mac)

10. “Thi sĩ là một con chim sơn ca ngồi trong bóng tối hát lên những tiếng êm dịu để làm vui cho sự cô độc của chính mình.” (B. Shelly)

11. “Thơ là một bức họa để cảm nhận thay vì để ngắm.” (Leonardo De Vinci)

12. “Những câu thơ lấp lánh như những tấm huy chương.” (Pon-Valeri)

13. “Thơ là bà chúa của nghệ thuật.” (Xuân Diệu)

14. “Trong tâm hồn con người đều có cái van mà chỉ có thơ ca mới mở được.” (Nhêcơraxop).

**2.2. Cảm hứng, tình cảm, cảm xúc trong thơ**

1. “Nghệ thuật chỉ làm nên câu thơ, trái tim mới làm nên thi sĩ.” (Nhà thơ Pháp Andre Chanier)

2. “Cuộc sống dệt nên cảm hứng. Thơ ca dệt nên những tấm thảm bay” (A. Puskin)

3. “Thơ chỉ bật ra trong tim ta khi cuộc sống đã tràn đầy” (Tố Hữu)

4. Thơ phản ánh hiện thực cuộc sống mà hiện thực ấy “đã được ủ thành men và bốc lên đắm say” đến mức si mê trong tâm hồn thi sĩ”. (Chế Lan Viên)

5. “Thơ được tạo ra từ cơn động kinh của tâm hồn. Đó là cú đại địa chấn được dồn ứ từ những biến cố, những kỷ niệm, có khi là từ một nỗi nhớ quặn lòng” (Puskin)

6. “Cuộc sống là cánh đồng màu mỡ để cho thơ bén rễ sinh sôi” (Puskin)

7. “Thơ hay là hay từ ý, từ tình” (Ts Chu Văn Sơn)

8. “Thơ là rượu của thế gian.” (Huy Trực)   
 9. “Thơ là thần hứng.” (Platon)

10. “Thơ sinh ra từ tình yêu và lòng căm thù, từ nụ cười trong sáng hay những giọt nước mắt cay đắng.” (Raxun Gamzatôp)

11. “Thơ là âm nhạc của tâm hồn, nhất là những tâm hồn cao cả, đa cảm”. (Voltaire)

12. “Thơ, trước hết là cuộc đời, sau đó mới là nghệ thuật”. (Biêlinxki)

13. “Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy”. (Phạm Văn Đồng)  
 14. “Nghệ thuật bao giờ cũng là tiếng nói của tình cảm con người, là sự tự giãi bày và gửi gắm tâm tư.” (Lê Ngọc Trà)

15. “Mỗi khi có gì chất chứa trong lòng, không nói ra, không chịu được thì lại cần thấy làm thơ.” (Tố Hữu)

16. “Thi sĩ không phải là Người, nó là Người Mơ, Người Say, Người Điên. Nó là Tiên, là Ma,là Quỷ…” (Chế Lan Viên)

17. “Giọng ca buồn là thích hợp nhất cho thơ ca.” (Etga Pô)

18. “Thơ ca phải say mới thích.” (Tố Hữu)

19. “Thơ là người thư kí chân thành của trái tim.” (Đuybralay)

20. “Thơ là sự sung mãn của tình cảm mãnh liệt.” (Ban-zắc)

**2.3. Nội dung, tư tưởng của thơ**

1. “Thơ là kinh thánh của tâm hồn” (Thanh Thảo)

2. “Thơ khác kinh cầu. Nó không tạo ra những cơn mê tập thể. Nó không ru rín” mà nó mê hoặc con người bằng “sự thức tỉnh”. “Thơ chỉ dành cho từng người một. Và khi một người đọc thơ cho mình, là người ấy đã đồng hiện với một giáo đường. Vì vậy, có thể coi một người đọc thơ như nghìn người đọc kinh” [Thanh Thảo – “Tản mạn về thơ”. Tr.79].

3. “Nhà thơ, ngay cả các nhà thơ vĩ đại nhất cũng phải đồng thời là những nhà tư tưởng.” (Biêlinxki)

4. “Thơ là sự thể hiện con người và thời đại một cách cao đẹp.” (Sóng Hồng)

5. Thơ ca là tiếng hát của trái tim, là nơi dừng chân của tâm hồn,do đó không giản đơn mà cũng không thần bí ,thiêng liêng...Thơ ca chân chính phải là nguồn thức ăn tinh thần nuôi tâm hồn phát triển, nó không được là thứ thuốc phiện tinh thần êm ái mà nhỏ nhen, độc hại.

6. “Thơ là chuyện đồng điệu.” (Tố Hữu)

7. “Thơ là tiếng gọi đàn.” (Xuân Diệu)

8. “Thơ là tiếng nói của tri âm.” (Tố Hữu)

9. “Thơ cốt ở ý, ý có sâu xa thơ mới hay. Không phải bất cứ điều gì cũng phải nói ra bằng thơ. Như thế mới là thơ có giá trị”. (Lê Hữu Trác)

10. Bao quát quá trình sáng tạo và ý nghĩa tư tưởng của thơ: “Thơ phải xuất phát từ thực tại, từ đời sống, nhưng phải đi qua một tâm hồn, một trí tuệ và khi đã đi qua như vậy, tâm hồn, trí tuệ ấy phải in dấu vào đó thật sâu sắc, càng cá thể, càng độc đáo, càng hay, thơ là tiếng gọi đàn, là sự đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu của những con người.” (Xuân Diệu)

**2.4. Ngôn ngữ thơ**

1. “Nhạc là cỗ xe chở hồn thi phẩm” (Hoàng Cầm)

2. “Thơ như bông hoa đẹp vậy, từ ngữ là cánh, tứ thơ là đài hoa, ý tình là mật ngọt” (Lâm Ngữ Đường)

3. “Làm thơ là cân một phần nghìn milligram quặng chữ” (Maiacopxki)

4. “Một câu thơ hay là một câu thơ giàu sức gợi” (Lưu Trọng Lư)

5. “Thơ là thơ, đồng thời là họa, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng” (Sóng Hồng)

6. “Thơ là thể loại văn học có độ hàm súc cao, là sự dồn nén cảm xúc đến mức “cô đúc” để rồi phát nổ bằng một hình thức ngôn từ “tổng hợp kết tinh” có vần hoặc có điệu. (Chế Lan Viên)

7. “Thơ ca bắt rễ từ lòng người, nở hoa nơi từ ngữ.” (Câu của người Trung Hoa)

8. “Ðể trong lòng là chí, ngụ ra ý là thơ. Người có sâu, cạn cho nên thơ có mờ có tỏ, rộng hẹp khác nhau.. Người làm thơ không ngoài lấy trung hậu làm gốc, ý nghĩa phải hàm súc, lời thơ phải giản dị.” (Nguyễn Cư Trinh)

9. Ngôn ngữ của thi ca khác với ngôn ngữ của đời sống ở chỗ là nó gợi ra được những liên tưởng phong phú, khơi dậy ở tâm hồn con người những rung động sâu xa, biến những tầm thường của đời sống thành những gì lãng mạn cao cả. (Lâm Ngữ Đường)

**III. TÁC PHẨM VĂN HỌC**

1. “Mỗi tác phẩm nghệ thuật là một phát minh về một hình thức, một khám phá mới về nội dung” (Leonit Leonop)

2. “Văn chương có loại đáng thờ và loại không đáng thờ. Loại không đáng thờ là loại chỉ chuyên chú ở văn chương, loại đáng thờ là loại chuyên chú ở con người. (Nguyễn Văn Siêu)

3. “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất.” (Béc-tôn Brếch)

**IV. TRUYỆN**

1. “Tình huống truyện chính là cuộc đại phẫu lớn của nhà văn. Chính vết mổ ấy đã đưa người đọc tiến gần hơn tới tác phẩm để hiểu được ý đồ sáng tạo của người nghệ sĩ” (Nhà thơ Mỹ – Walt Whitman)

2. “Tình huống là một lát cát của sự sống, là một sự kiện diễn ra có phần bất ngờ nhưng cái quan trọng là sẽ chi phối nhiều điều trong cuộc sống con người” (Nguyễn Minh Châu)

3. “Chi tiết là hạt bụi vàng của tác phẩm” (Pauxtopxki)

4. Nếu tình huống truyện tạo ra bước ngoặt của tác phẩm thì chi tiết nghệ thuật lại là cái bánh lái bẻ nên đường cua tuyệt diệu ấy. (Lê-ô-nốp -Lê-ô-nit)

5. “Nhân vật văn học luôn gắn chặt với chủ đề của tác phẩm và luôn luôn gắn liền với cốt truyện. Nhờ được miêu tả qua xung đột, mâu thuẫn, nên khác với hình tượng hội họa và điêu khắc, nhân vật văn học là một chỉnh thể vận động, có tính cách được bộc lộ dần trong không gian, thời gian, mang tính chất quá trình”. (Từ điển Ngữ văn của tác giả Nguyễn Như Ý)

6. Nhân vật trong truyện: "Nhân vật trong tác phẩm của một thiên tài thực sự nhiều khi thật hơn cả con người ngoài đời, bởi sức sống lâu bền, bởi ý nghĩa điển hình của nó. Qua nhân vật, ta thấy cả một tầng lớp, một giai cấp, một thời đại, thậm chí có nhân vật vượt lên cả thời đại, có ý nghĩa nhân loại, vĩnh cửu sống mãi với thời gian” (Sách Lý luận văn học)

7. Nhân vật là bản sao của đời sống nhưng không phải là bê nguyên xi trần trụi vào tác phẩm mà đã được nhà văn gọt giũa bằng lớp lớp ngôn từ nên khi vào tác phẩm nhân vật đã trở thành hình tượng nghệ thuật. (Lê-ô-nốp -Lê-ô-nit)

8. Hình tượng con người vô danh trong tác phẩm thường được các nhà văn xây dựng một cách chỉn chu, có số phận, có cá tính, tâm lý và đôi khi hội tụ đầy đủ mọi phẩm hạnh. Tuy nhiên nhà văn không định danh, và vì không định danh nên nhân vật mãi mãi là những ám ảnh day dứt trong tâm hồn bạn đọc. (Mạc Ngôn – nhà văn đạt giải Nobel văn học của Trung Quốc)

**V. NHÀ VĂN VÀ QUÁ TRÌNH SÁNG TẠO**

**5.1. Thiên chức nhà văn**

1. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức.” (Thạch Lam)

2. “Thiên chức của nhà văn cũng như những chức vụ cao quý khác là phải nâng đỡ những cái tốt để trong đời có nhiều công bằng, thương yêu hơn.” (Thạch Lam)

3. "Một tác phẩm nghệ thuật là kết quả của tình yêu. Tình yêu con người, ước mơ cháy bỏng vì một xã hội công bằng, bình đẳng bái ái luôn luôn thôi thúc các nhà văn sống và viết, vắt cạn kiệt những dòng suy nghĩ, hiến dâng bầu máu nóng của mình cho nhân loại.” (Leptonxtoi).

4. “Nhà văn phải biết khơi lên ở con người niềm trắc ẩn, ý thức phản kháng cái ác; cái khát vọng khôi phục và bảo vệ những cái tốt đẹp”. (Ai ma tôp)

5. “Trước hết là các nghệ sĩ lớn, sau đó mới đến các nhà khoa học, họ xứng đáng hơn ai hết được hưởng sự kính trọng của con người.” (Einstein)

6.“Nhà văn là người cho máu.” (Enxa Tơriole)

7. "Nhà văn phải là người đi tìm gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người". (Nguyễn Minh Châu)

8. "Nhà văn tồn tại ở trên đời trước hết để làm công việc giống như kẻ nâng giấc cho những con người bị cùng đường, tuyệt lộ, bị cái ác hoặc số phận đen đủi dồn đến chân tường. Những con người cả tâm hồn và thể xác bị hắt hủi và đọa đày đến ê chề, hoàn toàn mất hết lòng tin vào con người và cuộc đời. Nhà văn tồn tại ở trên đời để bênh vực cho những con người không có ai để bênh vực".(Nguyễn Minh Châu)

9. Nhà văn phải viết vì một con người hôm nay, vì thế giới hôm nay và vì thời đại của mình. Song cái lí tưởng mà khao khát của nhà văn hướng đến vẫn là một giá trị nhân loại trong trọn vẹn thời gian và không gian lịch sử (Nguyễn Hoàng Đức)

10. Nghệ sĩ càng lớn, thế giới riêng của tác phẩm càng nổi bật. (Balzac)

11. Nhà văn phải là người đi tìm gắng đi tìm những hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người. (Nguyễn Minh Châu)

12. Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên; trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối, tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú thêm. (Thạch Lam)

13. Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo,không nên ăn bám vào người khác.Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay...Cũng cùng 1 vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước.Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của.Dùng chữ như đánh cờ tướng,chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó.Văn phải linh hoạt.Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp (Nguyễn Tuân)

14. Tôi không thể nào tưởng tượng nổi một nhà văn mà lại không mang nặng trong mình tình yêu cuộc sống và nhất là tình yêu thương con người. Tình yêu này của người nghệ sĩ vừa là một niềm hân hoan say mê, vừa là một nỗi đau đớn, khắc khoải, một mối quan hoài thường trực về số phận, hạnh phúc của những người chung quanh mình. Cầm giữ cái tình yêu ấy trong mình, nhà văn mới có khả năng cảm thông sâu sắc với những nỗi đau khổ, bất hạnh của người đời, giúp họ có thể vượt qua những khủng hoảng tinh thần và đứng vững được trước cuộc sống. (Nguyễn Minh Châu)

15. Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành mật ngọt

Một mật ngọt thành đòi vạn chuyến ong bay.

(Chế Lan Viên)

16. Thơ là cái nhụy của cuộc sống, nên nhà thơ phải đi hút cho được cái nhụy ấy và phấn đấu làm sao cho cuộc đời của mình cũng có nhụy. (Phạm Văn Đồng)

17. "Tôi quan niệm đã viết văn phải cố viết cho hay và viết đúng cái tạng riêng của mình. Văn chương cần sự độc đáo hơn trong bất kỳ lĩnh vực nào khác" (Nguyễn Tuân)

18. Mỗi nghệ sĩ có thể đến với văn chương và cuộc đời bằng con đường riêng của mình. Nhưng tư duy nghệ thuật dù có đổi mới đến đâu đi nữa thì cũng không thể vượt ra ngoài các quy luật của Chân – Thiện – Mỹ, quy luật nhân bản. Nhà văn chân chính có sứ mệnh khơi nguồn cho dòng sông văn học đổ ra đại dương nhân bản mênh mông.(Lã Nguyên).

**5.2. Phong cách nhà văn**

1. “Nghệ thuật là lĩnh vực của sự độc đáo vì vậy nó đòi hỏi người viết sự sáng tạo phong cách mới lạ, thu hút người đọc.” (Phương Lựu)

2. “Cái quan trọng trong tài năng văn học và tôi nghĩ rằng cũng có thể trong bất kì tài năng nào, là cái mà tôi muốn gọi là tiếng nói của riêng mình”. (Ivan Tuốcghênhiép)  
 3. “Nếu tác giả không có lối đi riêng thì người đó không bao giờ là nhà văn cả… Nếu anh không có giọng riêng, anh ta khó trở thành nhà văn thực thụ” (Sê khốp)  
 4. “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp. Không chỉ đơn giản là đẹp mà còn đẹp một cách riêng. Đối với nhà thơ, tìm cho ra bút pháp của mình – nghĩa là trở thành nhà thơ.” (Raxun Gamzatop)

5. “Nghệ sĩ là người biết khai thác những ấn tượng riêng chủ quan của mình, tìm thấy những ấn tượng đó có giá trị khái quát và biết làm cho những ấn tượng đó có những hình thức riêng.” (M.Gorki)

6. Sự trưởng thành của một thể loại được đánh dấu bằng cổ nhiên, nhưng rõ hơn lại đánh dấu bằng những phong cách. *(Lí luận văn học)*

**5.3. Quá trình sáng tạo**

***\* Thâm nhập đời sống và cảm hứng sáng tạo***

1. “Bài thơ anh anh làm một nửa mà thôi

Còn một nửa cho mùa thu làm lấy

Cái xào xạc hồn anh chính là xào xạc lá

Nó không là anh nhưng nó là mùa”

(Sổ tay thơ, Chế Lan Viên)

2. “Những gì tôi viết ra là những gì thương yêu nhất của tôi, những ước mong nhức nhối của tôi.” (Nguyên Hồng)

3. “Tôi thu thập hình tượng cũng như con ong hút mật vậy. Một con ong phải bay một đoạn đường bằng sáu lần xích đạo trong một năm ba tháng và đậu lên bảy triệu bông hoa để làm nên một gam mật.” (P.Povlenko)

4. “Văn học phản ánh hiện thực nhưng không phải là chụp ảnh sao chép hiện thực một cách hời hợt nông cạn. Nhà văn không bê nguyên si các sự kiện, con người vào trong sách một cách thụ động, giản đơn. Tác phẩm nghệ thuật là kết quả của một quá trình nuôi dưỡng cảm hứng, thai nghén sáng tạo ra một thế giới hấp dẫn, sinh động… thể hiện những vấn đề có ý nghĩa sâu sắc, bản chất của đời sống xã hội con người…” (Sách Lý luận văn học)

5. “Có những đêm không ngủ, mắt rực cháy và thổn thức, lòng tràn ngập nhớ nhung…Khi đó tôi viết.” (Lecmontop)

6. “Nếu những nỗi đau khổ từ lâu bị kiềm chế, nay sôi sục dâng lên trong lòng thì tôi viết.” (Nêkratxtop)

7. “Giống như ngọn lửa thần bốc lên từ trong cành khô, tài năng bắt nguồn từ những tình cảm mạnh mẽ nhất của con người.” (Raxun Gazatôp)

8. “Hãy đập vào tim anh – Thiên tài là nơi đó.” (A.De Muytxe)

9. “Nhà thơ như con ong biến trăm hoa thành một mật. Một giọt mật thành, đòi vạn chuyến ong bay “   (Chế Lan Viên)

***\*Viết***

1. “Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn phải tìm kiếm và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của tác phẩm thể hiện ở khả năng đặt ra câu hỏi về mọi vấn đề trong xã hội. **(**Milan Kundera)

2. “Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay…Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp…” (Nguyễn Tuân)

**VI. GIÁ TRỊ VĂN HỌC**

**6.1. Giá trị hiện thực**

1. .“Cuộc đời là nơi xuất phát cũng là nơi đi tới của văn học.” (Tố Hữu)

2. “Cái đẹp là cuộc sống.” (Secnưsepxki)

3. “Viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc”. (Tô Hoài)

4. “Cuộc sống giống như nghiên mực mà ngòi bút của nhà văn phải chấm vào đấy mới viết nên trang” ( Sách “Những Bài Văn Đạt Giải Quốc Gia” )

5. “Nhà văn phải là người thư kí trung thành của thời đại”. (Banlzac)  
 6 .“Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than. (Nam Cao)

7. “Sống đã rồi hãy viết, hãy hòa mình vào cuộc sống vĩ đại của nhân dân”. (Nam Cao)

9. “Nghệ thuật đó là sự mô phỏng tự nhiên.” (Puskin)

10. “Điều quan trọng hơn hết trong sự nghiệp của những nhà văn vĩ đại ấy lại là cuộc sống, trường đại học chân chính của thiên tài. Họ đã biết đời sống xã hội của thời đại, đã cảm thấy sâu sắc mọi nỗi đau đớn của con người trong thời đại, đã rung động tận đáy tâm hồn với những nỗi lo âu, bực bội, tủi hổ và những ước mong tha thiết nhất của loài người. Đó chính là cái hơi thở, cái sức sống của những tác phẩm vĩ đại.” (Đặng Thai Mai)

11. “Các ông muốn tiểu thuyết cứ là tiểu thuyết. Tôi và các nhà văn cùng chí hưóng như tôi muốn tiểu thuyết là thực sự ở đời.” (Vũ Trọng Phụng)

12. “Tất cả mọi nghệ thuật đều phục vụ cho một nghệ thuật vĩ đại nhất là nghệ thuật sống trên Trái Đất.” (Béc-tôn Brếch)

13. “Vạt áo của triệu nhà thơ không bọc hết vàng mà đời rơi vãi. Hãy nhặt lấy chữ của đời mà góp nên trang.” (Chế Lan Viên)

**6.2. Giá trị nhân đạo**

1. ”Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình…Nó làm cho người gần người hơn.” (Nam Cao)

2. “Đối với tôi văn chương không phải là cách đem đến cho người đọc sự thoát li hay sự quên;trái lại văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đắc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối,tàn ác,vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn”. (Thạch Lam)

3.“Một nhà nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo trong cốt tủy”. (Sê khốp)  
 4. “Đối với con người, sự thực đôi khi nghiệt ngã, nhưng bao giờ cũng dũng cảm củng cố trong lòng người đọc niềm tin ở tương lai. Tôi mong muốn những tác phẩm của tôi sẽ làm cho con người tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, thức tỉnh tình yêu đối với con người và khát vọng tích cực đấu tranh cho lí tưởng nhân đạo và tiến bộ của loài người”. (Sô lô khốp)

5. “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng vươn tới chân lý” (M. Gorki).

6. Con hãy lắng nghe nỗi buồn của cành cây héo khô, của chim muông què quặt, của hành tinh lạnh ngắt. Nhưng trước hết con hãy lắng nghe nỗi buồn của con người. (Nadimetlicmet)

7. Tác phẩm nghệ thuật sẽ chết nếu nó miêu tả cuộc sống chỉ để miêu tả, nếu nó không phải là tiếng thét khổ đau hay lời ca tụng hân hoan, nếu nó không đặt ra những câu hỏi hoặc trả lời những câu hỏi đó. (Bêlinxki)

8. Văn học là nhân học. (M. Gorki)

9. Không có gì nghệ thuật hơn bản thân lòng yêu quý con người(Van Gốc)

10. Văn chương bất hủ cổ kim đều viết bằng huyết lệ (Lâm Ngữ Đường)

11. Con người đến với cuộc sống từ nhiều nẻo đường, trên muôn vàn cung bậc phong phú nhưng tiêu điểm mà con người hướng đến vẫn là con người. (Đặng Thai Mai)

12. Tư tưởng nhân đạo xuyên suốt văn học từ xưa đến nay. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là “tình thương, lòng thương người” (Lê Trí Viễn)

13. Thanh nam châm thu hút mọi thế hệ vẫn là cái cao thượng, cái đẹp và cái nhân đạo của lòng người. (Xê - Lê - Khốp)

14. Cốt lõi của lòng nhân đạo là lòng yêu thương. Bản chất của nó là chữ tâm đối với con người. (Hoài Chân)

15. Nếu như cảm hứng nhân bản nghiêng về đồng cảm với những khát vọng rất người của con người, cảm hứng nhân văn thiên về ngợi ca vẻ đẹp của của con người thì cảm hứng nhân đạo là cảm hứng bao trùm. (Hoài Thanh)

16. Nghệ thuật là sự vươn tới, sự níu giữ mãi mãi. Cái cốt lõi của nghệ thuật là tính nhân đạo. (Nguyên Ngọc)

17. "Cảm động lòng người trước hết không gì bằng tình cảm và tình cảm là cái gốc của văn chương". (Bạch Cư Dị)

18. Có thể màu sắc, quốc kì, ngôn ngữ hay màu da chúng ta khác nhau. Nhưng máu chúng ta đều có màu đỏ, nhịp tim đều giống nhau. Văn học cuối cùng là viết về trái tim con người.

19. Khái niệm nhân đạo có những tiền thân của nó, trong lời nói thông thường đó là tình thương, lòng thương người". (Lê Trí Viễn)

  20. "Nghệ thuật chỉ đạt đến đỉnh cao khi nó được chắt lọc từ những nỗi đau đích thực của cuộc đời". (Lê Huy Bắc)

**VII. CHỨC NĂNG CỦA VĂN HỌC**

**7.1. Nhận thức**

1. “Văn học giúp con người hiểu được bản thân mình nâng cao niềm tin vào bản thân mình và làm nảy nở ở con người khát vọng vươn tới chân lý” (M. Gorki)

2. “Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.” (M.L.Kalinine)

3. “Một tiểu thuyết thực sự hứng thú là tiểu thuyết không chỉ mua vui cho chúng ta, mà còn chủ yếu hơn là giúp đỡ chúng ta nhận thức cuộc sống, lí giải cuộc sống.” (Giooc-giơ Đuy-a-men)

4. Văn học làm cho con người thêm phong phú, tạo khả năng cho con người lớn lên, hiểu được con người nhiều hơn.(M.L.Kalinine)

**7.2. Giáo dục**

1*.* “Nghệ thuật là câu trả lời đầy thẩm mĩ cho con người; thay đổi, cải thiện thế giới tinh thần của con người, nâng con người lên”. *(Tố Hữu)*

2.“Nghệ thuật là sự vươn tới, sự hướng về, sự níu giữ mãi mãi tính người cho con người”. (Nguyên Ngọc)

3. Sức mạnh của văn học: “Văn chương phải là thế trận đuổi nghìn quân giặc.” (Trần Thái Tông)

4. "Xét đến cùng, ý nghĩa thực sự của văn học là nhân đạo hóa con người".

5. "Thơ ca đồng thời song hành với con người chức năng thức tỉnh lương tri đang ngủ". (Eptusencô)

**7.3. Thẩm mĩ**

1. “Đối với nhà thơ thì cách viết, bút pháp của anh ta là một nửa việc làm. Dù bài thơ thể hiện ý tứ độc đáo đến đâu, nó cũng nhất thiết phải đẹp.” (Raxun Gamzatop)

2. “Công việc của nhà văn là phát hiện ra cái đẹp ở chỗ không ai ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật, để cho người đọc một bài học trông nhìn và thưởng thức.” (Thạch Lam)

3. Niềm vui của nhà văn chân chính là niềm vui của người dẫn đường đến xứ sở cái đẹp. (Pautopxki)

4. Nói nghệ thuật tức là nói đến sự cao cả của tâm hồn. Đẹp tức là một cái gì cao cả. Đã nói đẹp là nói cao cả. Có khi nhà văn miêu tả một cái nhìn rất xấu, một tội ác, một tên giết người nhưng cách nhìn, cách miêu tả phải cao cả. (Nguyễn Đình Thi)

5.“Văn học, đó là tư tưởng đi tìm cái đẹp trong ánh sáng”. (CharlesDuBos)

**VIII. TIẾP NHẬN VĂN HỌC**

1. “Mỗi tác phẩm đều có ít nhiều nhà văn.” (Thạch Lam)

2. “Tác phẩm chân chính không kết thúc ở trang cuối cùng, không bao giờ hết khả năng kể chuyện khi câu chuyện về các nhân vật đã kết thúc. Tác phẩm nhập vào tâm hồn và ý thức của bạn đọc, tiếp tục sống và hành động như một lực lượng nội tâm, như sự dằn vặt và ánh sáng của lương tâm, không bao giờ tàn tạ như thi ca của sự thật.” (Aimatop)

3. “Văn học không quan tâm đến những câu trả lời do nhà văn đem lại, mà quan tâm đến những câu hỏi do nhà văn đặt ra, và những câu hỏi này, luôn luôn rộng hơn bất kỳ một câu trả lời cặn kẽ nào”. (Claudio Magris – N.văn Ý)

4. “Người sáng tác là nhà văn và người tạo nên số phận cho tác phẩm là độc giả.” (M.Gorki)

5. “Cái bóng của độc giả đang cúi xuống sau lưng nhà văn khi nhà văn ngồi dưới tờ giấy trắng. Nó có mặt ngay cả khi nhà văn không thừa nhận sự có mặt đó. Chính độc giả đã ghi lên tờ giấy trắng cái dấu hiệu vô hình không thể tẩy xoá được của mình.” (Sách Lý luận văn học)

6.“Bạn ơi hay suy nghĩ bằng trái tim

Và hãy đọc cảm xúc bằng lý trí”

(Phôntan)

7. “Khi đặt bút viết một tác phẩm, nhà văn phải tìm kiếm và đặt ra rất nhiều câu hỏi. Chiều sâu của tác phẩm thể hiện ở khả năng đặt ra câu hỏi về mọi vấn đề trong xã hội. Chính người đọc sẽ tìm được câu trả lời chính xác theo cách riêng của mình. **(**Milan Kundera)

**IX. VĂN HỌC LÀ NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ (+ Ngôn ngữ thơ)**

1. Ngôn ngữ là yếu tố đầu tiên của [văn học](http://onthi.com/?a=OT&ot=LT&hdn_lt_id=118#1)" (M.[Gorki](http://onthi.com/?a=OT&ot=LT&hdn_lt_id=1363#0))

2. "Ở đâu có lao động thì ở đó có sáng tạo ra ngôn ngữ. Nhà văn không chỉ học tập ngôn ngữ của nhân dân mà còn là người phát triển ra ngôn ngữ sáng tạo, không nên ăn bám vào người khác. Giàu ngôn ngữ thì văn sẽ hay… Cũng cùng một vốn ngôn ngữ ấy nhưng sử dụng có sáng tạo thì văn sẽ có bề thế và kích thước. Có vốn mà không biết sử dụng chỉ như nhà giàu giữ của. Dùng chữ như đánh cờ tướng, chữ nào để chỗ nào phải đúng vị trí của nó. Văn phải linh hoạt. Văn không linh hoạt gọi là văn cứng đơ thấp khớp….". (Nguyễn Tuân)

3. "Ngôn ngữ của tác phẩm phải gãy gọn, chính xác, từ ngữ phải được chọn lọc kĩ càng. Chính các tác giả cổ điển đã viết bằng 1 ngôn ngữ như vậy, đã kế tục nhau trau dồi nó từ thế kỉ này sang thế kỉ khác". (M. Gorki)

4. Ngôn ngữ là “tiếng nói nguyên liệu “còn ngôn ngữ văn học là “tiếng nói đã được bàn tay thợ nhào luyện. (Gorki)

5. Sử dụng ngôn ngữ thơ để tạo hình: "Nhịp điệu của câu thơ là nhịp điệu của sóng gió và cũng là nhịp điệu náo nức xôn xao và biết bao sung sướng êm ái trong lòng người trở về quê cũ, nơi đã nuôi mình". (Tố Hữu)

6. Tính chính xác của ngôn ngữ văn học: "Đối tượng mà anh muốn nói đến dù là cái gì cũng chỉ có một từ để biểu hiện nó". (Môpat xăng)

**---------------- HẾT ----------------**